

# THÔNG TIN Khoa học & Công nghệ

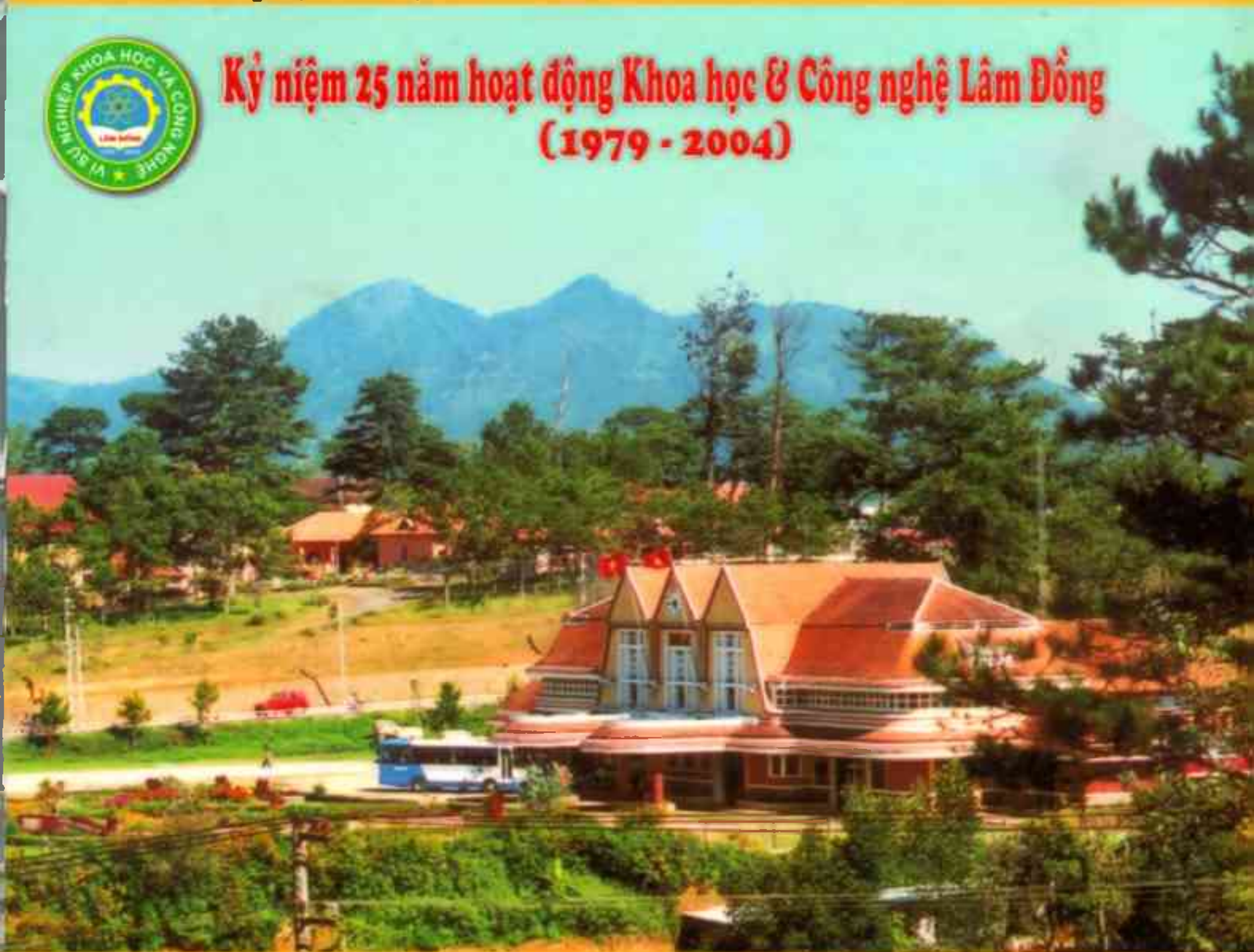


Số 4 - 2004 (47)

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG  
35 Trần Hưng Đạo - Đà Lạt



**Kỷ niệm 25 năm hoạt động Khoa học & Công nghệ Lâm Đồng  
(1979 - 2004)**



- \* MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG
- \* HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CÁN BỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI LÂM ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI
- \* ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở LÂM ĐỒNG
- \* MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP TẠI ĐÀ LẠT



# Thông tin

# Khoa học & công nghệ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Số 4.2004

## Trong số này

### BAN BIÊN TẬP

**TRƯƠNG TRỐ**

*Tổng biên tập*

**NGUYỄN XUÂN SƠN**

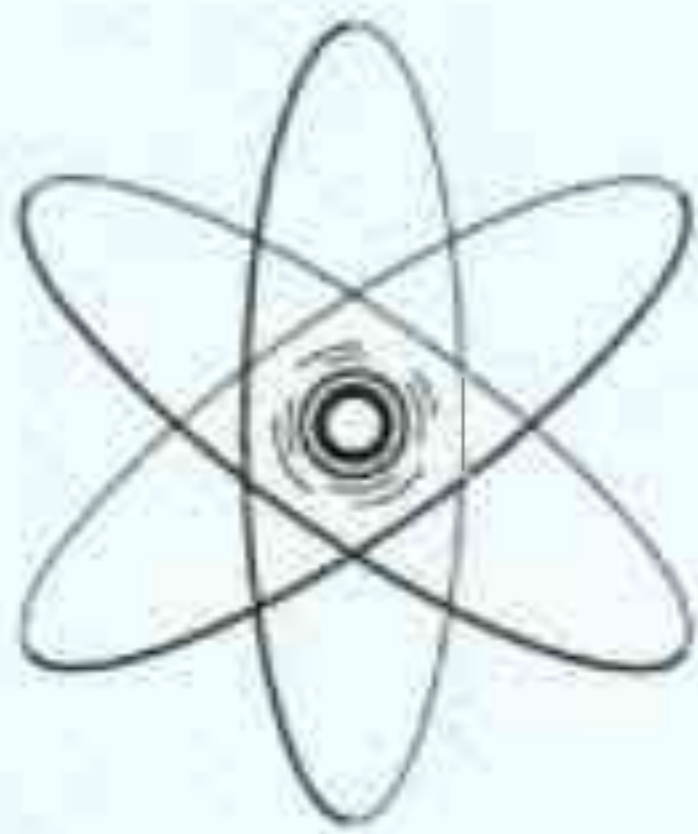
*Phó tổng biên tập*

**NGUYỄN THỤY HOÀNG**

*Thu ký*

**NGÔ HUY ĐÔNG**

*Trình bày*



### ẢNH BÌA TRƯỚC

*Ga Đà Lạt*

**ẢNH**

*Bùi Á*

- \* 25 năm khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng (1979 -2004) \_\_\_\_\_ 1
- \* Mười năm xây dựng và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 5
- \* Trường Đại học Đà Lạt 28 năm đổi mới và phát triển \_\_\_\_\_ 7
- \* Hiệu quả sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số tại Lâm Đồng trong những năm đổi mới \_\_\_\_\_ 9
- \* Công tác Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng trong 25 năm hoạt động của ngành KH-CN Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 12
- \* Hiệu quả của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong cải cách hành chính tại văn phòng hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt trong thời gian qua \_\_\_\_\_ 15
- \* Công nghệ sinh học trong định hướng và nghiên cứu nhân giống hoa cúc và hoa lay-ơn \_\_\_\_\_ 17
- \* Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng vào chuyển giao khoa học - công nghệ ở Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 20
- \* Vườn thơ "Hoa tư tưởng" \_\_\_\_\_ 24
- \* Mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp tại Đà Lạt \_\_\_\_\_ 26
- \* ABC Đà Lạt \_\_\_\_\_ 27
- \* Đánh giá hiệu quả việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống tại Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 30
- \* Phát triển và điều chỉnh cơ cấu đầu tư các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ \_\_\_\_\_ 33
- \* Sản xuất giá thể trồng hoa lan từ các phụ phế phẩm nông nghiệp ở Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 35
- \* Tình hình hoạt động SHCN tại Lâm Đồng \_\_\_\_\_ 37
- \* Hoạt động thanh tra KH-CN trong 10 năm qua \_\_\_\_\_ 39
- \* Mục lục tập san thông tin Khoa học - Công nghệ tỉnh Lâm Đồng (2000 - 2004) \_\_\_\_\_ 43
- \* Tin khoa học, công nghệ, môi trường \_\_\_\_\_ 47

*Giấy phép xuất bản số 2293/GPXB do Bộ văn hóa - thông tin cấp ngày 20.6.1995.  
Sắp chữ tại Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng. In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12.2004*

## 25 NĂM KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÂM ĐỒNG (1979-2004)

**TRƯƠNG TRỞ**

*Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Lâm Đồng*

Sở KH-CN Lâm Đồng được thành lập từ năm 1979 với tên gọi là Ban KH-KT, đổi thành Sở KH-CN & MT năm 1993 và từ 2004 là Sở KH&CN. Trong vai trò quản lý nhà nước về KH-CN, 25 năm qua đã không ngừng cải tiến và tăng cường năng lực hoạt động. Những thành tích đóng góp trên các mặt hoạt động như: tổ chức nghiên cứu và triển khai KH-CN; giám định công nghệ, quản lý môi trường; tham mưu giúp tỉnh trong việc cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về KH-CN phù hợp với điều kiện của địa phương, đã được Bộ KH-CN và tỉnh Lâm Đồng tặng nhiều bằng khen và năm 1999 được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba. Cùng với sự nỗ lực chung của các ngành, các cấp trong tỉnh, hoạt động KH-CN tỉnh Lâm Đồng đã không ngừng phát triển và đạt được những thành tựu đáng kể góp phần tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH của Tỉnh.

Ở những năm đầu (giai đoạn 1979-1984), hoạt động quản lý KH-CN tập trung chủ yếu vào quản lý kỹ thuật tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng; thúc đẩy việc nâng cao chất lượng hàng hoá; phổ biến các thông tin khoa học, tiến bộ kỹ thuật; phát động phong trào sáng kiến, hợp lý hoá sản xuất nhằm góp phần khắc phục khó khăn trong sản xuất của thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Giai đoạn 1984-1989, ngành KH-CN Lâm Đồng thực hiện nhiệm vụ tập hợp, chọn lọc các đề tài nghiên cứu phục vụ sản xuất để xây dựng kế hoạch KH-KT. Thông qua hoạt động của hội đồng khoa học - kỹ thuật ở các cấp (tỉnh, ngành, cơ sở), các kế hoạch KH-CN & MT hàng năm đã được xem xét cụ thể để trình phê duyệt. Những nghiên cứu tập trung trên các giống cây trồng (lúa, chè, cà phê, dâu tằm, rau hoa), vật nuôi (heo, bò, gà, cá); xây dựng các quy trình sản xuất trong lĩnh vực nông - công nghiệp. Một số nội dung điều tra cơ bản (cấp nhà nước) cũng đã giúp ích thiết thực đối với địa phương trong nhiệm vụ quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh (như Chương trình Tây nguyên I & II,...). Các công trình nghiên cứu trong nông-lâm-công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khoáng sản đã được áp dụng nhiều hơn và mang lại kết quả có giá trị góp phần phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

Sau những năm đổi mới và nhất là từ khi Nghị quyết 02/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII ban hành; Nghị quyết 09/TU của Tỉnh ủy Lâm Đồng về KH-CN đã thật sự tạo ra những chuyển biến cơ bản trong nhận thức và hành động của các ngành, các cấp về khoa học-công nghệ. Nhiều chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết trên đã được xây dựng công phu, bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nội dung hoạt động KH-CN được tập trung để giải quyết những vấn đề có tính chiến lược, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở từng giai đoạn. Cụ thể là những hoạt động nghiên cứu: Đổi mới công nghệ của các ngành sản xuất công nghiệp trọng yếu; Hướng các nhà sản xuất vào nhiệm vụ quản lý hệ thống chất lượng; Ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Xây dựng chiến lược quản lý chất thải, xây dựng các quy định, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường của địa phương; Hướng các hoạt động khoa học-công nghệ, sản xuất-kinh doanh gắn kết với mục tiêu bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển kinh tế-xã hội một cách bền vững.

Hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 1996-2004 được cụ thể hoá bởi 11 chương trình KHCN trọng điểm được UBND Tỉnh phê duyệt. Có thể nói từ năm 2001 đến nay ngân sách dành cho KH-CN đã tăng dần: từ 1% ở những năm trước đây lên gần 1,7% tổng chi ngân sách địa phương, phục vụ kịp thời công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng. Nhiều kết quả nghiên cứu được sử dụng, là luận cứ khoa học, góp phần giải quyết một số vấn đề thực tiễn kinh tế - xã hội địa phương... Đồng thời với công tác kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường năng lực hoạt động và quản lý, việc đảm bảo chi tiêu ngân sách cho khoa học là một trong những yếu tố giúp cho KH-CN thực sự giữ vai trò động lực phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong 25 năm qua, thành quả đạt được của ngành KHCN có tính tiêu biểu, góp phần tích cực cho sự nghiệp phát triển KT-XH Lâm Đồng, thể hiện rõ nét trong một số lĩnh vực sau đây.

### 1. Hoạt động điều tra cơ bản

Trong những năm qua đã được thực hiện có hệ thống, có trọng điểm làm căn cứ cho các quyết định về chiến lược, quy hoạch và đầu tư phát triển KT-XH tại địa phương. Cơ bản đã hoàn thành các bước điều tra về điều kiện tự nhiên, khí hậu, đất đai, tài nguyên và xã hội; đánh giá xác định những tiềm năng hiện có. Hàng năm đều có kế hoạch bổ sung và hoàn chỉnh cho phần điều tra cơ bản, xây dựng các loại hình bản đồ với những tỷ lệ thích hợp đáp ứng yêu cầu của địa phương. Phần lớn các tài liệu nghiên cứu và bản đồ liên quan đến những nội dung trên đều được tổng hợp, số hoá và đưa vào quản lý trong hệ thống thông tin về tài nguyên, môi trường tỉnh Lâm Đồng (GIS). Nhìn chung, các đề tài thuộc lĩnh vực này đã được chính quyền địa phương và các ngành đánh giá cao, là những căn cứ khoa học hữu ích để góp phần xây dựng các quy hoạch kinh tế-xã hội tổng thể của tỉnh giai đoạn 1993-2000, định hướng đến 2010; quy hoạch tổng thể phát triển du lịch 1993-2000 và định hướng đến 2010,...

### 2. Hoạt động nghiên cứu & triển khai, áp dụng tiến bộ kỹ thuật

Đây là hoạt động gắn kết với các ngành nông-lâm-công nghiệp trong tỉnh. Ở giai đoạn đầu, công tác khảo nghiệm tiến hành nghiên cứu về giống các loại cây trồng, vật nuôi, xây dựng các quy trình sản xuất nhằm khắc phục những khó khăn trong thời kỳ khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Từ 1990-1995 các hoạt động nghiên cứu triển khai được gắn với mục tiêu phục vụ cho sản xuất và đời sống; tập trung thực hiện 5 chương trình kinh tế mũi nhọn của tỉnh (lương thực-thực phẩm; công nghiệp chế biến; lâm nghiệp và định canh định cư; khai thác-chế biến khoáng sản; phát triển du lịch). Giai đoạn này việc ứng dụng công nghệ sinh học đã khẳng định ưu thế trong việc nhân cấy tế bào thực vật. Những ứng dụng không chỉ triển khai thực hiện ở cơ quan nghiên cứu mà cả trong các doanh nghiệp, các địa phương, các gia đình nông dân tiên tiến. Việc áp dụng khởi đầu từ nhân giống khoai tây mô đến nay đã ứng dụng rộng rãi trong việc nhân giống hoa phong lan, địa lan, cẩm chương, lys, các cây ăn quả, cây thuốc, cây rừng... Kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào thực vật đã trở thành công cụ sản xuất giống quy mô hàng hóa mang lại lợi nhuận cao cho người sản xuất ở Lâm Đồng. Đây là tiền đề mở ra hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao cho tỉnh Lâm Đồng những năm sau này. Đồng thời đây cũng chính là căn cứ đảm bảo cho việc tiếp cận và chủ động tham gia trên thương trường quốc tế đối với một số mặt hàng thế mạnh của địa phương (chè, cà phê, rau, hoa,...).

Nhiều đề tài khảo nghiệm về các giống cây công nghiệp (chè, dâu tằm, cà phê, điều), các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với Lâm Đồng-Đà Lạt cho năng suất, chất lượng cao, mang lại giá trị kinh tế

cho nông dân đã được thực hiện. Đối với địa phương, những thành tựu mà KH-CN đóng góp cho ngành nông nghiệp đã góp phần giải quyết được vấn đề lương thực cho nhiều vùng sâu, vùng kinh tế mới; đời sống đồng bào dân tộc ít người đã được cải thiện rõ rệt. Thông qua các kết quả nghiên cứu ngành nông nghiệp đã tuyển chọn, xây dựng được tập đoàn giống chè năng suất cao, phẩm chất tốt tại Lâm Đồng. Tổ chức mở rộng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các giống rau hoa phù hợp với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng quy trình sản xuất rau an toàn cho vùng trồng rau trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu giúp chọn lọc các giống dâu tây năng suất cao, phẩm chất tốt phù hợp với khí hậu và thổ nhưỡng Đà Lạt. Đặc biệt đối với nhiệm vụ phát triển ngành hoa - thế mạnh của Đà Lạt - nhiều đề tài nghiên cứu ứng dụng đã cho các kết quả tích cực như: mô hình sản xuất hoa cắt cành theo hướng công nghiệp (nội tiêu và xuất khẩu); nghiên cứu giá thể tổng hợp trồng cây địa lan và một số loại cây cảnh có giá trị; quy trình trồng các giống hoa ngắn ngày.

Trong những năm qua, các dự án nông thôn miền núi được triển khai đã góp phần mang lại hiệu quả, nâng cao đời sống của các vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương. Thông qua đó việc tổ chức chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi-trồng trọt đến các vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn (tại các huyện Cát Tiên, Di Linh, Lạc Dương, Đơn Dương, Đa Huoai, Bảo Lâm, Lâm Hà) đã được đồng bào dân tộc hưởng ứng tích cực. Dự án đã thực sự đem lại cách thức làm ăn mới, hiệu quả trong chăn nuôi, trồng trọt, tăng năng suất và giá trị hàng hoá, giúp bà con nông dân chuyển dần từ kinh tế tự cấp sang kinh tế hàng hoá, vươn lên phát triển kinh tế gia đình.

Trên lĩnh vực lâm nghiệp - thủy lợi đã tổ chức nghiên cứu và xây dựng hệ thống rừng giống, các đề án bảo vệ rừng đặc dụng, phòng hộ, bảo vệ các động vật quý hiếm. Thực hiện chương trình lâm nghiệp và định canh định cư, tổ chức thành công các mô hình nông-lâm kết hợp, vườn rừng trên đất dốc và phổ biến mô hình VACR.

Quy hoạch hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu nhằm thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích cây lương thực, cây công nghiệp. Triển khai có hiệu quả các đề án phòng chống lũ lụt, giảm nhẹ thiên tai cho một số vùng thường bị ảnh hưởng. Xây dựng nhiều công trình cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn cho nhân dân vùng sâu, đảm bảo nước sạch cho tất cả các huyện thị trong tỉnh. Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu quá trình bồi lắng lòng hồ, phục vụ cho công tác thủy lợi.

Lĩnh vực công nghiệp đã có bước chuyển biến tích cực, đã triển khai các đề án thuộc chương trình phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp (giai đoạn 1991-1995 và đến năm 2000) với các nội dung cụ

thể như: nước sinh hoạt công nghiệp; chế biến nông-lâm sản; sản phẩm tiểu thủ công nghiệp; vật liệu xây dựng; khai thác và chế biến khoáng sản; phát triển năng lượng, mở rộng mạng lưới điện lực. Một số mặt hàng nông sản chế biến và vật liệu xây dựng được ưa chuộng trên thị trường đã được đầu tư nghiên cứu để nâng cao chất lượng và mở rộng sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Chương trình phát triển mạng lưới điện nông thôn trong những năm gần đây đã đem lại kết quả cao: từ chỗ lắp đặt các trạm thủy điện nhỏ có công suất phục vụ sinh hoạt, đến việc thiết kế xây dựng các hệ thống đập thủy điện có quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh trong giai đoạn tới. Hiện nay các huyện, thị của tỉnh đều có điện lưới quốc gia, tỷ lệ số hộ dân toàn tỉnh có điện là 85%, tỷ lệ số hộ dân nông thôn có điện là 76%. Những hoạt động này đã và đang góp phần đẩy mạnh mục tiêu thực hiện điện khí hoá phục vụ phát triển toàn diện nông thôn.

Đối với mảng khoa học xã hội-nhân văn trong thập niên qua đã có sự chuyển biến rõ nét (theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành TW Đảng khoá VII), khẳng định quan điểm cần bồi dưỡng phát huy nhân tố con người. Những nghiên cứu về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn đã được Ban tuyên giáo Tỉnh ủy tham mưu cho Ban chỉ đạo Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, tập trung đầu tư nhiều hơn vào vốn con người với tư cách là động lực và là mục tiêu của sự phát triển kinh tế-xã hội. Cụ thể đã có những nghiên cứu về các giải pháp phát triển kinh tế-xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục; những vấn đề liên quan đến dân số, lao động và việc làm, công tác thanh niên, hướng nghiệp,...; giải pháp thực hiện công tác bảo vệ trẻ em trước các tệ nạn xã hội; tổ chức thu thập và biên soạn các tư liệu văn hoá- lịch sử về Lâm Đồng-Đà Lạt,... Về văn hóa-thông tin, đã tiến hành nghiên cứu và chỉnh lý các hiện vật thu được từ kết quả khai quật di chỉ Đại Lào (Bảo Lộc). Hợp tác với đoàn chuyên gia khảo cổ Nhật Bản thăm dò và khảo sát di chỉ văn hoá Cát Tiên và đã thu được khá nhiều hiện vật. Một số đề tài nghiên cứu văn hóa truyền thống các dân tộc Mạ, K'Ho, bước đầu hình thành bộ sưu tập văn hóa truyền thống các dân tộc bản địa Lâm Đồng. Ngoài ra, những nghiên cứu về phát triển các tôn giáo ở Lâm Đồng, vấn đề đạo Tin Lành trong vùng dân tộc tỉnh Lâm Đồng cũng là những nội dung được đặc biệt quan. Các kết quả nghiên cứu về khoa học xã hội-nhân văn đã phục vụ cho công tác lãnh đạo và quản lý, góp phần giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đặt ra ở địa phương.

Đối với hoạt động du lịch, từ năm 1991, tỉnh Lâm Đồng đã có các đề tài nghiên cứu tập trung vào phần đánh giá tiềm năng, đề xuất các giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại địa phương; đề xuất các cơ chế

quản lý du lịch và các giải pháp nhằm đa dạng hoá sản phẩm du lịch tỉnh Lâm Đồng; ứng dụng CNTT trong các hoạt động thương mại du lịch.

### 3. Hoạt động quản lý môi trường

Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong 10 năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực cho địa phương: tham mưu giúp tỉnh ban hành các văn bản pháp quy; xây dựng chiến lược quản lý chất thải đến năm 2010; triển khai các nội dung hoạt động theo Chỉ thị 36/CT-TW về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Những hoạt động này đã góp phần làm chuyển biến, nâng cao nhận thức của công đồng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong việc chấp hành Luật bảo vệ môi trường. Hiện trạng môi trường tại địa phương đã được quan tâm đúng mức, hàng năm đều tiến hành tổ chức đánh giá hiện trạng. Đây là những cơ sở khoa học giúp các cấp, các ngành trong việc hoạch định các giải pháp liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường tỉnh Lâm Đồng (nguồn nước, rừng, khoáng sản, đa dạng sinh học,...).

### 4. Hoạt động công nghệ thông tin (CNTT)

Nằm trong nội dung chương trình phát triển CNTT quốc gia, Lâm Đồng đã triển khai các dự án xây dựng hệ thống mạng ở các cơ quan khối Đảng, cơ quan quản lý nhà nước và ở ngành trọng yếu tại địa phương như ngân hàng, kho bạc, bưu điện, điện lực,... Nhiều trung tâm, dịch vụ về tin học được hình thành phục vụ nhu cầu đào tạo và trang bị máy móc; Nhiều đợt hội nghị, hội thảo chuyên đề về CNTT, các lớp tập huấn CNTT được tổ chức nhằm phổ biến và trang bị kiến thức, trang bị các thông tin cần thiết cho cán bộ lãnh đạo, chuyên viên ở các ban, ngành trong tỉnh.

Việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực lưu trữ và khai thác các nguồn dữ liệu dưới dạng thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu GIS đã được Sở KH-CN triển khai và chuyển giao đến các ngành có liên quan. UBND tỉnh Lâm Đồng đã duyệt và chính thức cho ra đời Trang tin điện tử Lâm Đồng trên internet (Website Lâm Đồng). Đây là công cụ thông tin giao dịch quản lý qua mạng rất thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh (hiện đã có 20 đơn vị xây dựng website kết nối với trang tin này).

### 5. Hoạt động quản lý tiêu chuẩn-đo lường - chất lượng (TĐC)

Công tác quản lý TĐC là hoạt động được hình thành sớm nhất, là một trong những nhiệm vụ chính trong quản lý KH-CN. Hoạt động quản lý định mức vật tư kỹ thuật, kiểm định các phương tiện đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hoá lưu thông, giải quyết các tranh chấp về đo lường - chất lượng đã góp phần ổn định sản xuất, thúc đẩy hoạt động tiêu chuẩn hoá, góp phần đảm bảo việc lưu hành các hàng

hoá đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn được công bố. Trong thời gian qua đã tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản pháp quy cụ thể về quản lý chất lượng, xử lý vi phạm về đo lường, chất lượng; xây dựng và ban hành một số tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn vùng và quy định tạm thời về chất lượng sản phẩm tại địa phương. Triển khai áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 tại đơn vị và các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, công ty cổ phần giúp hoạt động quản lý được cải tiến, bảo đảm tính khoa học, chính xác.

Thời gian gần đây Lâm Đồng đã hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như tăng hiệu quả trong công tác quản lý của các doanh nghiệp và dịch vụ hành chính công. Kết quả nổi bật là mô hình ứng dụng ISO trong quản lý hành chính của UBND thành phố Đà Lạt. Hiện nay việc áp dụng đã triển khai mở rộng đến cấp xã, phường. Một số UBND ở các huyện, thị và ban, ngành trong tỉnh đang xây dựng hệ thống quản lý chất lượng như là một trong những công cụ hữu ích góp phần cải cách thủ tục hành chính theo hướng "một cửa".

Nhìn chung công tác quản lý về TĐC trong thời gian qua đã được củng cố và tăng cường tương đối toàn diện, triển khai thực hiện tốt các quy định của nhà nước, tham mưu kịp thời cho lãnh đạo địa phương, đưa công tác quản lý vào nề nếp. Những đổi mới trong hoạt động TĐC đã đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đồng thời bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và toàn xã hội; góp phần thúc đẩy quá trình hội nhập, tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

#### 6. Hoạt động thông tin-sở hữu công nghiệp

Tổ chức hoạt động thông tin tư liệu KH-CN phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã có nhiều thay đổi tích cực hơn. Từ 1993 đến nay đã phát hành định kỳ hàng quý Tập san Thông tin KH-CN, Bản tin KH-CN (3 lần /tháng từ năm 1997) phục vụ lãnh đạo và nhiều đối tượng trong tỉnh, đồng thời cũng là thông tin giao lưu trong ngành cùng với các tỉnh thành khác trong cả nước. Những năm gần đây hoạt động thông tin đã chuyển đổi dần theo hướng ứng dụng CNTT tổ chức thu nhập các dạng thông tin điện tử và truy cập trên mạng. Ngoài các ấn phẩm thông tin dưới dạng truyền thống, Sở KH-CN đã phát hành nhiều đợt đĩa CD "Đà Lạt-Lâm Đồng, những tư liệu khảo cứu" (1.500 đĩa CD). Đây là một trong những hoạt động tích cực đã góp phần vào việc tuyên truyền quảng bá thông tin của địa phương đến với nhiều đối tượng khác nhau cả ở trong và ngoài tỉnh. Những nỗ lực nói trên cùng với các hoạt động trong chương trình phát triển CNTT của tỉnh đã phần nào giúp cho hoạt động thông tin KH-CN

ở Lâm Đồng có được sự chuyển biến phù hợp với nhu cầu phát triển chung hiện nay.

Trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (SHCN), thời gian gần đây hoạt động SHCN tại Lâm Đồng đã có những chuyển biến tích cực hơn. Nhiều doanh nghiệp đã quan tâm và nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của quyền SHCN. Hiện nay đã có 84 đối tượng của các doanh nghiệp ở Lâm Đồng đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ chính thức, chủ yếu là NHHH.

\*

Tại văn bản hiệp y khen thưởng đối với Sở khoa học và công nghệ Lâm Đồng ngày 28/10/2004, lãnh đạo Bộ Khoa học công nghệ đã đánh giá:

*"Trong những qua (1999-2003) Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác, có nhiều cố gắng đóng góp cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Lâm Đồng.*

*Tập thể cán bộ đoàn kết, phát huy dân chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên liên tục giữ vững danh hiệu trong sạch, vững mạnh trong nhiều năm.*

*Bộ Khoa học và công nghệ đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần lao động sáng tạo và những đóng góp của Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ".*

Sở Khoa học, công nghệ Lâm Đồng cùng với sự hình thành và phát triển ngành khoa học kỹ thuật tỉnh nhà đã trải qua 25 năm, với đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ đông đảo, vững vàng đã làm nên những công tích lớn lao đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh miền núi, đa số là đồng bào dân tộc và kinh tế mới còn rất nhiều khó khăn. Thành tích đó là tổng hợp tài năng và trí tuệ của đội ngũ các nhà khoa học, quản lý các trường đại học, các viện, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài tỉnh. Những thành quả đạt được của khoa học, công nghệ Lâm Đồng trong 25 năm qua thật là vẻ vang và tự hào nhưng những nhiệm vụ trước mắt đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng hết sức to lớn và nặng nề, đòi hỏi các nhà khoa học, quản lý của Lâm Đồng những nỗ lực mới để đạt những thành tích cao hơn.



## MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH LÂM ĐỒNG

NGUYỄN THIẾT GIÁP

*Liên hiệp các hội KH&KT tỉnh Lâm Đồng*

Kỷ niệm 25 năm hoạt động ngành khoa học, công nghệ tỉnh Lâm Đồng, cùng với việc tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học, hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật (Liên hiệp Hội), tổ chức chính trị - xã hội của đội ngũ trí thức khoa học, công nghệ tỉnh Lâm Đồng trong 10 năm qua (1994-2004) cũng mang ý nghĩa quan trọng.

### **Quá trình xây dựng, phát triển tổ chức Liên hiệp Hội**

Sự ra đời của Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Lâm Đồng là quá trình phát triển tất yếu bởi chúng ta có lực lượng trí thức khoa học, công nghệ khá đông đảo, chiếm 1,3% dân số. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với các tỉnh Tây Nguyên, tương đương với các tỉnh vùng đồng bằng duyên hải. Trên địa bàn tỉnh có trường Đại học Đà Lạt, Viện nghiên cứu hạt nhân, các cơ quan khoa học khác của Trung ương và nhiều cơ sở thực nghiệm khoa học chuyên ngành của tỉnh. Đây thực sự là những nguồn lực quý cho sự phát triển. Do vậy, Tỉnh ủy, UBND tỉnh có chủ trương từng bước tập hợp đoàn kết phát huy tiềm năng trí tuệ của đội ngũ trí thức khoa học, công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tháng 8/1990, Tỉnh ủy quyết định cho thành lập Câu lạc bộ khoa học kỹ thuật Đà Lạt - Lâm Đồng làm nơi giao lưu trí tuệ của trí thức.

Sự năng động của hình thức sinh hoạt câu lạc bộ trong việc tập hợp đội ngũ đã thu hút sự tham gia của các hội KHKT chuyên ngành, các cán bộ lãnh đạo và quản lý khoa học, các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia của nhiều lĩnh vực khoa học công nghệ. Trên cơ sở bước chuẩn bị này, UBND tỉnh đã quyết định cho thành lập Ban vận động để tiến hành tổ chức Đại hội thành lập Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh vào ngày 5/10/1994.

Từ 5 hội thành viên ban đầu với hơn 1.000 hội viên, đến nay Liên hiệp Hội có 12 hội KHKT chuyên ngành, 10 hội viên tập thể và 4 câu lạc bộ KHKT ở các địa phương với hơn 6.000 hội viên.

Hình thức hội viên tập thể rất linh hoạt và phù hợp cho việc tập hợp lực lượng trí thức khoa học công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Lạt. Hình thức sinh hoạt câu lạc bộ KHKT lại thích ứng đối với việc tập hợp đội ngũ cán bộ KHKT ở huyện và cơ sở để thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào phục vụ sản xuất và đời sống. Những hình thức tổ chức này được Hội đồng Trung ương Liên hiệp Hội đánh giá cao và được nhiều tỉnh nghiên cứu vận dụng. Đây là kết quả đáng khích lệ trong quá trình xây dựng và phát triển tổ chức của Liên hiệp Hội tỉnh Lâm Đồng.

### **Hoạt động chính trị - xã hội**

Liên hiệp Hội là một kênh quan trọng thực hiện việc giáo dục

chính trị tư tưởng cho đội ngũ trí thức nhằm nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân, tính cộng đồng, tính trung thực và đạo đức nghề nghiệp. Các đợt học tập nghị quyết của BCH Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy, Liên hiệp Hội đều tổ chức sinh hoạt liên hệ vận dụng xây dựng chương trình hành động cho hội viên, các hội và cơ quan đơn vị. Thường trực Liên hiệp Hội tập hợp ý kiến đóng góp tham gia xây dựng chương trình hành động chung của tỉnh. Nhiều ý kiến đóng góp của trí thức đã được Tỉnh ủy ghi nhận trong việc xác định các chương trình kinh tế - xã hội: Chương trình nông nghiệp công nghệ cao, Chương trình khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực, Chương trình du lịch sinh thái, du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo.

Trước các kỳ họp Quốc hội, họp Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Liên hiệp Hội đã tập hợp ý kiến của trí thức phản ánh tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch, tình hình đời sống xã hội, nêu những kiến nghị và đề xuất giải pháp để đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thảo luận.

Liên hiệp Hội phối hợp với các hội thành viên thực hiện tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học, kiến thức pháp luật, thực hiện nếp sống vệ sinh phòng bệnh, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, thực hiện các biện pháp bảo vệ thiên nhiên và môi trường, bảo đảm cho sự phát triển bền vững. Bằng các

hoạt động thiết thực này, trí thức khoa học công nghệ thực hiện hướng về cơ sở góp phần nâng cao dân trí, tích cực tham gia cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" do UBMTTQ tỉnh và Sở văn hóa thông tin phát động.

### Hoạt động khoa học - công nghệ

Liên hiệp Hội phối hợp với Sở khoa học và công nghệ xuất bản tập san Thông tin khoa học công nghệ tỉnh Lâm Đồng để giới thiệu những thông tin khoa học công nghệ mới, các kết quả nghiên cứu, thực nghiệm được triển khai ở tỉnh. Tập san nhằm cung cấp những thông tin cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ KHKT, phổ biến ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, trao đổi học tập kinh nghiệm giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Liên hiệp Hội tham gia thực hiện một số chương trình, dự án khoa học liên ngành, ứng dụng triển khai các tiến bộ khoa học kỹ thuật như:

- Chương trình nghiên cứu "Điều tra hiện trạng môi trường và ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất rau sạch tại thành phố Đà Lạt". Chương trình này được thực hiện trong nhiều năm đạt kết quả tốt, phổ biến ứng dụng rộng rãi.

- Dự án "Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển kinh tế hộ gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số". Dự án đã được nhân dân các địa phương đồng tình hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện. Dự án đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng Phi Liên (Lâm Hà), Lộc Lâm (Bảo Lâm), Thôn 5 (Cát Tiên), Đạ Nha, Con Ó (Đạ Tẻh), Đình Trang Thượng (Đi Linh), Pró, Ka Đơn (Đơn Dương), Klong, NThoi Hạ (Đức Trọng), Đa Sa, Đa Chay (Lạc Dương).

- Tham gia chương trình nghiên cứu xây dựng bộ "Địa chỉ Lâm Đồng".

- Thực hiện chương trình điều tra khảo sát về đội ngũ cán bộ KHKT trên địa bàn tỉnh phục vụ dự án "Xây dựng tổ chức, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Lâm Đồng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

Liên hiệp Hội phối hợp với Sở khoa học và công nghệ và các cơ quan hữu quan phát động "Hội thi sáng tạo khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tổng kết hội thi lần thứ nhất (2002-2003) Ban tổ chức đã trao giải thưởng cho 12 giải pháp có giá trị ứng dụng tốt, lựa chọn 3 giải pháp gửi tham dự giải thưởng toàn quốc. Hội thi sáng tạo khoa học công nghệ được UBND tỉnh quyết định cho tổ chức

thường xuyên, được tổng kết trao giải thưởng 2 năm 1 lần.

Liên hiệp Hội tổ chức nhiều hội thảo khoa học về công nghệ thông tin, về phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường bảo đảm cho sự phát triển bền vững, về bảo đảm chất lượng hàng hóa trong hội nhập kinh tế, về sản xuất, chế biến, tiêu thụ chè, cà phê, rau và hoa. Hội thảo đã thu hút sự tham gia của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà khoa học ở trong và ngoài tỉnh, đóng góp nhiều giải pháp có giá trị cho việc thực hiện các chương trình khoa học và các lĩnh vực sản xuất quan trọng của tỉnh.

### Tham gia thực hiện xã hội hóa hoạt động giáo dục - đào tạo

Liên hiệp Hội đã thành lập Trung tâm ngoại ngữ và tin học (4/2002). Hoạt động Trung tâm ngày càng có hiệu quả, trở thành một địa chỉ đào tạo được tin cậy. Ngoài hai lĩnh vực chính là ngoại ngữ và tin học, Sở lao động, thương binh và xã hội đã cho phép Trung tâm mở các lớp kế toán tin học đáp ứng cho yêu cầu của các cơ quan, doanh nghiệp. Từ năm 2002 đến nay, Trung tâm đã đào tạo và cấp chứng chỉ cho 2.500 học viên, hiện nay Trung tâm thường xuyên mở 40 lớp học với hơn 1.000 học viên theo học.

Liên hiệp Hội đã hỗ trợ các nhà khoa học, nhà giáo có tâm huyết xây dựng đề án thành lập Trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt với các ngành học phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực. Ngày 1/10/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 175/2004/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học dân lập theo đề nghị của Liên hiệp Hội. Việc thành lập trường Đại học dân lập Yersin Đà Lạt là bước phát triển rất quan trọng trong quá trình thực hiện xã hội hóa hoạt động giáo dục - đào tạo của Liên hiệp Hội tỉnh Lâm Đồng.



(Xem tiếp trang 11)



# TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

## 28 NĂM ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN

PGS. TSKH. NGUYỄN HỮU ĐỨC

Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt

Trước năm 1975, Trường Đại học Đà Lạt được biết đến với tên gọi Viện Đại học Đà Lạt, hình thành từ năm 1958. Sau ngày thống nhất đất nước, cơ sở đào tạo này được bàn giao lại cho chính quyền cách mạng và được tổ chức lại thành Trường Đại học Đà Lạt hiện nay. Suốt trong 28 năm qua Trường Đại học Đà Lạt đã tiếp quản và tận dụng những điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, về uy tín của Viện Đại học Đà Lạt trước đây để xây dựng, phát triển Trường với những thành quả cụ thể góp phần tích cực cho nền giáo dục cách mạng. Đây là chặng đường mà Trường Đại học Đà Lạt đã đồng hành cùng với dân tộc nói chung và nhân dân địa phương Đà Lạt - Lâm Đồng nói riêng trong cuộc tái thiết và xây dựng đất nước. Đặc biệt trong đào tạo, Trường đã nỗ lực không ngừng để phát triển mục tiêu đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, mở rộng quy mô, ngành nghề đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Lâm Đồng và của các địa bàn lân cận như vùng Đông Nam bộ, các tỉnh duyên hải miền Trung ...

Ngay từ năm 1976, khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định đổi tên Viện Đại học Đà Lạt thành Trường Đại học Đà Lạt, mục tiêu đào tạo của nhà Trường cũng đã được xác định rõ: *"Trường Đại học Đà Lạt là một Trường khoa học cơ bản, nhưng trong đó cần tập trung xây dựng một số ngành chọn lọc, có tính chất mũi nhọn để phục vụ cho các cơ sở, viện nghiên cứu đã và sẽ có ở Đà Lạt (nhiệm vụ thứ nhất), đồng thời cần nghiên cứu những đặc thù của Tây Nguyên, Lâm Đồng và vùng phụ cận để phục vụ đặc lực cho sự phát triển văn hóa, kinh tế và khoa học kỹ thuật của các địa phương, đặc biệt là các dân tộc ít người (nhiệm vụ thứ hai)".*

Thực hiện mục tiêu trên, từ năm 1976 đến những năm cuối thập kỷ 80, Trường Đại học Đà Lạt là một trong bốn trường đại học tổng hợp của cả nước. Trường tập trung chủ yếu vào việc đào tạo cán bộ có trình độ đại học ở lĩnh vực khoa học cơ bản với 6 ngành đào tạo và quy mô dưới 1.000 sinh viên. Cùng chia sẻ nỗi khó khăn chung trong những năm đầu sau chiến tranh, tập thể cán bộ, giáo viên và sinh viên của Trường đã phải nếm trải và vượt qua nhiều thử thách to lớn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Thông qua các chính sách và những chương trình

hành động cụ thể, Ban lãnh đạo Nhà trường trong những năm tháng khó khăn ấy đã khéo léo tổ chức, giải quyết được các nhu cầu trước mắt, đồng thời kiên trì theo đuổi những mục tiêu phát triển quan trọng và lâu dài của trường. Cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ nhà trường chặng đường đầy gian nan thử thách đã vượt qua, Trường Đại học Đà Lạt đã đạt được những thành quả khả quan làm tiền đề cho những bước tiến về sau:

Khuôn viên Trường, với cảnh quan thiên nhiên độc đáo và hấp dẫn, được giữ gìn trân trọng và được thường xuyên tôn tạo. Có thể nói đây là Trường đại học có khuôn viên đẹp nhất nước - một nhân tố rất quan trọng làm nên phẩm chất của một trường đại học trên thành phố du lịch Đà Lạt.

Đội ngũ cán bộ của Trường được rèn luyện qua những khó khăn thử thách, đã chứng tỏ được sự thủy chung gắn bó và lòng nhiệt tâm với sự nghiệp phát triển nhà trường và địa phương.

Uy tín đào tạo của Viện Đại học Đà Lạt trước đây được tiếp tục phát huy và thể hiện rõ nét qua việc sản phẩm đào tạo của Trường được xã hội tiếp nhận và đánh giá cao. Nhiều sinh viên tốt nghiệp của Trường đã khẳng định được năng lực chuyên môn nghiệp vụ tại nhiều cơ quan, ban ngành trên địa bàn.

Trường đã bước đầu thiết lập được một số địa chỉ liên kết đào tạo và đã kịp chuẩn bị kinh nghiệm để mở rộng diện đào tạo thông qua các hoạt động liên kết đào tạo.

Đời sống cán bộ bước đầu có thay đổi và hứa hẹn sẽ thay đổi quan trọng nhờ vào những chủ trương kịp thời và đúng đắn của lãnh đạo trường trong việc chăm lo đời sống cán bộ.

Năm 1987, kỷ niệm 10 năm thành lập lại Trường, những thành tích nêu trên đã được nhận, Trường Đại học Đà Lạt được Chính phủ trao tặng *"Huân chương Lao động hạng Ba"*. Các thế hệ về sau của Trường luôn ghi nhận công lao và sự kiên trì nỗ lực của các cán bộ lãnh đạo ở những năm tháng đầu tiên đầy gian nan thử thách mặc dù nhiều người hiện nay không còn tiếp tục tham gia công tác tại Trường. Trường Đại học Đà Lạt đặc biệt ghi nhận công lao đóng góp của GS. TS. Trần Thanh Minh - vị Hiệu trưởng nhiều năm trước đây của Trường, một trong số ít những người đã tiếp quản Viện Đại học Đà Lạt và gắn bó với Trường

từ những ngày đầu tiên sau năm 1975.

Từ những năm cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX đến nay, Trường Đại học Đà Lạt tiếp tục nỗ lực phấn đấu để giữ vững những thành tựu đổi mới trước đó, tiếp tục tìm kiếm và thực hiện các chương trình hành động theo chiều sâu để đưa quá trình đổi mới đào tạo của nhà trường lên một bước mới. Những điểm tiêu biểu của chặng đường mới vừa qua là:

Trường tiếp tục giữ vững và ổn định quy mô đào tạo phù hợp với các điều kiện cụ thể của Trường. Đến nay, chỉ tiêu tuyển sinh hệ chính quy hàng năm là 2.500 sinh viên đã được khẳng định là con số phù hợp với Trường.

Trên cơ sở ổn định quy mô, Trường tập trung vào các chương trình nâng cao chất lượng bao gồm những nội dung chính là:

o Tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ, thể hiện qua việc phấn đấu thay đổi cơ bản các chỉ số đào tạo bằng cấp chuẩn của đội ngũ giáo viên.

o Tăng cường số lượng cán bộ để giảm mạnh tải giảng dạy của giáo viên, tăng cường tải nghiên cứu của giáo viên để nâng cao chất lượng đào tạo. Đội ngũ CBGD của trường đã tăng nhanh về số lượng so với trước đây, và điều đáng nói nhất là, trong bối cảnh có quá ít chỉ tiêu biên chế, Trường đã chủ động sử dụng nguồn thu học phí để hợp đồng tuyển dụng cán bộ. Chủ trương này đã được Chính phủ và Bộ GD-ĐT khẳng định là đúng đắn.

o Tăng cường các điều kiện giảng dạy, nghiên cứu, học tập hiện đại. Đẩy mạnh đầu tư các điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin để thúc đẩy việc áp dụng các phương pháp giảng dạy và học tập hiện đại. Các phòng thí nghiệm, phòng máy tính, thư viện được đầu tư khá mạnh trong những năm gần đây. Đặc biệt, Trường đã tìm kiếm được những nguồn đầu tư mạnh cho thư viện và cho hệ thống ứng dụng CNTT của Trường trong thời gian ngắn tới đây.

o Tập trung nghiên cứu mở một số hướng ngành đào tạo mới có tính thích ứng cao với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đó tạo ra các hướng rẽ ngành, giảm tải tuyển sinh đầu vào ở một số ngành có quá đông sinh viên. Thời gian qua chúng ta đã chứng kiến sự ra đời của nhiều ngành học mới trong trường, làm phong phú thêm cơ cấu ngành nghề đào tạo của Trường như: Môi trường, Nông-Lâm, Luật, Việt Nam học, Nông học, Du lịch, Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng, Giáo dục Tiểu học, Đông phương học.

Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2001-2010 đã trình chính phủ và Bộ GD-ĐT, Trường khẳng định sẽ tiếp tục đầu tư cho ba nội dung trọng tâm sau:

**1. Tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học và giảng dạy của đội ngũ** theo hướng khuyến khích cán bộ chủ động chuyển đổi phương pháp nghiên cứu và giảng dạy hiện đại. Để thực hiện chương trình này, Trường Đại học Đà Lạt sẽ đầu tư mạnh cho các

chương trình gửi cán bộ đi đào tạo và tăng cường các điều kiện làm việc, nghiên cứu khoa học chuyên sâu cho cán bộ. Tăng cường mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các cơ sở khoa học, các Viện nghiên cứu trong và ngoài tỉnh Lâm Đồng

**2. Tổ chức xây dựng và thực hiện quy trình kiểm soát chất lượng đào tạo** để đưa quá trình giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giáo viên, sinh viên vào nề nếp chuẩn. Các yếu tố đầu vào và đầu ra then chốt của quy trình đảm bảo chất lượng sẽ được kiểm soát. Các chỉ số thực hiện của việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu sẽ được xây dựng để làm căn cứ cho quá trình đánh giá hiệu quả, chất lượng của các hoạt động trong nhà trường. Nhà trường sẽ thành lập bộ phận chuyên trách về kiểm soát chất lượng để bộ phận này theo dõi thường xuyên và tư vấn cho lãnh đạo nhà trường về các tiêu chuẩn và cách thức kiểm soát chất lượng đào tạo. Từ năm 2004, Trường tổ chức nghiên cứu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 đối với hệ thống quản lý của trường để tạo ra một tiền đề mới nhằm nâng cao chất lượng.

**3. Tăng cường sự gắn kết với địa bàn, đặc biệt là với địa bàn Nam Tây Nguyên**, trong đó có thành phố Đà Lạt bằng cách tập trung nguồn lực khảo sát nhu cầu đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ của địa bàn, thực hiện các chương trình nghiên cứu thực tiễn, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đào tạo để đáp ứng nhu cầu của địa phương. Điều này sẽ tạo ra cơ hội phát triển bền vững cho trường. Trong thời gian tới, Đại học Đà Lạt sẽ tổ chức một số trung tâm nghiên cứu có chức năng nghiên cứu địa bàn, nghiên cứu khu vực để thực hiện nhiệm vụ này.

Trong thời gian qua tập thể cán bộ, giáo viên và sinh viên Đại học Đà Lạt đã liên tục phấn đấu, kế thừa và phát huy những thành quả quan trọng của các chặng đường phát triển trước đó, năng động sáng tạo để tìm kiếm những hướng đi thích hợp trong bối cảnh mới. Đến nay Trường đã tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong hệ thống giáo dục đại học nước nhà: **Trường Đại học Đà Lạt là một đại học đa ngành, đa lĩnh vực, hoạt động trên địa bàn Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và Đông Nam Bộ trong tư thế của một trường vùng.** Đây là điều mà Phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm cùng lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo đã khẳng định trong chuyến thăm và làm việc mới đây nhất tại Trường.

Nhìn về quá khứ, hướng đến tương lai, Trường Đại học Đà Lạt sẽ tiếp tục phấn đấu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo để trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức có uy tín, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước nói chung và của địa bàn Đà Lạt - Lâm Đồng nói chung. Đó là lời hứa, lời cam kết của một trường đại học trẻ trên thành phố cao nguyên đang vững bước trưởng thành sau 28 năm đổi mới - phát triển và sau gần nửa thế kỷ có mặt trên thành phố hoa Đà Lạt.

## HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CÁN BỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI LÂM ĐỒNG

*trong những năm đổi mới*

NGUYỄN VĂN HƯƠNG

Phó ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh nằm ở phía Nam Tây Nguyên với gần 40 dân tộc thiểu số sống rải rác, đan xen khắp nơi, chiếm khoảng 1/4 dân số cả tỉnh. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, người dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ văn hóa ở mức thấp, lại chịu ảnh hưởng của phong tục, tập quán lạc hậu, tư tưởng kỳ thị, thù địch do chế độ cũ để lại đã hạn chế khả năng tiếp cận nền kinh tế trong thời kỳ đổi mới. Chính đặc điểm này đã chi phối và ảnh hưởng đến sự định hướng cũng như kết quả xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để giúp đồng bào dân tộc thiểu số khắc phục tình trạng nghèo nàn, lạc hậu vươn tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ngoài các chủ trương, chính sách đúng đắn, phù hợp của Đảng và Nhà nước, sự tương trợ của cộng đồng các dân tộc phát triển cao hơn, cụ thể là người Kinh; điều quan trọng - chủ yếu là bản thân đồng bào dân tộc thiểu số phải có đủ tri thức, năng lực và kinh nghiệm cần thiết để tự chăm lo cho chính cuộc sống của họ, đảm bảo phát triển bền vững. Vấn đề đặt ra là phải nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số. Trong khuôn khổ giới hạn của bài viết, chúng tôi xin đề cập một đôi điều về hiệu quả sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng trong những năm đổi mới.

Quán triệt sâu sắc lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng về chính sách dân tộc, Tỉnh ủy Lâm Đồng đã có nhiều Nghị quyết, Chỉ thị về xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội vùng dân tộc. Trong đó đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ: *"Quan tâm đào tạo cán bộ là con em đồng bào dân tộc gắn với việc sắp xếp công tác hợp lý để có cán bộ trưởng thành từ cơ sở, chú trọng đào tạo công nhân kỹ thuật, phát triển ngành nghề nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế"* (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ VII). Tỉnh cũng đã có chính sách sử dụng hầu hết các học sinh dân tộc đã qua đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tham gia hoạt động trong các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới, tỉnh đã có các chế độ chính sách hỗ

trợ cho cán bộ, học sinh người dân tộc thiểu số đi học các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp. Nhờ vậy, số người dân tộc thiểu số được đào tạo ngày càng tăng. Từ năm 1986-2000, tổng số học sinh dân tộc được đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp là 756 người. Trong đó đại học là 251 người; đào tạo lý luận chính trị có trình độ cử nhân, cao cấp, trung cấp là 166 người; đào tạo cán bộ quản lý nhà nước là 37 người. Hầu hết số người dân tộc đã được đào tạo ở các trường, ngành nghề, lĩnh vực đều được bố trí, sử dụng. Số cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia hệ thống chính trị các cấp ngày càng nhiều. Tính đến cuối năm 2003, tổng số cán bộ, công chức người dân tộc thiểu số trong toàn tỉnh là 1.226 người. Trong đó, khối Đảng 250 người, tỉnh ủy viên 2 người, cấp ủy viên huyện, thị, thành ủy 31 người, cấp ủy viên xã, phường, thị trấn, khối cơ quan 217 người; Khối chính quyền là 976 người, trong đó tỉnh quản lý là 907 người, cấp huyện, thị, thành quản lý là 67 người. Ngoài ra còn khoảng trên 100 người tham gia mặt trận và đoàn thể các cấp. Điều đáng chú ý là số đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2004-2009 là người dân tộc thiểu số ở cấp xã, phường, thị trấn đã tăng đáng kể, có 984 người (25,55%). Nhiều cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các vị trí chủ chốt, chẳng hạn: Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã 24/140 người, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã 33/140 người, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã 24/141 người, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã 35/196 người.

Nhìn chung, trong những năm đổi mới, đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở Lâm Đồng đã không ngừng tăng lên cả về số lượng cũng như chất lượng. Họ đã có những bước trưởng thành khá rõ nét và đang



tích cực lao động, học tập trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội từ cấp tỉnh cho đến cấp cơ sở, thôn bản.

Đạt được những thành tựu nói trên, căn bản là do những chính sách dân tộc đúng đắn, phù hợp của Đảng đã tập trung được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng các dân tộc anh em trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Các cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã có sự quan tâm chăm lo và bước đầu đã gắn đào tạo với sử dụng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số một cách hợp lý trong những điều kiện thích hợp của địa phương.

Tuy nhiên, công tác sử dụng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số nói chung, đội ngũ cán bộ dân tộc nói riêng vẫn còn một số hạn chế, yếu kém. Tỷ lệ người dân tộc thiểu số trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh vẫn còn chiếm một tỷ lệ rất thấp (cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2001-2005 là 8,3%). Số đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2004-2009 mới chỉ có 10 người (13,83%), cấp huyện 58 người (14,87%) và không đồng đều giữa các lĩnh vực, tập trung nhiều nhất là lĩnh vực giáo dục (6,4%), y tế (8,24%). Số cán bộ người dân tộc thiểu số khối chính quyền thuộc cấp tỉnh quản lý nhiều hơn số cấp huyện, thị, thành quản lý là một điều đáng suy nghĩ. Lực lượng tạo nguồn để sử dụng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số còn quá mỏng, thậm chí có nơi không có.

Đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số đang công tác chưa qua đào tạo vẫn chiếm tỷ lệ cao nên năng lực còn nhiều hạn chế, nhất là đội ngũ cán bộ ở cấp cơ sở. Họ làm việc là do nhiệt tình cách mạng và niềm say mê công việc. Số cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ sơ cấp đến đại học chỉ có 47 người (6,8%), lý luận chính trị có trình độ trung cấp đến cử nhân 77 người (11%), quản lý nhà nước từ sơ cấp đến trung cấp mới có 12%. Phần lớn số cán bộ chưa được qua đào tạo.

Đánh giá thực tiễn công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số của tỉnh Lâm Đồng trong những năm đổi mới, có thể ghi nhận những nét cơ bản sau:

Quán triệt và cụ thể hóa các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh đã có các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, giải pháp về xây dựng và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội nói chung, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng phát triển mạnh mẽ và thu được nhiều kết quả mà trước đây chưa thể có được. Số học sinh dân tộc thiểu số tốt nghiệp phổ thông, tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đã tham gia vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nhiều tổ chức

trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, nhất là các tổ chức có liên quan đến đồng bào dân tộc đều có cán bộ là người dân tộc thiểu số tham gia. Nhiều đồng chí là cán bộ người dân tộc thiểu số đang giữ những vị trí chủ chốt ở các cấp, các ngành, tổ chức quần chúng. Điều này một mặt chứng tỏ các cấp, các ngành đã quan tâm sắp xếp, bố trí sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, mặt khác cũng khẳng định phần nào trình độ, năng lực của cán bộ người dân tộc thiểu số đã được nâng lên, đáp ứng một phần yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Bên cạnh những thành tích bước đầu rất quan trọng, vấn đề sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số vẫn còn những hạn chế sau:

Mặc dù tỉnh đã có các nghị quyết, chỉ thị đúng đắn về ưu tiên công tác đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, nhưng một số cấp ủy, ngành, địa phương, đoàn thể chưa thực sự xem đây là một nhiệm vụ trọng tâm để có các giải pháp mạnh mẽ, thiết thực và hiệu quả; chưa thể chế hóa bằng nhiều chính sách cụ thể, hấp dẫn,... Chính điều này đã dẫn đến tình trạng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số bị hụt hẫng lớn.

Công tác đào tạo sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số chưa được điều tra cơ bản một cách đầy đủ, thiếu tính quy hoạch, kế hoạch. Do đó dẫn đến tình trạng một số cán bộ, học sinh được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở các trường, lớp trở về không được sử dụng. Hiện nay, còn có tới 155 cán bộ các xã, phường, thị trấn trong tỉnh trình độ mới chỉ cấp I.

Trình độ, năng lực của cán bộ người dân tộc thiểu số cơ bản còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đổi mới. Do đó, dẫn đến tình trạng cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là dân tộc bản địa có xu hướng giảm dần.

Từ thực trạng việc sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số hiện nay, một số giải pháp sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số trong thời gian tới được đề xuất như sau:

1. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, nhất là chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số. Để thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, cần quán triệt sâu sắc phương châm, phương pháp công tác dân tộc là "kiên trì, thận trọng, chắc chắn".

2. Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số phải luôn luôn gắn liền với nhau một cách chặt chẽ. Không đào tạo, bồi dưỡng thì không có nguồn cán bộ để sử dụng, đồng thời nếu chỉ biết sử dụng mà không chăm lo công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, năng lực cho người cán bộ dân tộc thì họ sẽ không có điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ được giao, hiệu quả công tác thấp và kết cục chúng

ta cũng sẽ không có được đội ngũ cán bộ người dân tộc như mong muốn. Đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số phải gắn liền với bố trí sắp xếp và sử dụng theo hướng tại chức, tại chỗ là giải pháp phù hợp và có hiệu quả vì họ là những người gắn gũi và hiểu dân tộc mình hơn ai hết.

3. Đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số là một nhiệm vụ vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài, đòi hỏi phải tiến hành điều tra cơ bản, có quy hoạch, kế hoạch đào tạo và sử dụng một cách khoa học. Kế hoạch này phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số; kế hoạch đào tạo phải gắn liền với kế hoạch sử dụng, tránh tình trạng thiếu - thừa giả tạo gây sự lãng phí và bất cập như thời gian qua. Để buộc các ngành phải thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch, kế hoạch đào tạo và sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số, tỉnh cần có quy định về tỷ lệ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số trong các ban, ngành, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, nhất là những

nơi có liên quan nhiều đến đồng bào dân tộc thiểu số. Trước mắt, các địa phương cần thống kê nắm vững số học sinh dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp để có giải pháp sử dụng lực lượng này một cách hợp lý. Đối với số cán bộ là người dân tộc thiểu số đang thuộc biên chế của các ngành, đơn vị, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn công chức, tỉnh cần có cơ chế, chính sách, dành nguồn kinh phí để bồi dưỡng, đào tạo lại nhằm nâng trình độ đạt chuẩn. Tránh tình trạng dựa vào tiêu chuẩn công chức để giảm biên chế những người thuộc diện này.

Việc coi trọng sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số không chỉ nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số trong các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và cơ sở sản xuất kinh doanh; đồng thời tác động mạnh mẽ đến tâm lý, tình cảm và nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về chính sách dân tộc của Đảng là đoàn kết, bình đẳng, tương trợ và cùng phát triển.

## Mười năm xây dựng và hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lâm Đồng

(Tiếp theo trang 6)

### Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội

Liên hiệp Hội đã tập hợp được 80 chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khoa học - công nghệ có khả năng thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội cho các chương trình, dự án khoa học - công nghệ và kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện Quyết định số 22/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Liên hiệp Hội đã xây dựng dự thảo quy định về hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội để trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt. Bản quy định được xây dựng là cơ sở để Liên hiệp Hội thực hiện chức năng tư vấn độc lập, bảo đảm tính khách quan và hiệu quả của hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội.

Trong khi chờ đợi ban hành quy định, các thành viên của Liên hiệp Hội đã tham gia thực hiện tư vấn cho một số chương trình, dự án như: Chương trình khai thác

bô xít và luyện nhôm, dự án xây dựng cáp treo Đà Lạt, dự án thoát nước và vệ sinh môi trường thành phố Đà Lạt, dự án xây dựng công viên khoa học Đà Lạt v.v... Các hội thành viên thực hiện tư vấn chuyên ngành cho các lĩnh vực pháp luật, y tế, giáo dục, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng v.v...

Thường trực Liên hiệp Hội giới thiệu thành viên phản biện cho các chương trình, dự án nghiên cứu khoa học do Sở khoa học và công nghệ quản lý. Sự tham gia phản biện của các thành viên Liên hiệp Hội giúp cho việc đánh giá khách quan, trung thực, góp phần nâng cao chất lượng các chương trình, dự án nghiên cứu được thực hiện hàng năm.

Mười năm qua, Liên hiệp Hội không ngừng phát triển tổ chức, tập hợp được đông đảo đội ngũ trí thức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh để điều hòa phối hợp hoạt động, từng bước khẳng định được

vai trò là tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học - công nghệ ở địa phương. Liên hiệp Hội đã tổ chức được các hoạt động thiết thực góp phần đẩy mạnh xã hội hóa khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo. Hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội ngày càng rõ nét. Công tác phổ biến kiến thức khoa học, triển khai tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống đạt kết quả tốt, đặc biệt là đối với vùng nông thôn miền núi của tỉnh.

Trên cơ sở kết quả đạt được, từ nay đến năm 2010 Liên hiệp Hội tiếp tục củng cố phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động, tham gia có hiệu quả vào việc thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, bảo vệ môi trường, xã hội hóa giáo dục - đào tạo, phát triển cộng đồng góp phần tích cực vào tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN - ĐO LƯỜNG - CHẤT LƯỢNG TRONG 25 NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH KHCN LÂM ĐỒNG

NGUYỄN MINH TÂM

*Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (TCĐLCL) là một trong các mặt hoạt động quan trọng của ngành khoa học công nghệ (KHCN), đây là hoạt động gắn liền với quá trình phát triển của ngành KHCN tỉnh nhà. Với khía cạnh là một hoạt động quản lý kỹ thuật cụ thể, công tác TCĐLCL góp phần vào việc đưa ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tế sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trên phương diện là hoạt động quản lý nhà nước, hoạt động TCĐLCL đã góp phần nâng cao năng suất chất lượng và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đồng thời thực hiện việc bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng và xã hội.

Từ năm 1979, khi Ban Khoa học kỹ thuật tỉnh (Ban KHKT), cơ quan tham mưu và quản lý hoạt động KHKT của UBND tỉnh được thành lập, thì hoạt động quản lý công tác tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng hàng hóa cũng được hình thành. Hoạt động TCĐLCL lúc đó do phòng TCĐLCL (biên chế 6-7 người) thực hiện. Hoạt động TCĐLCL giai đoạn này chủ yếu tập trung vào công tác quản lý định mức vật tư kỹ thuật đối với các ngành sản xuất theo kế hoạch, kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm của cơ sở, quản lý các phương tiện đo của các ngành lưu thông phân phối, giải quyết các tranh chấp về chất lượng và đo lường, đồng thời giúp các cơ sở nghiên cứu cải tiến công tác quản lý kỹ thuật nhằm

nâng cao chất lượng sản phẩm. Hoạt động TCĐLCL đã thúc đẩy quá trình phát triển lên sản xuất lớn: chuẩn hóa trong xây dựng và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các xí nghiệp; góp phần đảm bảo việc lưu hành các hàng hóa có đủ chất lượng, số lượng theo quy định.

Từ 1987- 1990, cùng với sự đổi mới của đất nước, hoạt động TCĐLCL cũng được đổi mới để đáp ứng yêu cầu quản lý nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đang phát triển. Ngày 16/6/1987 Chi cục TCĐLCL Lâm đồng chính thức được thành lập theo quyết định số 399/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm đồng. Chi cục là cơ quan trực thuộc Ủy ban KHKT, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về ba mặt công tác tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng, chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ từ Tổng cục TCĐLCL.

Đi vào hoạt động quản lý ba mặt công tác với 12 con người, với một số thiết bị kỹ thuật rất hạn chế từ phòng TCĐLCL, đồng thời với việc xây dựng tổ chức, Chi cục đã tập trung ngay cho các nhiệm vụ chính: tiêu chuẩn hóa: nghiên cứu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành kịp thời các văn bản tiêu chuẩn cho các sản phẩm đặc thù của địa phương, cụ thể hóa các quy định quản lý kỹ thuật của nhà nước, triển khai các hoạt động quản lý TCĐLCL một cách toàn diện đối với các thành phần kinh tế trên toàn tỉnh. Kết quả là đảm bảo được sự quản lý của nhà,

góp phần thúc đẩy sản xuất đúng hướng: nâng cao năng suất cùng chất lượng, bảo vệ quyền lợi của xã hội và người tiêu dùng.

Từ 1991-1995, sau khi Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa và Pháp lệnh Đo lường được ban hành, hoạt động TCĐLCL đã được nâng lên một bước để đáp ứng yêu cầu trong quá trình đổi mới của đất nước. Công tác quản lý đăng ký chất lượng và thanh kiểm tra là nội dung hoạt động chủ yếu lúc này. Cơ sở vật chất kỹ thuật như nhà làm việc, một số máy móc thiết bị phục vụ phân tích thí nghiệm (chủ yếu là kiểm hóa lý và vi sinh) được tăng cường và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý chủ yếu. Hoạt động đo lường cũng được mở rộng, quản lý tốt hơn các phương tiện đo thông dụng (khoảng 65-70% đối tượng phải quản lý, các phương tiện đo trong giao dịch giá trị lớn được kiểm định 100%), phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm, bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Không chỉ kiểm tra ngăn chặn, Chi cục đã chú ý đến việc hỗ trợ kỹ thuật các doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, thông qua các tập huấn, phổ biến áp dụng các tiêu chuẩn và phương pháp quản lý chất lượng. Vào thời gian này Chi cục cũng đã bắt đầu chú ý phát triển hoạt động TCĐLCL thành hoạt động có tính xã hội rộng rãi hơn, cụ thể là lập Văn phòng khiếu nại của người tiêu dùng từ 1994.

Sau mười năm đổi mới, nhất là

trong năm năm (1991-1995) sau Đại hội lần thứ VII của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có các thành tựu nổi bật, chuyển sang thời kỳ mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với các yêu cầu đổi mới cơ chế kinh tế, hoạt động TCĐLCL cũng đã có nhiều biến đổi để chuyển từ cơ chế mệnh lệnh áp đặt sang cơ chế khuyến khích, định hướng kế hoạch hoá gắn với thị trường. Một mặt đề cao quyền tự chủ, trách nhiệm của nhà sản xuất kinh doanh, mặt khác tăng cường sự quản lý của nhà nước ở những khâu trọng yếu, tạo sự bình đẳng trong quyền lợi và trách nhiệm trong các thành phần kinh tế. Sự đổi mới hoạt động TCĐLCL đã nhằm vào mục tiêu đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đồng thời bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng và toàn xã hội, đẩy nhanh quá trình hội nhập, tăng cường khả năng cạnh tranh, trong xu thế quốc tế hóa và khu vực hóa đang diễn ra nhanh chóng trên nhiều mặt.

Chi cục đã tích cực hỗ trợ giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận các hoạt động chứng nhận chất lượng và áp dụng các hệ thống đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó, Chi cục tiếp tục hoàn thiện việc quản lý theo tinh thần Nghị định 86/CP và Quyết định 1647/QĐ-UB, giúp Sở chủ quản thực hiện nhiệm vụ đầu mối về quản lý TCĐLCL tại địa phương; chú ý tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, khả năng kiểm tra chất lượng, tăng cường đo lường pháp quyền, mở rộng các lĩnh vực đo điện, đồng hồ đo nước; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thanh tra nhằm tăng cường hiệu lực quản lý, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm.

Công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục người tiêu dùng nhằm xác lập các quan điểm tiêu dùng văn minh, tạo ra môi trường xã hội lành mạnh (để thúc đẩy sản xuất chất lượng phát triển được quan

tâm). Chi cục tích cực hỗ trợ chuẩn bị việc thành lập Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trên cơ sở Văn phòng Khiếu nại của người tiêu dùng.

Từ khi có Nghị quyết TƯ2 khoá VIII và chương trình hành động cụ thể hoá của Tỉnh Ủy Lâm đồng, hoạt động KHCN ở tỉnh nói chung và hoạt động TC-ĐL-CL có nhiều khởi sắc. Các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng gắn bó chặt chẽ hơn với các hoạt động kinh tế - xã hội địa phương, bước đầu có các kết quả đáng kể, góp phần tích cực vào quá trình phát triển.

Công tác quản lý TC-ĐL-CL như là một khía cạnh ứng dụng kết quả khoa học, công nghệ vào thực tế sản xuất đã được chú trọng thể hiện qua các chủ trương trong Nghị quyết tỉnh Đảng bộ về vấn đề quản lý kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp thông qua áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; trong kế hoạch KHCN 5 năm 2001-2005, chương trình áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng (và ISO9000) vào nâng cao chất lượng sản xuất kinh doanh và tham gia cải cách hành chính là một trong 11 chương trình trọng điểm.

Kết quả hoạt động trên từng lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng đều thể hiện các cố gắng rõ rệt trong việc thực hiện các chủ trương đó. Công tác quản lý được mở rộng đáp ứng yêu cầu pháp luật, bám sát với việc phát triển các doanh nghiệp. Công tác quản lý cơ bản đáp ứng các quy định hiện hành, đã có sự phối hợp tốt với các huyện và các cơ quan hữu quan như Thanh tra sở KHCN và Chi cục Quản lý thị trường. Việc tổ chức các hoạt động quản lý nghiệp vụ trong đơn vị được đưa dần vào nề nếp, đảm bảo công khai, nhanh chóng và đúng pháp luật. Đơn vị đã thực hiện hệ thống quản lý chất lượng (chứng nhận ISO9000 - từ

tháng 01-2003) trong các hoạt động quản lý chủ yếu và thường xuyên được xem xét cải tiến. Nhờ đó dịch vụ hành chính công của Chi cục đã đáp ứng tốt yêu cầu của các đối tượng quản lý.

Hoạt động tuyên truyền phổ biến và triển khai các quy định của pháp luật được tổ chức kịp thời, hàng năm thường có 1-2 hội nghị toàn tỉnh. Thông tin về hoạt động TC-ĐL-CL đã được chuyển tải qua các phương tiện phát thanh truyền hình và báo địa phương tương đối thường xuyên. Chính điều đó đã tác động giúp các doanh nghiệp hiểu biết và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, đồng thời tạo ra môi trường xã hội tích cực, giúp công tác quản lý ngành có kết quả hơn.

Công tác quản lý đo lường trong điều kiện là một tỉnh miền núi, địa bàn rộng là khá khó khăn. song với sự cố gắng liên tục, kết quả quản lý ngày càng được cải thiện, không chỉ về lượng mà đang chuyển dần về chất. Từ con số kiểm định hàng năm giai đoạn 1996 -1999 chỉ là khoảng 3.000-4.000 phương tiện đo, từ 2.000 đã tăng tới trên 12.000 phương tiện đo, trong khi biên chế hoạt động hầu như không tăng. Hầu hết các đối tượng theo quy định đều được quản lý, đối với các phương tiện đo có giá trị hay giao dịch lớn được quản lý 100% như trụ bơm xăng dầu, cân vàng bạc, cân bưu chính. Việc đáp ứng yêu cầu kiểm định nhanh chóng, có kế hoạch và công khai với các doanh nghiệp. Hoạt động quản lý đo lường ở các chợ là rất phức tạp khó quản lý, Chi cục đã có biện pháp triển khai cân đối chứng rất sớm từ năm 1999 ở 9/11 chợ huyện thị và có sự phối hợp với các Ban quản lý chợ để qua đó người tiêu dùng tham gia tích cực hơn vào hoạt động quản lý đo lường và bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Công tác đăng ký hay công bố tiêu chuẩn chất lượng, quản lý chất lượng được thực hiện khá tốt. Quá trình quản lý việc tự công bố được công khai, nhanh chóng đúng quy định. Các hoạt động hậu kiểm được đưa vào nền nếp, tuy nhiên cũng chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu, vì thiếu cơ chế và nhân lực. Từ sau Nghị định 86/CP về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước cho các cơ quan, việc thực hiện trách nhiệm quản lý tổng hợp về chất lượng được duy trì, song hiệu quả chưa cao. Nhìn chung sự phối hợp các ngành trong hoạt động quản lý còn hạn chế, chưa có phương thức hợp lý, thiếu chủ động.

Công tác quản lý TC-ĐL-CL địa phương, không chỉ chú trọng vào việc kiểm soát, duy trì việc thực thi các quy định của pháp luật, mà còn hướng mạnh vào việc hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận với các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), ứng dụng các phương thức quản lý chất lượng tiên tiến phù hợp thông lệ thương mại quốc tế. Gần như mỗi năm đều tham mưu UBND tỉnh tổ chức hội nghị chất lượng để nâng cao nhận thức các doanh nghiệp về vai trò và việc tham gia hội nhập kinh tế một cách hiệu quả bằng chất lượng.

Thực hiện hoạt động tập huấn TCH và quản lý chất lượng cho các doanh nghiệp, đã tập trung cho các sản phẩm trọng điểm: chè, rau, vật liệu xây dựng..., trong đó chú trọng hướng dẫn các cơ sở sản xuất nhỏ (khoảng 10 lớp tập huấn/năm). Hoạt động thử nghiệm hàng năm với số lượng mẫu thử nghiệm khoảng 400. Các kết quả thử nghiệm cũng hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp đánh giá được chất lượng sản phẩm của mình.

Bước đầu tổ chức thực hiện có kết quả chương trình hỗ trợ việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng cho doanh nghiệp và cho

dịch vụ hành chính công. Chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện ở 07 doanh nghiệp, đã và đang có kết quả tích cực. Hoạt động quản lý chất lượng cũng tham gia tích cực vào quá trình cải các hành chính. Đến nay có 05/11 UBND huyện thị và 05 cơ quan sở, ban, ngành trong tỉnh đang xây dựng hệ thống quản lý chất lượng, đặc biệt là mô hình của thành phố Đà Lạt (đã triển khai đến cấp xã, phường). Đây cũng là cơ sở quản lý nội bộ đảm bảo thực hiện "một cửa", thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch, từ đó tạo môi trường thuận lợi cho phát triển chung về kinh tế - xã hội.

Là tỉnh nghèo, tốc độ phát triển ở mức trung bình của cả nước, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, số lượng doanh nghiệp khoảng gần 1.100, quy mô nhỏ; có một lượng rất lớn cơ sở sản xuất quy mô gia đình (khoảng 27.000), nhiệm vụ của công tác TC-ĐL-CL là rất khó khăn. Nhất là khi nhận thức của doanh nghiệp về hội nhập kinh tế và các vấn đề liên quan đến TC-ĐL-CL còn hạn chế. Công tác TCH và quản lý chất lượng trong doanh nghiệp còn hạn chế, các hoạt động KCS cũng chưa thật được chú trọng, hoặc không có điều kiện kỹ thuật. Hiệu quả tác động của việc hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn và thực hiện TCH còn hạn chế, nhất là đối với các cơ sở sản xuất nhỏ.

Để phục vụ định hướng phát triển kinh tế chính chuyển dịch cơ cấu sang công nghiệp và dịch vụ, tăng đầu tư vào công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, nâng cao hiệu quả nền kinh tế [công nghiệp: chế biến nông sản, vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản; dịch vụ: du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng – hội nghị hội thảo, dịch vụ quy mô lớn; nông nghiệp công nghệ cao và sạch hơn], công tác

TC-ĐL-CL phải năng động hơn và có các hoạt động tác động trực tiếp hơn cho sự phát triển của các doanh nghiệp.

Hướng phát triển của hoạt động quản lý TC-ĐL-CL trong giai đoạn tới tập trung vào các nội dung chính sau:

- Nâng cao chất lượng hoạt động quản lý nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức cá nhân thực hiện đúng các quy định. Cải tiến các dịch vụ công, nâng cao hiệu quả hiệu lực và phù hợp với định hướng hội nhập của nhà nước.

- Tăng cường hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Trước hết là nâng cao chất lượng đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ về ứng dụng các công nghệ quản lý: ISO9000, ISO14000, HACCP, GAP, GMP... Sau là xây dựng các cơ chế hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất chế biến, trồng trọt sản phẩm sạch ứng dụng mô hình quản lý tiên tiến đó, có các hoạt động chứng nhận phù hợp thông lệ thương mại, tạo điều kiện nâng cao khả năng cạnh tranh và hội nhập kinh tế cho các doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc thi đua nâng cao năng suất chất lượng, quảng bá thương hiệu qua việc tổ chức Giải thưởng chất lượng Việt Nam, tổ chức hoạt động chứng nhận chất lượng...

- Tăng cường tiềm lực về cơ sở vật chất và đặc biệt là nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý ngày càng phát triển. Tổ chức các dữ liệu phục vụ tuyên truyền phổ biến tiêu chuẩn, trả lời các vấn đề liên quan đến TBT...

- Tiếp tục đẩy mạnh và cải tiến nâng cao hiệu quả tuyên truyền về TC-ĐL-CL tạo ra sự quan tâm rộng rãi của xã hội về vấn đề này và tạo môi trường xã hội thúc đẩy các doanh nghiệp phát triển đúng hướng, đồng thời thực hiện tốt việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.



*Hiệu quả của việc áp dụng***HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
TẠI VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN - ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT TRONG THỜI GIAN QUA**

LÊ CHINH

*Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Lạt*

**Q**uản lý hành chính là hoạt động thực thi quyền hành pháp của nhà nước đối với các quá trình xã hội hóa và hành vi hoạt động của con người nhằm duy trì, phát triển các mối quan hệ xã hội theo trật tự pháp luật, thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của con người trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trước yêu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiến trình hội nhập quốc tế, một trong những vấn đề đặt ra là phải nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý của hệ thống hành chính Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cải cách hành chính Nhà nước đã trở thành một trong những ưu tiên chính của Chính phủ Việt Nam. Cải cách hành chính (CCHC) đóng một vai trò then chốt trong quá trình thực hiện *Chiến lược tổng thể về xóa đói giảm nghèo và tăng trưởng*. Vì vậy, CCHC hiện đã được nhận thức rõ là một điều kiện thiết yếu để đảm bảo sự phát triển về kinh tế, nâng cao chất lượng các hoạt động cung cấp dịch vụ công, phát triển khu vực tư nhân và xóa đói giảm nghèo.

Để thực hiện mục tiêu trên, từ năm 2002, UBND tỉnh Lâm Đồng đã giao nhiệm vụ triển khai ứng dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 tại VP Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt. UBND thành phố Đà Lạt đã quyết định chọn một số lĩnh vực để ứng dụng bộ tiêu chuẩn này theo mô hình 1 cửa trong quản lý hành chính công nhằm cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố và đến nay đã đạt được một số kết quả nhất định.

**1. Những lĩnh vực đang được áp dụng****a. Tại Văn phòng HĐND-UBND thành phố**

- Cấp phép xây dựng nhà ở tư nhân;
- Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư;

- Thẩm định và phê duyệt hồ sơ thiết kế dự toán công trình xây dựng;

- Chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở;

- Chuyển nhượng, chuyển đổi và thừa kế quyền sử dụng đất;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển quyền sở hữu nhà ở gắn với quyền sử dụng đất ở;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển quyền sử dụng đất ở, đất nông nghiệp;

- Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

- Xem xét và giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai trên địa bàn thành phố;

- Chứng thực bản sao giấy tờ;

- Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo nhu cầu;

- Thẩm định quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

**b. Tại UBND các phường, xã**

- Hòa giải ở cơ sở trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Giải quyết hồ sơ đăng ký hộ tịch;

- Xác nhận đơn xin cấp phép xây dựng;

- Xác nhận hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất;

- Xác nhận hiện trạng nhà ở, đất ở.

Trong thời gian tới sẽ tiếp tục xem xét mở rộng thêm một số lĩnh vực khác theo yêu cầu quản lý nhà nước trên toàn địa bàn thành phố Đà Lạt.

**2. Hiệu quả****a. Sự đúng đắn của chủ trương áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong cải cách hành chính**

Dịch vụ hành chính công là loại dịch vụ gần như

mang tính chất độc quyền theo quy định của pháp luật hiện hành, do các tổ chức thuộc hệ thống quản lý Nhà nước thực hiện trong quá trình cung cấp dịch vụ, ví dụ như cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở... chỉ thuộc quyền của UBND cấp huyện trở lên. Trong quá trình thực hiện dịch vụ, khả năng xảy ra tiêu cực hoặc thờ ơ, lãnh đạm, thiếu tôn trọng... là khá lớn. Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trên cơ sở ứng dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 với nguyên tắc hướng vào khách hàng (người dân), phương pháp làm việc khoa học, minh bạch hóa, công khai hóa các quá trình hành chính, quản lý theo quá trình có kiểm soát, không ngừng cải tiến... là một chủ trương phù hợp.

### b. Những thay đổi mang tính tích cực

Do thời gian áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 phục vụ cho công tác cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Đà Lạt chưa lâu (khoảng hơn 2 năm) nên chắc chắn hệ thống quản lý chất lượng chưa được hoàn thiện và cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu để phát huy hiệu quả tốt hơn nữa. Qua quá trình thực hiện có thể sơ bộ đánh giá những thay đổi có tính tích cực như:

- Các thủ tục hành chính liên quan đến các lĩnh vực nêu trên đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và biên soạn theo hướng đơn giản, khoa học, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho tổ chức và công dân khi có nhu cầu được cung cấp dịch vụ hành chính. Các thủ tục hành chính được thiết kế theo lưu đồ công việc, rõ ràng cũng đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho cải cách hành chính và từng bước tin học hóa quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố.

- Quá trình tác nghiệp được kiểm soát với các biện pháp quản lý có tính chặt chẽ, hạn chế đến mức tối đa sai sót. Những gì không phù hợp phát sinh đều được kiểm tra, phát hiện và có các giải pháp khắc phục một cách cụ thể.

- CBCC các phòng, ban liên quan được đào tạo, tập huấn có hệ thống nên đã xác định rõ trách nhiệm, có nhiều cố gắng trong công tác, trong tiếp xúc giải quyết các nhu cầu của nhân dân, thể hiện là công bộc của nhân dân, không gây phiền hà; các tiêu cực (nếu có) đã được hạn chế tối đa. Kỹ năng hành chính, tác phong hành chính của đội ngũ CBCC được nâng lên.

- Sự phối hợp của các cơ quan giữa tỉnh Lâm Đồng và thành phố Đà Lạt đã có bước phát triển tốt. Các sở, ban, ngành của tỉnh dưới sự chỉ đạo kiên quyết của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tạo điều kiện cần thiết để việc áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 tại thành phố Đà Lạt đạt kết quả tốt. Kho bạc Nhà nước tỉnh

Lâm Đồng đã bố trí cán bộ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở Văn phòng HĐND-UBND thành phố để tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân khi thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- Góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước.

Việc áp dụng bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000 phục vụ công tác cải cách thủ tục hành chính với mục đích chủ yếu là phục vụ nhân dân, thể hiện nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân, góp phần xây dựng một nền hành chính Dân chủ - Trong sạch - Vững mạnh - Chuyên nghiệp - Hiện đại; từng bước xóa bỏ rào cản trong quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện vừa qua, do tính công khai, minh bạch trong việc cung cấp các dịch vụ hành chính công nên nói chung nhân dân thành phố Đà Lạt khi có nhu cầu hợp pháp đều được giải quyết kịp thời, quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng và phát huy. Trong quá trình giao dịch, người dân đều được phát phiếu thăm dò ý kiến, những góp ý đều được chính quyền thành phố quan tâm giải quyết. Các hiện tượng tiêu cực như phiền hà, nhũng nhiễu... đối với người dân đã giảm hẳn. Công tác tuyên truyền cũng được quan tâm đúng mức nên người dân đã từng bước hiểu rõ thêm về một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, từ đó nhận thức rõ thêm về nghĩa vụ công dân, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, có ý thức thượng tôn pháp luật, góp sức cùng chính quyền đẩy lùi các tiêu cực trong quản lý hành chính công.

Bên cạnh đó, mối quan hệ giữa người dân và chính quyền khi phát sinh nhu cầu được cung cấp dịch vụ hành chính công đã được cải thiện theo chiều hướng tốt, có tính bình đẳng, thân thiện, tôn trọng lẫn nhau. Việc công khai các thủ tục hành chính và cam kết của chính quyền thành phố cũng đã tạo điều kiện tốt cho người dân trong việc giám sát việc thực thi nhiệm vụ của cán bộ công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước.



# CÔNG NGHỆ SINH HỌC

## TRONG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NGHIÊN CỨU NHÂN GIỐNG HOA CÚC VÀ HOA LAY-ƠN

**DƯƠNG TẤN NHỰT**

*Phân viện sinh học tại Đà Lạt*

**H**oa cúc (*Chrysanthemum* spp.) và hoa lay-ơn (*Gladiolus* spp.) là những loài hoa cắt cành rất được ưa chuộng ở khắp nơi trên thế giới. Nhu cầu của thị trường về số lượng và chất lượng các loài hoa này hiện nay rất cao và hứa hẹn một tương lai phát triển mạnh mẽ. Trong bài viết này, chúng tôi xin giới thiệu một số phương pháp, kỹ thuật mới trong nhân giống các loài hoa này tại Phòng thí nghiệm công nghệ

cây mô sẹo và tái sinh cây, nuôi cấy tế bào trần (Rout và cộng sự, 1996). Nhiều loại môi trường nuôi cấy đang được sử dụng rộng rãi theo công thức MS (Murashige và Skoog, 1962), B5 (Gamborg và cộng sự, 1968). Các nhà nhân giống còn tìm ra những phương pháp ứng dụng các kỹ thuật hiện đại, phát triển hệ thống chuyển gene thông qua vector là vi khuẩn *Agrobacterium*. Các ngành trong

tạo các cây không nhiễm virus và các loại vi khuẩn hay nấm gây bệnh. Mẫu cấy càng nhỏ thì khả năng tạo cây sạch bệnh càng cao. Tuy nhiên, mẫu cấy càng nhỏ thì khả năng sống sót càng thấp. Do đó, thông thường người ta chọn mẫu cấy có kích thước 0,25 – 1,00 mm.

Tại Phòng thí nghiệm công nghệ sinh học thực vật của Phân viện sinh học tại Đà Lạt, chồi đỉnh được tách từ các chồi non của cây mẹ sạch bệnh. Chồi được lột sạch các lá ngoài và rửa dưới vòi nước chảy trong 30 phút, rửa với savon (xà-phòng) trong 5 phút, sau đó rửa sạch lại dưới vòi nước máy, xử lý sơ bộ bằng cồn 70° trong 30 giây. Tiếp tục, mẫu được khử trùng bằng  $HgCl_2$  ở nồng độ 0,1 % trong 7 – 8 phút và được rửa sạch bằng nước cất vô trùng nhiều lần trong điều kiện vô trùng. Chồi đỉnh được tách dưới kính lúp có kích thước từ 0,8 – 1 mm được sử dụng làm mẫu cấy ban đầu.



Hoa cúc (*Chrysanthemum* SPP.)

sinh học thực vật của Phân viện sinh học tại Đà Lạt.

Hoa cúc (*Chrysanthemum* spp.) là loài hoa thương phẩm rất được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới vì sự đa dạng về màu sắc và dáng vẻ.

Hoa cúc được nhân giống và nuôi trồng bằng nhiều cách, mang lại hiệu quả cao như các phương pháp nhân giống truyền thống, tạo rễ và nuôi trồng các đoạn cắt (cutting) hay các đầu rễ mút in vitro, nuôi cấy đỉnh sinh trưởng in vitro (Hương và Nhựt, 2004), nuôi

lĩnh vực công nghệ sinh học tế bào, công nghệ sinh học phân tử đang cố gắng tìm ra những phương pháp mới.

Dưới đây là một số phương pháp nhân giống tạo cây hoa cúc sạch bệnh được thực hiện tại Phân viện sinh học tại Đà Lạt.

### 1. Nuôi cấy đỉnh sinh trưởng

Phương pháp nuôi cấy đỉnh sinh trưởng sử dụng phần nhỏ nhất ở chồi đỉnh của thân làm mẫu nuôi cấy. Phần này gồm mô phân sinh và một vài phác thể lá. Việc tách và nuôi cấy đỉnh sinh trưởng nhằm

Chồi đỉnh được cấy trên môi trường 1/2 MS (Murashige and Skoog, 1962) chứa 30 g/l đường, 0,2 mg/l BAP và 8 g/l agar; chỉnh pH về 5,8 trước khi tiệt trùng bằng autoclave (ở 121°C, 1 atm trong 30 phút), 15 ml môi trường được rót vào ống nghiệm (25 x 100 mm) và được dây bằng nút bông. Những đốt thân tách từ thân chính tạo từ chồi đỉnh được cấy lên môi trường 1/2 MS, 30g/l đường, 8 g/l agar và bổ sung BAP kết hợp với NAA, IAA, IBA theo sự biến thiên của hai yếu tố kích thích sinh trưởng để tìm ra môi trường thích hợp

cho việc tạo cụm chồi. Sau khi tạo được số chồi theo mong muốn, các chồi này được tách rời ra và cấy lên môi trường 1/2 MS chứa 20 g/l đường, 7 g/l agar và IBA, NAA, IAA.

Mẫu cấy được tách từ chồi ngọn cúc được đặt trên môi trường MS cải biên có bổ sung BAP ở các nồng độ khác nhau để theo dõi khả năng bật chồi. Tỷ lệ sống sót của mẫu cấy đạt 70% trong khi đó lượng mẫu sống sót có khả năng bật chồi đạt 100% trên môi trường MS cải biên có bổ sung 0,2 – 0,3 mg/l BAP, ngược lại không có sự hình thành chồi từ mẫu cấy trên môi trường không có BAP. Trên môi trường nuôi cấy có chứa BAP tất cả các mẫu cấy đều tái sinh chồi. Số chồi tái sinh cao nhất trên môi trường có bổ sung 0,2 mg/l BAP.

Tách các thân đốt và chồi đỉnh tạo ra từ chồi tái sinh in vitro, tiếp tục cấy chuyển để có được số lượng lớn chồi theo mong muốn. Môi trường 1/2 MS có bổ sung 1,0 mg/l BAP, 0,2 mg/l IBA hoặc môi trường có 5 – 10 mg/l BAP và 0,2 mg/l NAA là môi trường thích hợp cho tạo chồi, cụm chồi tạo ra khỏe.

Các cụm chồi in vitro được tách rời ra thành từng chồi riêng biệt và cấy chuyển lên môi trường ra rễ, NAA và IBA cả hai đều giúp tạo rễ tốt trong khi dùng IAA cho kết quả kém hơn. Cây cúc in vitro cao từ 2,5 – 3 cm có đủ thân, lá, rễ, khỏe mạnh được rút ra khỏi ống nghiệm, rửa sạch agar bám quanh gốc và trồng trên giá thể là đất mùn với độ pH bằng 5,8 – 6,5; độ dẫn điện (EC) = 0,5 – 0,8. Khi trồng, gốc cây ngập sâu trong giá thể 0,5 – 1,0 cm. Cây được tưới giữ ẩm 2 – 4 lần/ngày tùy điều kiện thời tiết và giảm thiểu khả năng mất nước trong điều kiện nhà kính. Sau 30 ngày chăm sóc, tỷ lệ cây con sống sót đạt 95%.

Bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, chúng tôi đã hoàn thiện quy trình nhân giống cây hoa cúc thông

qua nuôi cấy đỉnh sinh trưởng. Tỷ lệ cây sống sau ống nghiệm cao, cây đảm bảo sạch bệnh, trẻ hóa và chất lượng tốt. Phương pháp này cho phép nhân nhanh một số lượng lớn cây giống đồng nhất với giá thành hạ có thể cung cấp cây giống cho các nhà trồng hoa thương mại phát triển trên diện rộng. Hiện nay phòng thí nghiệm của chúng tôi đã cung cấp một số lượng lớn giống cúc cấy mô cho người trồng hoa ở Đà Lạt.

## 2. Kỹ thuật vi thủy canh (microponics)

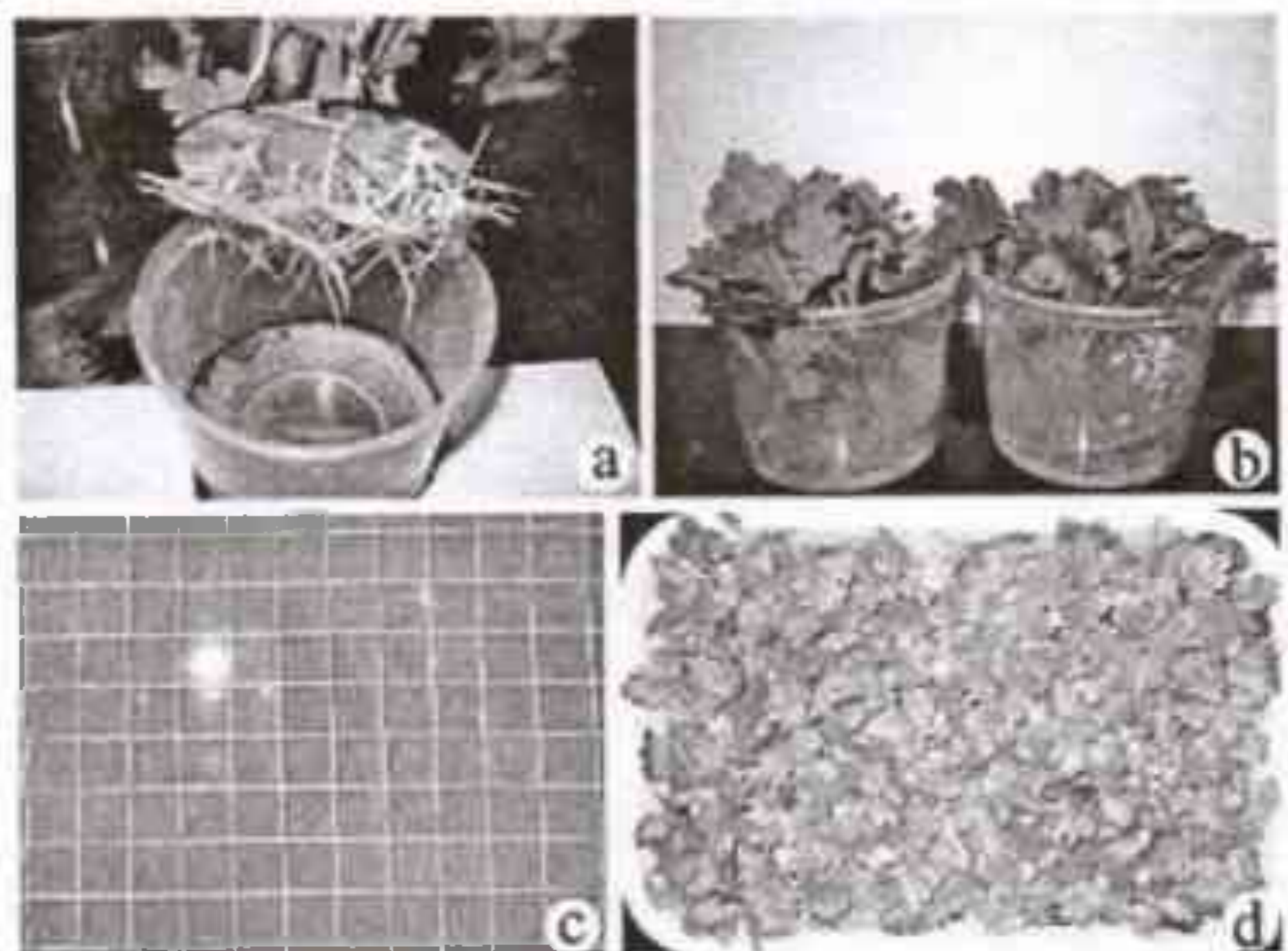
Các phương pháp vi nhân giống truyền thống tuy mang lại rất nhiều lợi ích nhưng vẫn có những giới hạn chưa khắc phục được: (1) cây con có thể bị ảnh hưởng do được nuôi cấy trong điều kiện bình kín; (2) giới hạn về sự đa dạng của dòng sản phẩm nhân giống, do cây con tạo ra thường đồng nhất về mặt kiểu hình; (3) tiến trình nhân giống phức tạp (bao gồm nhiều giai đoạn liên quan nhau và kéo dài trước khi có thể thích ứng và trồng ngoài vườn ươm); (4) giá thành sản phẩm vi nhân giống còn cao; (5) có thể xảy ra đột biến do tác dụng của các chất điều hoà tăng trưởng thêm vào môi trường nuôi cấy; v.v...

Hệ thống vi thủy canh là một hệ thống sản xuất cây mới kết hợp vi nhân giống và thủy canh, đây là

một công nghệ mới trên thế giới. Trong đó, mô thực vật được cung cấp chất dinh dưỡng nhờ dung dịch ở quy mô nhỏ. Phương pháp này có thể khắc phục các hạn chế trong vi nhân giống đã nêu.

Qua các khảo sát thực hiện ở Phân viện sinh học tại Đà Lạt, ở tất cả các nghiệm thức trừ nghiệm thức không tiền xử lý với NAA, tỷ lệ sống sót của các đoạn cắt là 100%. Các đoạn cắt được tiền xử lý với NAA có chồi mọc cao và thẳng. Ở nồng độ 500 ppm NAA, chiều cao thân, chiều dài rễ, trọng lượng tươi là cao nhất; các chỉ tiêu này đo được thấp nhất ở nghiệm thức nước máy. Có thể thấy sự khác nhau giữa các đoạn cắt được tiền xử lý với 500 ppm NAA với những đoạn cắt khác được tiền xử lý với 1000 ppm NAA. Các đoạn cắt được tiền xử lý với 500 ppm NAA có nhiều lá hơn và kích thước lá cũng to hơn những đoạn cắt được tiền xử lý với 1000 ppm NAA.

Cây xử lý với auxin có bộ rễ phát triển mạnh. Tuy nhiên, cây được xử lý với auxin ở nồng độ cao (1000 ppm) có trọng lượng tươi thấp hơn cây được xử lý ở nồng độ 100 và 500 ppm. Điều này cho thấy, ở nồng độ 500 ppm, rễ được kích thích phát triển tốt và nồng độ này không quá cao, không gây ra sự ngăn cản rễ phát triển. Do đó, trọng lượng tươi và chiều dài rễ ở



Hình 3. Hệ thống thủy canh trong nhân giống cây hoa cúc (Chrysanthemum spp.)

nồng độ này là tốt nhất. Nồng độ 100 ppm auxin quá thấp, chưa đủ để kích thích rễ phát triển tốt, do đó các đoạn cắt được xử lý với 100 ppm NAA thì có chiều dài rễ ngắn nhất. Nồng độ 1000 ppm NAA là nồng độ khá cao nên ức chế một phần sự hình thành rễ, do đó có chiều dài rễ ngắn hơn.

Điều kiện tối ưu cho sự hình thành rễ là các đoạn cắt được tiên xử lý với 500 ppm NAA trong thời gian 20 phút. Những đoạn cắt có bộ rễ khoẻ mạnh sẽ được chuyển sang vườn ươm. Các cây con nuôi cấy in vitro sau 7 ngày được mang so sánh với cây con tiên xử lý 500 ppm NAA có cùng thời gian nuôi cấy trong hệ thống vi thủy canh. Cây nuôi cấy trong hệ thống vi thủy canh có rễ dài hơn, thân cây cao hơn và số lượng lá nhiều hơn so với trong hệ thống in vitro.

### 3. Kỹ thuật thủy canh (hydroponics)

Hoa cúc là loại hoa có thời gian sinh trưởng không dài, dễ bị nhiễm nấm, nhiễm virus, và tất cả các phương pháp nuôi trồng vừa nêu đều phải trải qua khâu trồng trong đất nên không tránh khỏi một số giới hạn như nhiễm một số loại nấm bệnh trong suốt quá trình nhân giống và nuôi trồng. Đất cung cấp giá thể, chất dinh dưỡng, không khí, nước... cho sự sinh trưởng và phát triển của thực vật. Tuy nhiên, đất cũng chứa nhiều sinh vật gây bệnh cho cây, sâu bọ, virus, các loại giun ký sinh; nhiều tính chất của đất không phù hợp và khó điều chỉnh theo sự phát triển của cây, khả năng thoát nước kém cũng như sự thoái hoá đất do xói mòn... Tất cả những giới hạn này làm giảm chất lượng sản phẩm giống cúc.

Thủy canh là một kỹ thuật nuôi trồng thực vật trong dung dịch dinh dưỡng cung cấp tất cả các thành phần dinh dưỡng cần thiết cho sự tăng trưởng tối thích của thực vật, có sự dụng hoặc không sử dụng giá thể trợ như gravel, vermiculite, rockwool, rêu, mặt cưa, bụi xơ dừa.

Theo khảo sát của chúng tôi, ở tất cả các nghiệm thức các đoạn cắt đều có tỷ lệ sống sót 100% (trừ trường hợp sử dụng nước máy làm dịch thủy canh). Trong đó các đoạn cắt tăng trưởng tốt nhất trong dung dịch 1/2 MS. Các đoạn cắt trong dung dịch 1/2 MS có chiều cao cây, số lá, chiều dài lá, đường kính lá, số rễ, chiều dài rễ, trọng lượng tươi cao hơn hẳn so với các đoạn cắt trong các dung dịch dinh dưỡng khác.

Tất cả các chỉ số đo được khi nuôi trong môi trường 1/2 MS đều có giá trị cao hơn so với các cây nuôi cấy trong các môi trường khác. Kết quả thu được chứng tỏ dung dịch 1/2 MS là tối ưu nhất cho sự tăng trưởng, phát triển của đoạn cắt đã được tiên xử lý 500 ppm auxin trong 20 phút.

Đối với cây cúc, nồng độ chất dinh dưỡng quá cao không thích hợp cho sự tăng trưởng, phát triển của đoạn cắt. Trong dung dịch MS, cây không phát triển, tăng trưởng tốt như trong môi trường 1/2 MS. Đặc trưng của môi trường MS là giàu thành phần muối khoáng, vì vậy đối với một số loại thì thành phần dinh dưỡng của môi trường MS tỏ ra quá cao, và có trường hợp gây độc cho mô nuôi cấy. Môi trường MS giàu chất dinh dưỡng gây ra hiện tượng mọng nước hay thủy tinh thể như ở cây hoa cúc và cây hoa cẩm chướng (Han và cộng sự, 1991). Vì vậy, nồng độ chất khoáng giảm đi một nửa (thành 1/2 MS) sẽ tốt cho sự tăng trưởng và phát triển của cây.

Đặc biệt kết quả thu nhận được từ đoạn cắt nuôi cấy trong một số dung dịch dinh dưỡng thực vật hiện có bán trên thị trường cũng có giá trị thấp hơn giá trị thu được từ đoạn cắt nuôi cấy trong dung dịch 1/2 MS. Do vậy, nếu sử dụng dung dịch 1/2 MS để nhân giống cây cúc theo phương pháp thủy canh sẽ giảm được một khoản chi phí đáng kể, mà chất lượng cây giống cũng cao hơn. Từ đó, có thể giảm giá thành sản phẩm, phục vụ thị trường trong

nước và thị trường xuất khẩu.

Lay-ơn được trồng nhiều ở Việt Nam và phổ biến ở Đà Lạt. Hàng năm, Đà Lạt cung cấp một lượng hoa đẹp và củ giống khá lớn cho nhiều vùng trong nước.

Lay-ơn được nhân giống từ phần củ (corm) nằm dưới đất; đây là hình thức sinh sản vô tính bằng hai cơ quan: củ hình thành từ chồi và củ nhỏ hình thành từ đầu mút thân ngầm xuất phát từ củ. Tuy nhiên, tốc độ nhân giống từ củ khá chậm, không khắc phục được các bệnh hại cây như vẩy nến, thối nhũn lõi củ lan tràn, không đáp ứng được nhu cầu nhân nhanh giống trong sản xuất và nhân giống một số giống nhập nội và giống lai có triển vọng.

Hiện nay, kỹ thuật nuôi cấy mô lay-ơn đang được nghiên cứu áp dụng, nhằm nhân giống vô tính nhanh và sạch các cây giống. Nhiều phương pháp nuôi cấy in vitro được áp dụng như nuôi cấy mô từ cụm hoa, cuống hoa và nuôi cấy từ củ.

Phương pháp tạo chồi và sản xuất cây in vitro đã được sử dụng để nhân số lượng lớn lay-ơn. Tuy nhiên, cây con tạo ra bằng phương pháp này khi đưa ra môi trường vườn ươm có tỷ lệ sống thấp, tốn nhiều thời gian trồng và chăm sóc do cây yếu hình thành trực tiếp từ chồi và không có củ. Để khắc phục những nhược điểm trên, phương pháp tạo củ lay-ơn in vitro đã được sử dụng, tạo ra một hướng tích cực trong nhân giống lay-ơn. So với phương pháp nhân giống lay-ơn bằng chồi, phương pháp nhân giống bằng củ có nhiều lợi điểm: tỷ lệ cây con sống khá cao khi đưa ra môi trường ex vitro, dễ chăm sóc, bảo quản, và có thể chủ động nguồn giống khi cần.

Phân viện sinh học tại Đà Lạt đã khảo sát việc nuôi cấy tạo củ in vitro một số giống lay-ơn nhằm đề ra những cách thức ưu việt hơn trong quá trình nhân giống và sản xuất.

(Xem tiếp trang 22)

# ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ Ở LÂM ĐỒNG

Thạc sĩ **VÕ KHIẾM**

Giám đốc Trung tâm Ứng dụng KH&CN&Tin học Lâm Đồng

Lâm Đồng là một tỉnh miền núi nam Tây Nguyên, nền kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông - lâm nghiệp. Trong những năm gần đây được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và sự nỗ lực vươn lên của đội ngũ cán bộ khoa học, hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ có nhiều chuyển biến đáng kể, nhiều đề tài, dự án khoa học đã đáp ứng các yêu cầu thực tiễn sản xuất, đời sống, góp phần đáng kể trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tuy nhiên quá trình ứng dụng những kết quả nghiên cứu và tiến bộ KH&CN vào thực tiễn vẫn còn gặp khó khăn và lúng túng do chưa có những cơ chế, chính sách khuyến khích hợp lý và còn thiếu các cơ quan làm công tác chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ cho các thành phần kinh tế.

Để đẩy mạnh việc ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ tại địa phương, ngày 22/04/2004 UBND Tỉnh Lâm Đồng đã ra Quyết định số 69/2004/QĐ-UB thành lập Trung tâm Ứng dụng khoa học, công nghệ và Tin học tỉnh Lâm Đồng, trực thuộc Sở KH&CN Lâm Đồng.

Trung tâm Ứng dụng khoa học, công nghệ và Tin học tỉnh Lâm Đồng là đơn vị sự nghiệp khoa học của Tỉnh, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện các dự án sản xuất thử nghiệm; chuyển giao và nhân rộng các kết quả của các đề tài, dự án đã nghiệm thu cho các thành phần kinh tế theo kế hoạch được giao.

3. Ứng dụng công nghệ sinh học vào lai tạo, sản xuất các giống rau, hoa, cây ăn quả, lưu giữ các nguồn gen quý hiếm. Khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi và chế phẩm mới phục vụ phát triển nông, lâm nghiệp của địa phương.

4. Thực hiện các hoạt động phân tích, kiểm nghiệm phục vụ công tác quản lý chất lượng, hỗ trợ phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá của địa phương.

5. Nghiên cứu thiết kế, xây dựng và phát triển trang tin điện tử tỉnh Lâm Đồng (Website Lamdong.gov.vn) trên Internet. Xây dựng và phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ. Tham gia xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) tại địa phương. Triển khai các ứng dụng tin học cho các thành phần kinh tế.

6. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực KH&CN cho các ngành, địa phương; Tư vấn, phản biện về khoa học- công nghệ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

7. Tổ chức các hoạt động dịch vụ, đào tạo, hội thảo, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất và đời sống.

8. Liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển KH&CN tại địa phương theo quy định của Nhà nước.

Việc ra đời của Trung tâm sẽ là điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống ngày càng hiệu quả. Trước mắt Trung tâm đang tập trung thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

## 1. Lĩnh vực công nghệ thông tin

- Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng các dự án công nghệ thông tin; hệ thống mạng thông tin phục vụ chương trình phát triển CNTT của tỉnh, phát triển thương mại điện tử, các phần mềm ứng dụng. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác quản lý.

Duy trì hoạt động và phát triển trang thông tin điện tử Lâm Đồng trên Internet có tên miền là WWW.Lamdong.gov.vn.

Tổ chức đào tạo về tin học, đào tạo nhân lực về CNTT cho các sở, ngành, địa phương phục vụ nhiệm vụ tin học hoá công tác quản lý của địa phương.

## 2. Hoạt động phân tích, kiểm nghiệm

Trong nhiều năm qua đã được Nhà nước đầu tư các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phân tích, kiểm nghiệm về hoá, lý, vi sinh các loại sản phẩm của địa phương. Hiện nay Trung tâm đang đầu tư thêm các thiết bị hiện đại để phân tích nhanh các loại nông sản, đặc



biệt là sản phẩm rau an toàn phục vụ xuất khẩu.

Phân tích các chỉ tiêu về đất, nước, phân bón phục vụ cho sản xuất, quan trắc và đánh giá tác động môi trường.

Kiểm nghiệm các chỉ tiêu về vật liệu xây dựng như mẫu bê tông, sắt thép, gạch và các vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng trong tỉnh.

Triển khai các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hoá của địa phương.

### 3. Lĩnh vực công nghệ sinh học

Trung tâm có Phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật, với những máy móc, thiết bị hiện đại, có hệ thống nhà lưới, vườn ươm phục vụ cho công việc lai tạo các giống cây trồng, sưu tập và lưu giữ các nguồn gen quý hiếm về rau, hoa, dược liệu, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao của địa phương.

Đã nghiên cứu các quy trình nuôi cấy mô giống hoa các loại: layon, cúc, salem, đồng tiền, cẩm chướng, baby, sao tím, các giống địa lan, phong lan; Các giống rau, dâu tây, khoai tây, Washabi...

Hàng năm bộ phận nuôi cấy mô sẽ tạo ra từ 200.000- 300.000 cây giống các loại phục vụ cho sản xuất của nông dân Đà Lạt và các địa phương trong tỉnh.

Hợp tác nghiên cứu, lưu giữ và nhân các giống cây trồng theo yêu cầu của một số địa phương khác.

### 4. Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học, công nghệ

Đây là cầu nối giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất và đời sống. Với chức năng của mình, Trung tâm sẽ tập hợp đội ngũ cán bộ khoa học ở địa phương, các cơ quan khoa học trong cả nước để tham gia các

hoạt động khoa học, công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, cụ thể là:

Tổ chức việc ứng dụng và chuyển giao kết quả đề tài khoa học đã nghiệm thu cho các thành phần kinh tế trong tỉnh.

Triển khai thực hiện các dự án sản xuất thử nhằm tạo ra những sản phẩm mới có giá trị kinh tế, phục vụ cho sản xuất và đời sống.

Khảo nghiệm, chọn lọc các giống cây trồng vật nuôi, các quy trình kỹ thuật thích hợp để xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật cho các vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc.

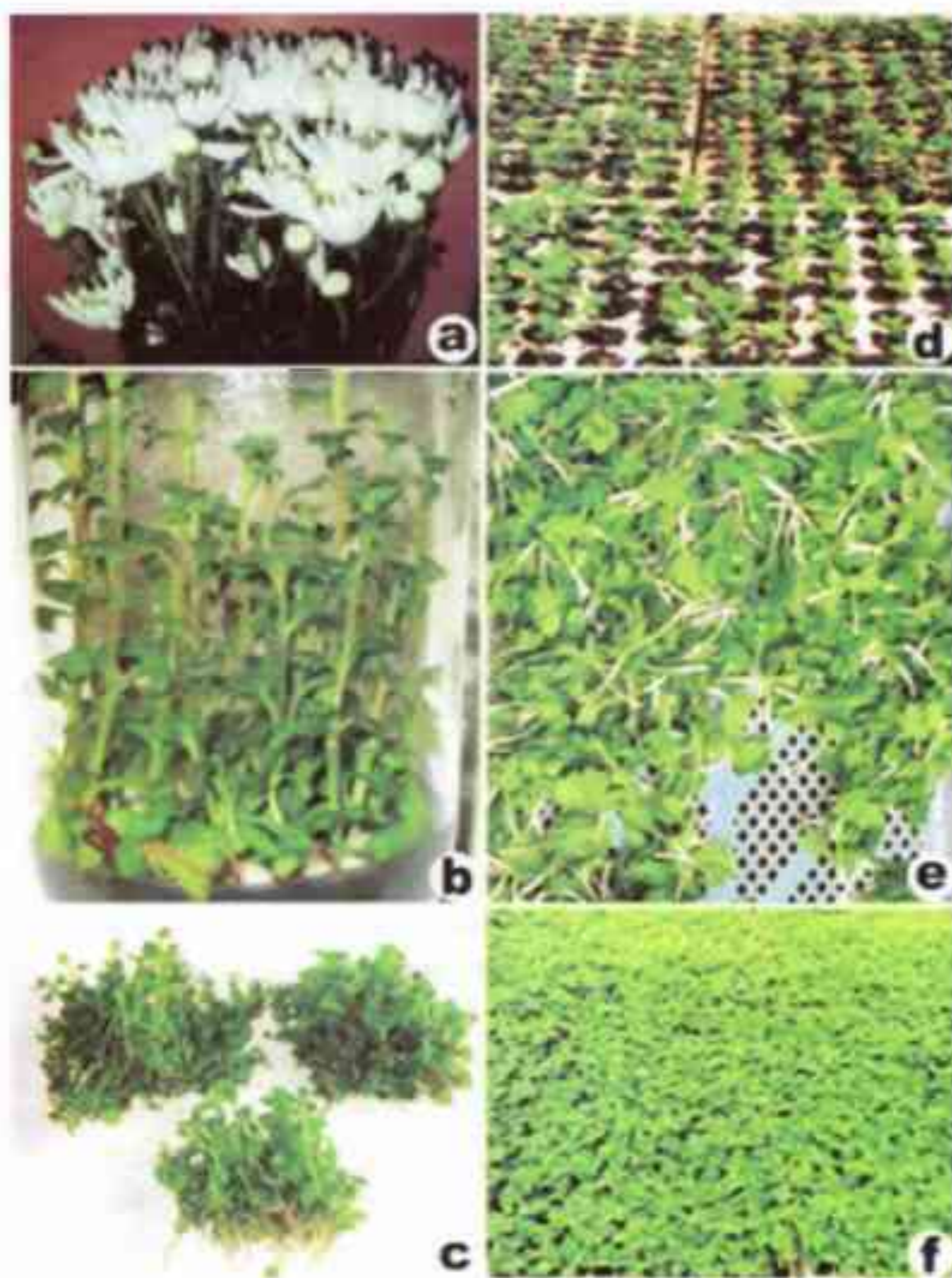
Trung tâm còn thực hiện các hoạt động tư vấn, phản biện các vấn đề về khoa học, công nghệ; Tổ chức các cuộc hội thảo, tập huấn, giới thiệu các thành tựu và sản phẩm mới; Tổ chức đào tạo nguồn nhân lực về khoa học công nghệ cho địa phương.

Với sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ của Tỉnh và Sở khoa học và Công nghệ, sự hợp tác của các ngành, đơn vị, địa phương và các nhà khoa học, Trung tâm Ứng dụng khoa học, công nghệ và Tin học Lâm Đồng sẽ huy động và tập hợp các nguồn lực, đội ngũ cán bộ khoa học trong tỉnh và cả nước để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ vào sản xuất, đời sống, góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của địa phương.



## Công nghệ sinh học trong định hướng và nghiên cứu nhân giống hoa cúc và hoa lay-ơn

(Tiếp theo trang 19)



Hình 1. Nhân nhanh giống cúc sạch bệnh bằng nuôi cấy đỉnh sinh trưởng.

Củ hoa lay-ơn thu nhận từ vườn được sử dụng làm mẫu cấy. Các thí nghiệm nghiên cứu sự tạo củ lay-ơn trên 2 giống: giống lay-ơn hoa đỏ và giống lay-ơn hoa màu hồng san hô.

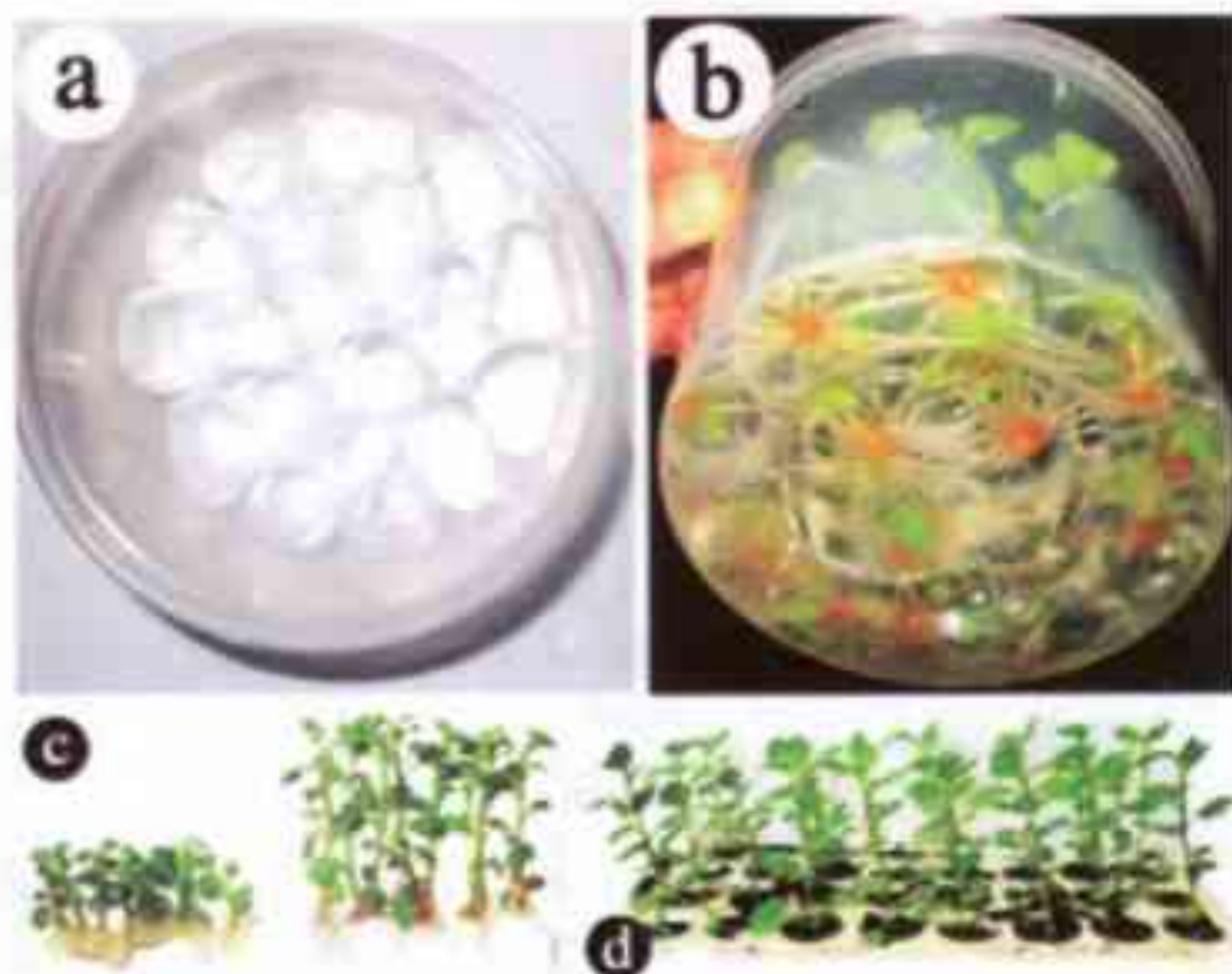
Các củ lay-ơn được rửa sạch đất dưới vòi nước chảy, tiếp theo rửa bằng xà phòng và để dưới vòi nước chảy từ 3 – 4 giờ. Lột bỏ các lớp bao ngoài của củ, sau đó cho củ vào ethanol 70o trong vòng 30 giây. Rửa lại mẫu bằng nước cất vô trùng 4 – 5 lần. Tiếp tục khử trùng bề mặt mẫu trong tủ cấy vô trùng bằng HgCl<sub>2</sub> 0,1% kết hợp 2 – 3 giọt Tween, rửa lại mẫu bằng nước cất vô trùng 4 – 5 lần. Cấy mẫu vào môi trường MS có bổ sung

1,5 mg/l N6-benzylaminopurine (BA) và 0,1 mg/l NAA, sau 1 tháng thu nhận các chồi làm nguồn mẫu ban đầu.

Nuôi cấy mẫu trên môi trường MS, có bổ sung 2 mg/l BA, 0,5 mg/l NAA và 30 g/l đường sucrose, 8 g/l agar và chỉnh pH ở 5,7 – 5,8. Sau đó khảo sát sự tạo củ của giống lay-ơn đỏ trên môi trường khác nhau có bổ sung IBA và thay đổi nồng độ đường. Nuôi cấy mẫu trong các bình tam giác (60/250 ml) hay các bình nhỏ có dung tích 250 ml.

Củ in vitro thu được sau 60 ngày nuôi cấy được đem trồng ngoài vườn ươm. 10 củ lay-ơn giống hoa đỏ có đường kính trung bình 0,5 – 1 cm được rửa sạch sau đó được trồng vào đất mùn ngoài vườn ươm. Theo dõi sự nảy chồi và tăng trưởng cây con lay-ơn từ củ in vitro.

Sự tạo củ ở các giống lay-ơn đỏ được tiếp tục khảo sát trên một số môi trường khác nhau. Trong các môi trường, sự tạo củ cao nhất được ghi nhận sau 4 - 5 tuần trong môi trường 1/2 MS, có bổ sung 4 mg/l IBA và 60 g/l đường. Sự tạo củ lay-ơn chịu ảnh hưởng rõ rệt của hàm



Hình 2. Hệ thống vi thủy canh trong nhân giống cây hoa cúc (*Chrysanthemum* spp.)





Hoa Lay-ơn (Gladiolus SPP.)

lượng đường sucrose trong môi trường. Ở đây, môi trường lỏng cũng có ảnh hưởng nhất định đến sự tạo củ. Trong môi trường lỏng, tỷ lệ tạo củ khá cao và kích thước củ khá lớn so với môi trường đặc. Auxin cũng có vai trò nhất định trong quá trình tăng trưởng củ, do auxin giúp cho sự phân chia và tăng rộng tế bào, và giúp cho sự tạo rễ của cây con khi đưa ra trồng ngoài vườn ươm.

Như vậy, sự hình thành củ ở lay-ơn là một quá trình phức tạp, quá trình này còn tùy thuộc vào giống, kết hợp với nồng độ đường cao và một số chất điều hoà tăng trưởng thực vật thích hợp. Ngoài ra, việc nuôi cấy trong môi trường lỏng cũng là một hướng mới tích cực trong nghiên cứu sự tạo củ lay-ơn.

Các củ lay-ơn in vitro giống hoa đỏ có đường kính trung bình 0,5 – 1cm thu được sau 60 ngày nuôi cấy được đem trồng ngoài vườn ươm. Cây con lay-ơn từ củ in vitro khá tốt, với trên 90% cây con sống và phát triển mạnh.

Như vậy, mỗi giống lay-ơn đáp ứng với tác động của môi trường khác nhau nên quá trình hình thành củ có sự khác biệt. Hàm lượng đường sucrose và một số chất điều hoà như BA, IBA có tác động nhất định lên sự tạo củ lay-ơn in vitro. Môi trường lỏng có bổ sung 4 mg/l IBA, đường

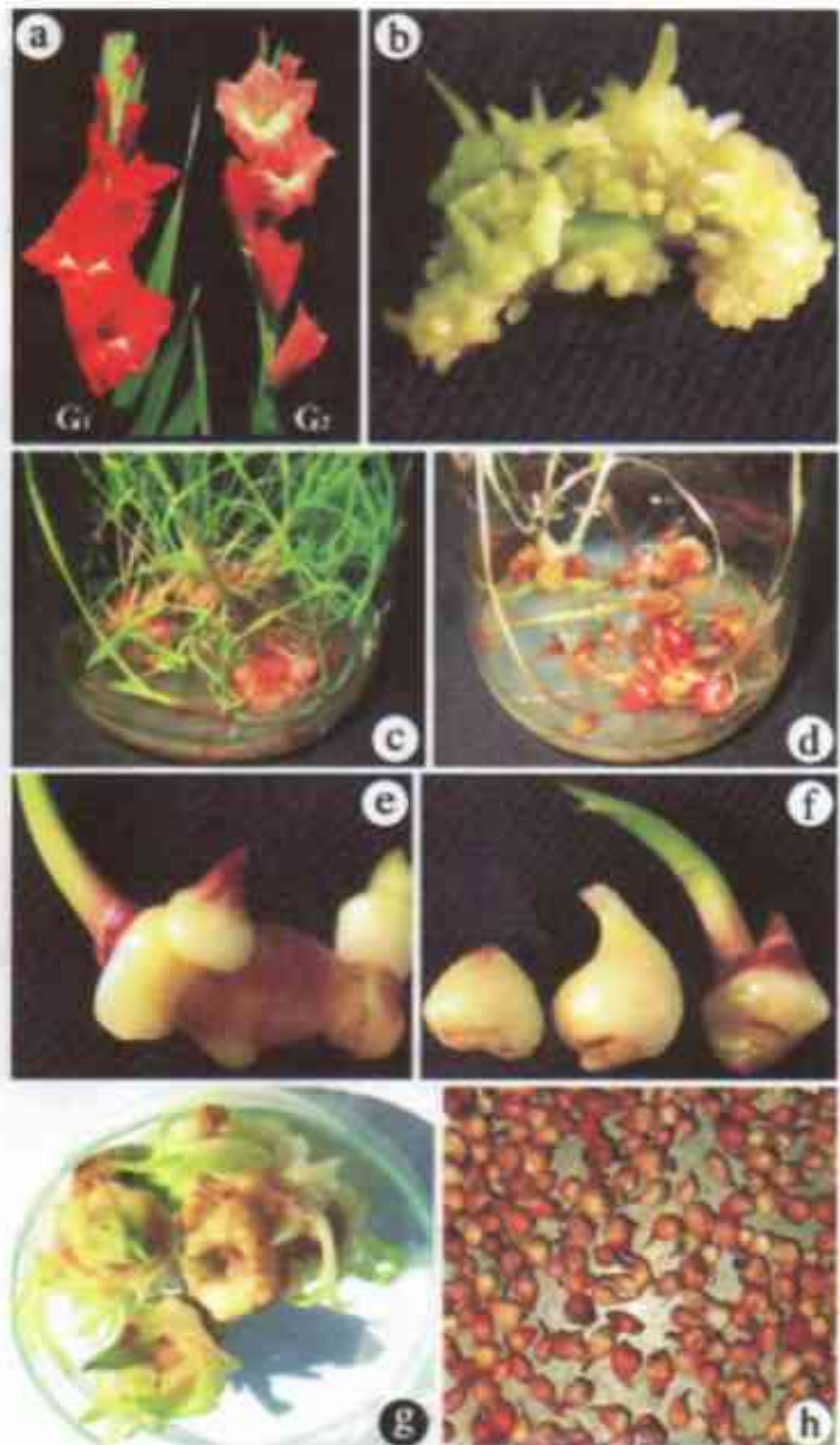
60 g/l thích hợp cho sự tạo củ lay-ơn giống hoa đỏ.

**KẾT LUẬN CHUNG**

Công nghệ sinh học thực vật đã và đang được ứng dụng có hiệu quả trong công tác giống cây trồng, ngày càng có nhiều kỹ thuật tiên tiến, đơn giản, hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá nông nghiệp. Những nghiên cứu được trình bày trên đây là một trong những thành quả mới nhất được công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước. Những nghiên cứu này đang được ứng dụng từng bước trong nhân giống hoa cúc và

hoa lay-ơn tại thành phố Đà Lạt. Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về hoa ngày càng cao, thiết nghĩ, những phương pháp trên sẽ mang lại nhiều lợi ích cho người trồng hoa trong thời gian tới. Những sản phẩm sạch, đồng nhất và chất lượng cao về giống của hai loại hoa trên được sản xuất trên quy mô công nghiệp là hình ảnh mà chúng ta có thể thấy được trong tương lai gần.

*(Để hoàn thành bài viết này, tôi xin chân thành cảm ơn em Nguyễn Trịnh Đôn về những góp ý, chỉnh sửa trong suốt quá trình chuẩn bị.)*



Hình 4. Nhân giống cây hoa lay-ơn (Gladiolus spp.) bằng tạo củ in vitro.



## Vườn thơ

# Hoa tư tưởng

### TƯƠNG PHỐ

Tên thật là Đỗ Thị Đàm, sinh ngày 14/10/1900 tại Cao Phong, huyện Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn trong gia đình giáo chức. Từ nhỏ, bà và người em gái Đỗ Thị Thoại (Song Khê) được học chữ Hán, chữ Quốc ngữ và sớm bộc lộ năng khiếu văn thơ.

Sáng tác thơ văn của Tương Phố được tác giả tập hợp cho in thành sách trong các tập: Giọt lệ thu (Hà Nội, 1952); Mưa gió sông Tương (Sài Gòn, 1960); Trúc mai (Sài Gòn, 1967).

Bà đã sống một thời gian dài ở Hà Nội, Nha Trang. Cuối năm 1969, Tương Phố về Đà Lạt và ở đây cho đến cuối đời. Bà mất ngày 8/11/1973, phần mộ của bà đặt tại đồi trên đường 20 cũ lấy tên đồi Tương Sơn, cách trung tâm Đà Lạt 7-8 km.

Hiện nay, tên của bà được đặt cho một con đường thuộc phường 9 thành phố Đà Lạt.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 31 ngày mất của nữ sĩ, Vườn thơ Hoa tư tưởng xin đăng lại một số bài thơ của bà.

### TÁI TIỂU SẦU NGÂM

Dàn xưa, ai đứt dây đàn?  
Đứt dây lữ đày, chứa chan mạch sầu!  
Ngày xanh chỉ dở dang nhau,  
Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương;  
Vóc mai gãy gỗ tuyết sương,  
Mấy thu chiếc bách cánh bướm bơ vơ;  
E dè buổi gió chiều mưa,  
Con côi, mẹ góa, dễ nhờ nương dâu?  
Bước đi, âu cũng thương nhau,  
Dừng chân đứng lại, cơ mầu dở dang;  
Dây loan chấp nối đoạn trường,  
Ngâm câu tái liễu hai hàng lệ sa!

Dễ âu duyên mới du mà,  
Còn linh chẳng nữa, cũng là lụy thôi.  
Trăm năm danh tiết lỡ rồi,  
Dấu thân chung đỉnh cũng đời bỏ đi.  
Đào tơ sen ngó lữ khi,  
Ngây thơ đôi lứa ngỡ chi nỗi này;  
Uyên ương chia rẽ bấy nay,  
Lạc bầy chấp cánh, thẹn ngày giao hoan;  
Tình xưa lai láng khôn hàn,  
Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương tâm!

Thuyền ai, nã khách ôm cầm,  
Dây tơ diu dặt, âm trầm tiếng tơ;  
Khúc thành, lệ ứa như mưa,  
Cầm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi.



...Gửi chú Sơn Phong  
(Thơ trào phúng)

Thời dùng thổng nữa, chú Sơn-Phong,  
Chớ cây tu-mi, đỡ ngón ngón,  
Vi bất bình-quyền râu phải mọc,  
Dhen này vật trụi hết đàn ông,  
Dhen này vật trụi hết đàn ông,  
Chẳng để râu mày một máy lông,  
Nhấn nhui, đôi bên cùng nhấn nhui,  
Thử xem Nam Nữ có bình không?

### KHÚC THU HẬN

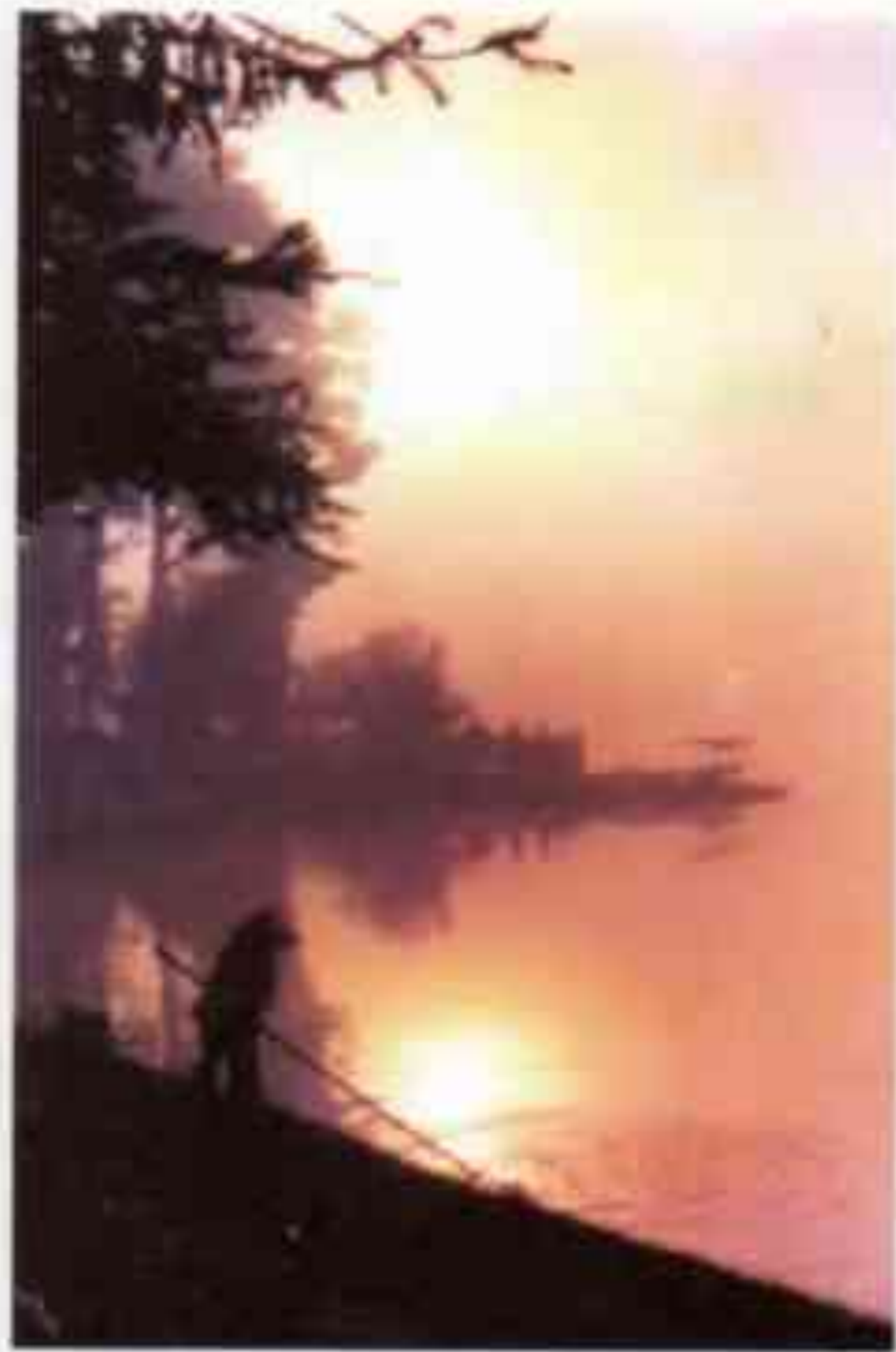
Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,  
Thu năm về, nào thấy chàng về;  
Chàng đi, đi chẳng trở về,  
Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.

Làng mây nước biết đâu nhân gửi,  
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương;  
Vi chàng, chín khúc đoạn trường,  
Vi chàng, trăm mối sầu vương tháng ngày.  
Thu xưa khóc, thu này lại khóc,  
Nam năm thu, mắng khóc mà già;  
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,  
Non buồn nước lạnh, cỏ hoa tiêu điều.  
Nỗi ly hận mây chiều gió sớm,  
Tinh tương tư khoảng vắng đêm trường;  
Gió mưa lâm sự thê lương  
Chỉ kim ai vá đoạn trường nhau đây!  
Đầu ngây ngất những ngày thu lại,  
Giọt ngâu tuôn lệ lại chan hòa...  
Ngàn xanh sắc úa vàng pha,  
Đông lau lả lướt la đà ngọn may.  
Non nước buồn cỏ cây hiu hắt,  
Khói mây tuôn, mặt đất chân trời;  
Vời trông muôn dặm đường đời,  
Bước trăm năm, luống ngậm ngùi cho thân.

Kể từ độ phong trần lạc bước,  
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo;  
Gieo lòng theo ngọn thủy triều,  
Lênh đênh trôi cũng mặc chiều nước sa!

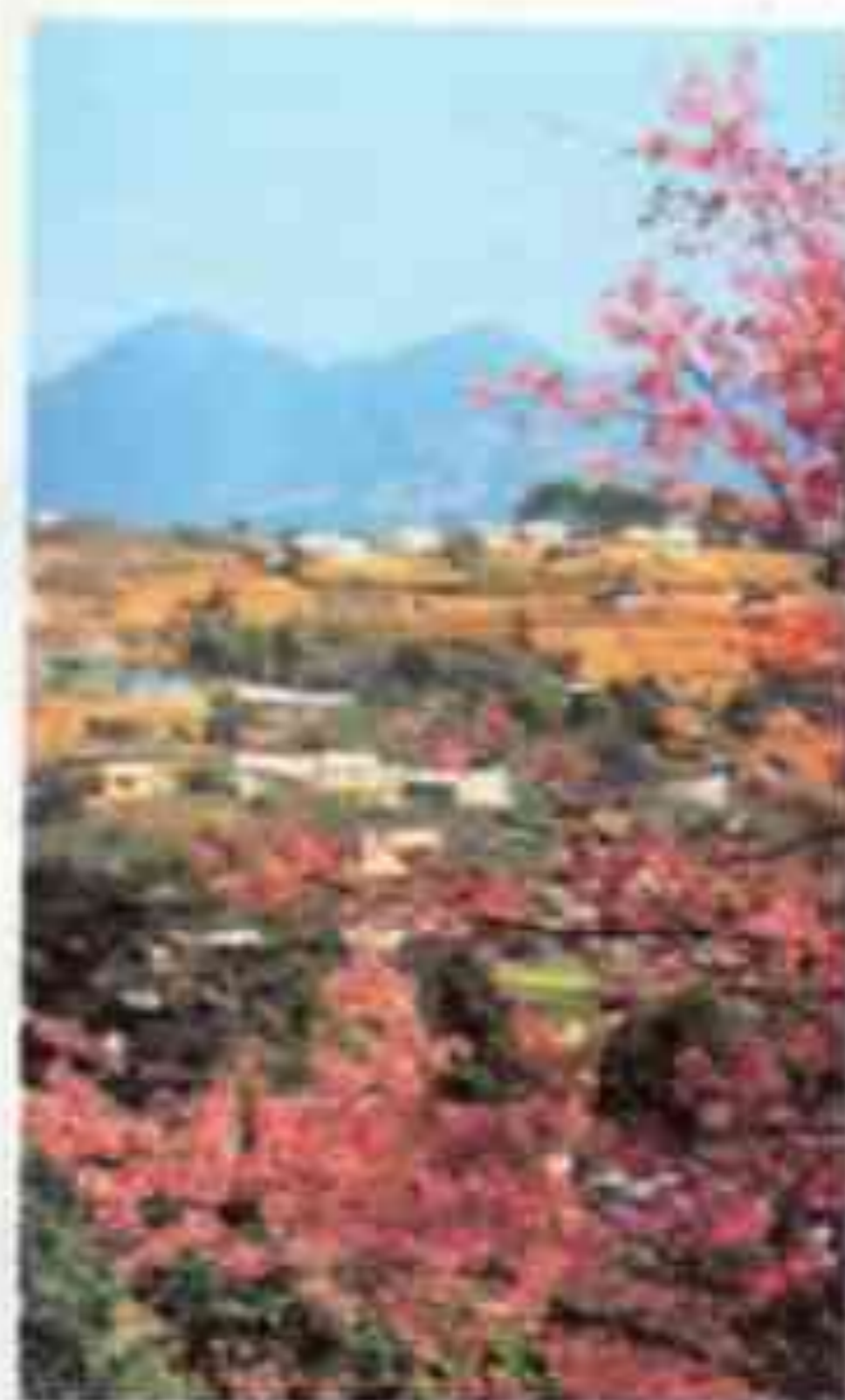
Con măng sữa nay đã mười sáu,  
Chốn hầu môn nương nấu dứt đây;  
Đá ch đèn cơm áo bấy nay,  
Vi con, nuốt hết chua cay nỗi đời!  
Phong lưu để ngậm ngùi tắc dạ,  
Chén vinh hoa, lã chã giọt hồng!  
Khóc than khôn xiết sự lòng,  
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót xa.  
Khăn lệ cũ, chan hòa lệ mới,  
Mối sầu xưa, chấp nối sầu nay;  
Tần sầu cựu hận bao khuấy,  
Nắng sương, một vóc mai gầy thảm thương.

Thu năm về, thê lương dạ cũ,  
Nước dòng thu khôn rũ lâm sầu;  
Đi ca một khúc bên lầu,  
Trăng thanh dải bóng, gió thu lạnh lũng.



### HOÀNG HÔN

Bóng chiều bằng lăng ngàn đầu,  
Non sông cây cỏ ngả màu hoàng hôn.  
Ngày vất vả, năm dồn cảnh tối,  
Cuộc hơn thua, thôi nói năng gì;  
Cánh hoa, một sớm ngày đi,  
Lữ làng chợ sớm, vui chi chợ chiều.  
Hoa vô tri phó liễu linh lạc,  
Cảm thương hoa, bất giác lệ rơi;  
Đem hoa sánh với kiếp người,  
Hoa chiều xuân xế, cảnh người về hôm.  
Hoàng hôn giục già hoàng hôn,  
Chùa đầu vắng tiếng chuông dồn thu không!



## MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP TẠI ĐÀ LẠT

PHẠM XUÂN TÙNG

*Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây - Rau & Hoa  
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam*

Thành phố Đà Lạt hiện có khoảng 400 ha sản xuất hoa, mỗi năm sản xuất 2-3 vụ với sản lượng khoảng 300 triệu cành hoa các loại. Các huyện Đức Trọng, Đơn Dương, Lạc Dương và Di Linh có diện tích trồng hoa khoảng trên 700 ha với khả năng sản xuất xấp xỉ thành phố Đà Lạt. Như vậy, tỉnh Lâm Đồng có diện tích hoa cắt cành trên 1.100 ha với sản lượng hiện nay không dưới 800 triệu cành mỗi năm. Có thể nói Lâm Đồng là trung tâm sản xuất hoa cắt cành lớn nhất cả nước, với khả năng sản xuất hầu như quanh năm. Tuy nhiên, ngoài một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, ứng dụng các yếu tố công nghệ tiên tiến và tìm được đầu ra xuất khẩu, thì hoa của Đà Lạt, Lâm Đồng, hầu hết để phục vụ tiêu dùng trong nước, mà chưa tiếp cận được với thị trường bên ngoài.

Kết quả điều tra khảo sát cho thấy sản xuất hoa cắt cành tại Đà Lạt hiện ở quy mô nông hộ nhỏ, tổ chức sản xuất lẻ, với diện tích trung bình 2.000-3.000 m<sup>2</sup>/hộ. Hộ sản xuất hoa lớn cũng chỉ 1-2 hecta. Sản xuất theo mô hình này có nhiều điểm hạn chế và là rào cản đối với sự phát triển ngành sản xuất hoa theo hướng công nghiệp.

Thứ nhất là không có đủ điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng để ứng dụng các công nghệ cao vào sản xuất. Bản thân các công nghệ cao đòi hỏi mức đầu tư lớn (nhà kính, nhà lưới, sân bãi, mặt bằng, dây chuyền chế biến, bảo quản vận chuyển lạnh,...), và cần có quy



mô sản xuất tương xứng. Trong khi đó, từng hộ nông dân không chỉ nhỏ về quy mô sản xuất (không tương xứng) mà còn rất nhỏ về khả năng tài chính (không có năng lực đầu tư).

Thứ hai, từng hộ nông dân nhỏ lẻ thường thiếu sức mạnh trên thị trường, rất dễ bị tổn thương khi đối mặt với các biến động tiêu cực và sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

Thứ ba, sản xuất đơn lẻ, thiếu sự hợp tác, là trở lực không thể vượt qua trong việc quy hoạch, lập kế hoạch sản xuất, đặc biệt là kế hoạch sản xuất, tiếp thị cho các thị trường cao cấp và xuất khẩu có nhu cầu cung cấp liên tục, khối lượng hàng hóa lớn và đa dạng với chất lượng cao đồng nhất. Trên thực tế, đã có nhiều hợp đồng xuất khẩu không thể thực hiện do không thể tổ chức cung cấp sản phẩm theo yêu cầu, trong khi tiềm năng sản xuất là rất lớn.

Thực tiễn này cho thấy sự cần thiết phải xây dựng những mô hình sản xuất hoa có tính công nghiệp có ứng dụng các yếu tố công nghệ cao, để tăng cường chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và hiệu quả kinh tế, tạo ra năng lực tiếp cận các thị trường cao cấp và xuất khẩu. Để đáp ứng yêu cầu này, trong hai năm qua, với sự hỗ trợ của Sở Khoa học & Công nghệ Lâm Đồng, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây -



(Xem tiếp trang 41)

# ABC ĐÀ LẠT

NGUYỄN HỮU TRANH

## THIỆC

\* Thiếc (étain, tin) là một loại kim loại màu trắng được sử dụng đầu tiên ở Ur (Iraq ngày nay) vào khoảng 3.500 năm trước công nguyên.

Thiếc có ký hiệu hoá học là Sn; số nguyên tử: 50; trọng lượng nguyên tử: 118,69; tỷ trọng: 7,3; độ nóng chảy: 231,9°C; độ bốc hơi: 2.270°C.

Thiếc được sử dụng để sản xuất tấm thiếc, hộp đựng thực phẩm và nhiều sản phẩm khác.

\* Đà Lạt có 2 loại thiếc: thiếc gốc và thiếc sa khoáng.

3 mỏ thiếc gốc đã được phát hiện ở núi Cao, Thái Phiên, Đa Thiện.

Thiếc sa khoáng được phân bố tại khu vực từ phía bắc Đà Lạt đến Đa Chais (huyện Lạc Dương).

## THIÊN ĐIỀU

Thiên điều (*Strelitzia reginae*, Banks., họ *Musaceae*) là một loài hoa.

Cây cao khoảng 60cm. Lá dài 20cm. Hoa có nhiều cánh màu vàng đậm dài 50-80cm tạo thành hình giống con chim đang bay.

*Thiên*: trời; *điều*: chim.

## THIÊN VƯƠNG CỔ SÁT

Đường Khe Sanh có 2 ngôi chùa của người Hoa: chùa Minh Nguyệt cư sĩ lâm và chùa Thiên Vương Cổ Sát.

Thiên Vương Cổ Sát (còn gọi là chùa Tàu) do người Hoa gốc ở tỉnh Quảng Đông thành lập từ năm 1958, trùng tu vào năm 1989. Tu sĩ trong chùa tu theo theo Hoa Nghiêm tông.

Chùa có hai tòa nhà chính: Từ Bi bảo điện và Quang Minh bảo điện.

Trong Từ Bi bảo điện có tượng Phật Thích Ca, Phật Di Lạc và 4 pho tượng Tứ Thiên Vương (Đông, Tây, Nam, Bắc).

Quang Minh bảo điện hình tứ giác có 3 pho tượng (Phật A Di Đà, Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí) bằng gỗ quý thường gọi là Phật trầm. Mỗi tượng có chiều cao hơn 4m, nặng khoảng 1,5 tấn được đưa từ Hồng Kông sang.

Sau chùa, trên đỉnh đồi, là Thích Ca Phật đài cao 12m, xây dựng năm 1991.

*Sát*, chữ Phạn là *ksata*, có nghĩa là đền, chùa. *Cổ sát*: ngôi chùa cổ.

## THIÊN VIỆN TRÚC LÂM

Thiền viện Trúc Lâm tọa lạc trên núi Phụng Hoàng cao 1.446m ở phía đông nam hồ Tuyền Lâm.

Thiền viện Trúc Lâm được khởi công xây dựng ngày mồng 8 tháng 4 năm Quý Dậu (28-5-1993), khánh thành ngày mồng 8 tháng 2 năm Giáp Tuất (19-2-1994).

Khu ngoại viện gồm có: ba cổng tam quan, chánh điện, lầu chuông, lầu trống, tham vấn đường, thư viện, phòng trưng bày văn hoá phẩm Phật giáo, nhà khách, hồ Tĩnh Tâm, đồi Thanh Lương.

Bên cạnh khu ngoại viện là khu nội viện.



Ngoài thời gian tu học, khôi phục phái thiền Trúc Lâm thời Trần, các thiền sinh còn chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, quản lý và bảo vệ trên 20ha rừng thông, trồng cây gây rừng, tạo cảnh quan xinh đẹp mang sắc thái văn hoá dân tộc.

Từ sân trước chánh điện, du khách nhìn thấy dãy núi Voi Phục với đỉnh Pin Hatt cao 1.691m. Những đồi thông xanh, mặt nước hồ Tuyền Lâm thấp thoáng qua hàng cây.

## THIÊN MỸ

\* Tên một con đường dài 800m, lộ giới: 10m, từ đường Pasteur đến đường Đồng Tâm ở phường 4.

\* **Đặc điểm**: Dọc đường có đình ấp Nam Thiên, chùa Lâm Tỳ Ni,...

## THIÊN Ý

Tên một con đường dài 800m, lộ giới: 10m, nối với đường Hoàng Văn Thụ (gần ngã ba đường Huyền Trân Công Chúa – Hoàng Văn Thụ) ở phường 4.

## THÔNG

Đà Lạt có 21.524 ha đất có rừng, trong đó 14.628 ha là rừng thông 3 lá.

Tên khoa học đầu tiên của thông 3 lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon) đã được hội nghị quốc tế công nhận là tên chính thức. Auguste Chevalier gọi thông 3 lá là

*Pinus langbianensis*, nhiều tư liệu sử dụng tên *Pinus khasya* Royle. Khasya là tên một làng ở miền Bắc Ấn Độ, dưới chân dãy Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya).

Cây thông 3 lá cao 20 - 35m, nhưng đường kính thân cây ít khi vượt quá 70cm. Các cây có đường kính trên 50cm rất hiếm, chỉ chiếm 2% quần cư, trong khi các cây có đường kính từ 10 đến 50cm chiếm tỷ lệ 98%. Lá nhỏ, đều như cây kim, màu xanh sẫm, chỉ có 1 gân nhỏ. 3 lá kim mọc cụm trong 1 bẹ. Trái hình chóp nón dài khoảng 5 - 10cm, rộng 4 - 5cm. Trái chín trên cây, phát tán những hạt trần nhỏ màu nâu nhạt có cánh dài nhờ gió có thể bay đi rất xa.

Thông 3 lá cung cấp gỗ, bột giấy.

M. Schmid nêu ra giả thuyết: Cây thông dường như đã theo các đỉnh núi nối tiếp từ Vân Nam đến Đà Lạt. Sự di cư ấy đã ngưng lại ở phía Tây Nam, theo châu thổ sông Cửu Long.



Thông 2 lá

Ngoài thông 3 lá, Đà Lạt còn có thông 2 lá, thông 5 lá, thông 2 lá dẹt, thông đỏ với số lượng rất ít.

Thông 2 lá (*Pinus merkusii*) còn gọi là thông nhựa, được xếp vào loài thông có sản lượng nhựa cao nhất thế giới.

Thông 5 lá (*Pinus dalatensis*) được bà Y. de Ferré-Giám đốc Viện Khảo cứu Lâm học Toulouse ở Pháp chuyên về họ Thông - đặt tên và mô tả năm 1960.

Thông 2 lá dẹt (*Ducampopinus krempfii* (Lec.) A. Chev.) là loài thông cổ quý hiếm.

Thông đỏ (*Taxus baccata* var. *wallichiana* (Zuce) Hooks) thuộc họ Thanh tùng (*Taxaceae*) là loài cây dược liệu quý hiếm. Lá được dùng để trị hen suyễn, viêm phế quản, nấc, chữa tiêu hoá không bình thường.

Taxol chiết xuất từ thông đỏ được dùng để chữa trị ung thư buồng trứng, vú, đầu, cổ,...



Thông 5 lá



Thông đỏ



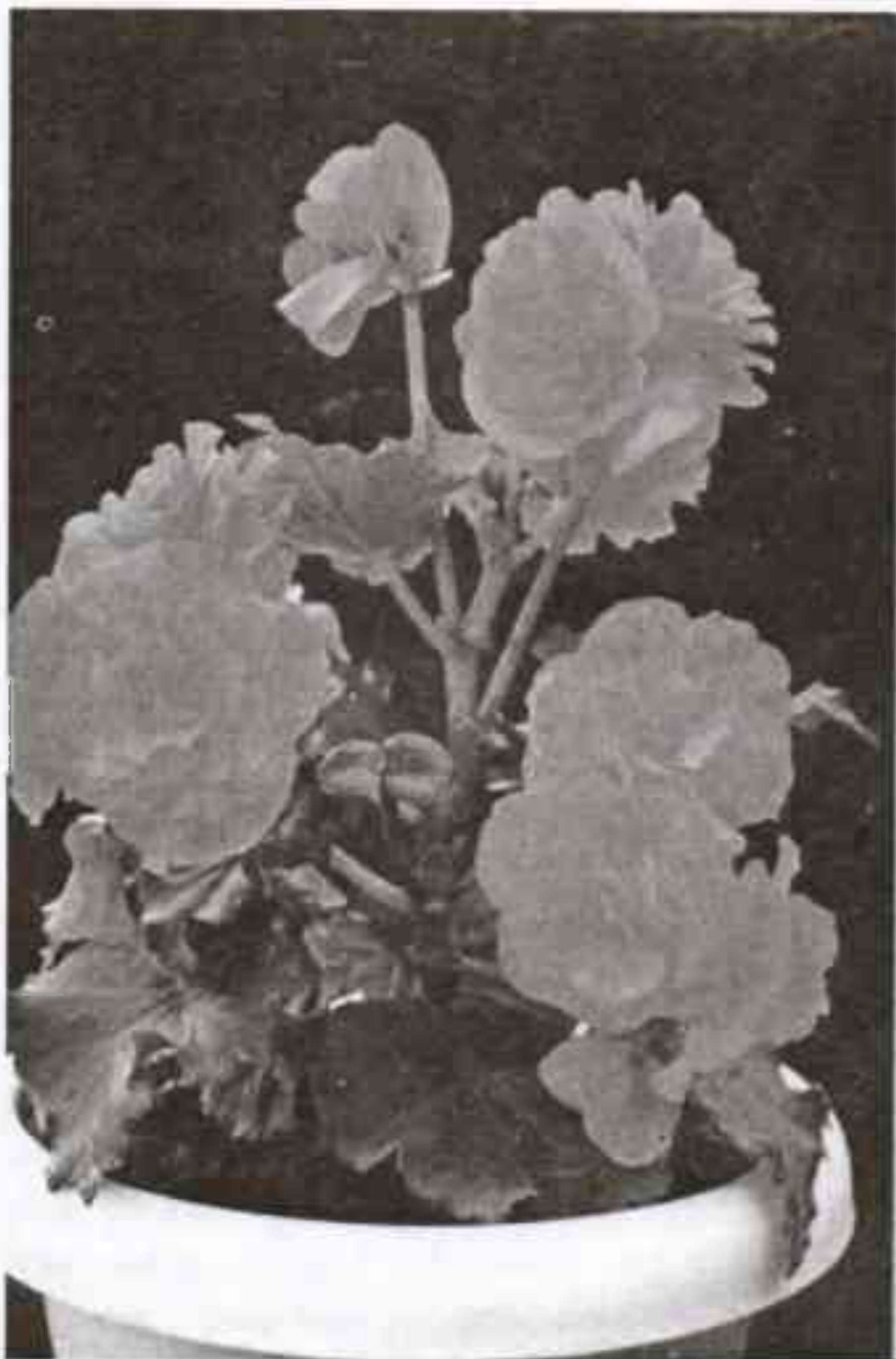
Tiêu bản thông 2 lá dẹt và thông 5 lá

**THU HẢI ĐƯỜNG**

Ở Đà Lạt chưa trồng được hải đường nhưng chỉ có hoa thu hải đường (*Begonia Rex* Putz., họ *Begoniaceae*).

Cây thu hải đường nhập từ I-ta-li-a. Hoa màu hồng, nép mình dưới lá. Lá màu đỏ có nhiều đốm.

Cây thu hải đường thường được trồng trong chậu.

**THỦ KHOA HUÂN \***

\* Tên một con đường dài 450m, lộ giới: 14m, từ đường 3 tháng 2 đến đường Nam Kỳ khởi nghĩa ở phường 1.

\* **Tên đường cũ:** Rue du Duc de Long Mỹ (đường Quận công Long Mỹ – tước do vua Bảo Đại phong cho Nguyễn Hữu Hào là thân phụ của hoàng hậu Nam Phương).

\* **Đặc điểm:** Nhiều khách sạn. Ngôi nhà số 4 nguyên là Dinh Tỉnh trưởng tỉnh Lâm Viên, nay là Đài Phát thanh – Truyền hình Đà Lạt.

\* Nguyễn Hữu Huân (1830-1875) người làng Tịnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay là xã Mỹ Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang).

Năm 1852, ông đậu thủ khoa tại trường thi Gia Định nên thường gọi là Thủ khoa Huân.

Năm 1860, ông thôi dạy học, tham gia phong trào khởi nghĩa, hoạt động chống Pháp từ Tân An đến Mỹ Tho. Trương Định cử Võ Duy Dương làm chánh quản đạo và Nguyễn Hữu Huân làm phó quản đạo.

Năm 1864, viên chủ tỉnh An Giang đã bày mưu bắt được Nguyễn Hữu Huân. Dụ dỗ, mua chuộc không được, thực dân Pháp kết án ông 10 năm khổ sai và đày ông sang đảo Reunion.

Năm 1869, ông được trở về nước, dạy học trong nhà Đỗ Hữu Phương.

Năm 1872, ông cùng các sĩ phu yêu nước vận động nhân dân quyên góp lương thực, tiền bạc, bí mật liên lạc với một số nhân vật trong Thiên Địa Hội, tiếp tục kháng chiến chống Pháp từ Mỹ Tho đến Sa Đéc.

Năm 1875, thực dân Pháp vây bắt ông ở Chợ Gạo và kết án tử hình. Trước giờ xử trảm, ngồi trên thuyền, ông vẫn ung dung đọc những câu thơ đầy khí khái.

Mộ và đền thờ Thủ khoa Huân đặt tại xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Tượng đài ông được dựng tại trung tâm thành phố Mỹ Tho.

Không những là một lãnh tụ nghĩa quân giàu lòng yêu nước, thương dân, ông còn là một nhà thơ nổi tiếng ở Nam Bộ với nhiều bài thơ mang tính chiến đấu mạnh mẽ, dạt dào tình nước, tình dân.

**THUNG LŨNG ĐÀO HOA**

\* Tên một thung lũng nằm giữa đường Lê Hồng Phong và Triệu Việt Vương ở phường 4, nổi tiếng vì hoa đào ghép.

\* Tháng 8-1997, ông Bùi Văn Lời (Mười Lời) được Trường Đại học Nông nghiệp I mời ra Hà Nội báo cáo về mô hình canh tác: vườn có 3 tầng sinh học trên cùng một diện tích (dâu tây - cà phê - hồng, đào). Nhân dịp này, ông mang bích đào Nhật Tân Hà Nội ghép với hồng đào Đà Lạt.

Từ ấy đến nay, khu vườn rộng 6.000m<sup>2</sup> của ông trở thành một vườn hoa đào đầy sức quyến rũ.

**TƯ LIỆU THAM KHẢO**

Lâm Viên. *Thung lũng đào hoa Đà Lạt*. Phụ nữ chủ nhật, TP Hồ Chí Minh, 2003, Số 4.

Nguyễn Hữu Đáng, Nguyễn Hữu Hải. *Quần thụ thông 3 lá ở cao nguyên Đà Lạt: một tài nguyên thiên nhiên quan trọng cần phải cứu vãn*. Sứ Địa, Sài Gòn, 1971, Số 23 - 24.

Phạm Hoàng Hộ. *Cây cỏ miền Nam Việt Nam*. Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1970.

Trương Hữu Tuyên. *Kỹ thuật trồng hoa*. Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 1979.

Anh hùng dân tộc Thủ khoa Huân. [www.tiengiang.gov.vn](http://www.tiengiang.gov.vn)

Consigny. *Les pins de Dalat*. L'Asie Nouvelle Illustrée, Saigon, 1937, No 36.

*The world book encyclopedia*. World Book - Childcraft International, Inc., USA, 1979.

## **DÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VIỆC NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ** *vào sản xuất và đời sống tại Lâm Đồng*

**THÁI VĂN LONG**  
Phòng quản lý khoa học

Với sự chỉ đạo mang tính định hướng và chiến lược, từ năm 1979, ngành khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã xác định những mục tiêu cụ thể theo các định hướng phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội qua các kỳ Đại hội và xây dựng nhiệm vụ phù hợp hàng năm. Đa phần đề tài dự án đều xuất phát từ "đơn đặt hàng" của các cơ quan quản lý hành chính, doanh nghiệp hoặc trước nhu cầu đòi hỏi phát triển kinh tế của mỗi địa phương trong tỉnh. Hàng năm, danh mục các đề tài, dự án đề xuất được Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh tập hợp và trình Hội đồng khoa học của tỉnh xem xét, chọn lựa cẩn thận trước khi thực hiện. Kế hoạch khoa học, công nghệ hàng năm tăng dần so với năm trước với nhiều đề tài nghiên cứu rất đa dạng và phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Kết quả của đề tài, dự án đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. So với tổng kinh phí phân bổ cho ngành khoa học - công nghệ, thì có đến 60% kinh phí dành cho việc thực hiện các đề tài nghiên cứu, dự án khoa học thuộc nhiều lĩnh vực. Bình quân mỗi năm nguồn vốn ngân sách dành cho lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học từ 3-5 tỷ đồng và được phân bổ cho khoảng trên 30 đề tài dự án phục vụ các chương trình khoa học trọng điểm của tỉnh. Có thể đánh giá hiệu quả việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất và đời sống tại Lâm Đồng trong 25 năm qua theo từng nhóm chương trình khoa học - công nghệ như sau:

### **1/ Đối với các đề tài thuộc nhóm điều tra cơ bản**

Tập trung đánh giá các nguồn tài nguyên đất đai, khí hậu, thủy lợi... của các địa phương trong tỉnh phục vụ cho việc quy hoạch sử dụng đất và phát triển nông nghiệp bền vững. Việc xây dựng bản đồ đất tỷ lệ 1/5.000 cho các xã phục vụ tốt công tác quản lý, bố trí thời vụ và cây trồng hợp lý. Việc xây dựng bản đồ

nước ngầm cho các huyện đã phục vụ kịp thời công tác quản lý và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên nước ngầm của địa phương. Việc điều tra khảo sát điều kiện địa chất để chọn lựa địa điểm thích hợp làm cơ sở khoa học để xây dựng các bãi chôn lấp chất thải của các huyện. Những kết quả của lĩnh vực đủ đánh giá cao vì hiệu quả của nó trong điều tra cơ bản thực tế.

### **2/ Đối với các dự án nông thôn, miền núi**

Kết quả của dự án là đã xây dựng các mô hình chăn nuôi, trồng trọt cho vùng đồng bào dân tộc, vùng đặc biệt khó khăn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho vùng đồng bào dân tộc hiệu quả. Qua đó, đồng bào các dân tộc thiểu số bỏ đi được tập tục canh tác lạc hậu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất và đời sống, góp phần tích cực trong việc xóa đói giảm nghèo. Những tiến bộ kỹ thuật được đồng bào tiếp nhận áp dụng hiệu quả như: dự án ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi dê tại huyện Di Linh. Kết quả dự án đã được ngành nông nghiệp tổng kết, xây dựng thành một mô hình nhân rộng trên quy mô toàn tỉnh. Một số mô hình chăn nuôi heo nái, heo thịt theo hướng công nghiệp đã được chuyển giao cho bà con dân tộc, góp phần thay đổi cả tập quán chăn nuôi của đồng bào vì tính hiệu quả cao. Nhìn chung các dự án nông thôn miền núi đã được UBND các huyện, sở,





ngành và đồng bào dân tộc nơi triển khai dự án đánh giá rất cao và rất quan tâm ủng hộ.

### 3/ Đối với các đề tài về nông - lâm nghiệp

Đây là lĩnh vực khá rộng, đa dạng và phong phú, chiếm tỷ lệ khá cao so với các nhiệm vụ được chọn lựa hàng năm. Một số kết quả của nhóm đề tài này là:

- Xây dựng quy trình sản xuất rau an toàn cho vùng trồng rau trên địa bàn tỉnh.

- Nghiên cứu các mô hình sản xuất hoa cắt cành tại Đà Lạt theo hướng công nghiệp để phục vụ nội tiêu và xuất khẩu.

- Chọn lọc và lai tạo các giống lâm nghiệp bản địa, địa lan, hoa ngán ngày, khoai tây, đậu tây năng suất cao, phẩm chất tốt.

- Xây dựng quy trình trồng và chế biến các loại nấm Đông cô, Hàu Thủ, Linh Chi,...

- Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh tại các huyện, các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng sữa của đàn bò sữa tỉnh Lâm Đồng.

- Sản xuất thành công tôm càng xanh trong ao hồ, ruộng lúa tại một số địa phương trong tỉnh.

Với trên 80% dân số của tỉnh sống chủ yếu dựa vào nông nghiệp nên nhiều năm qua công tác chuyển giao các quy trình nuôi trồng, ứng dụng những tiến bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp luôn được ưu tiên, chú trọng. Đối với vùng rau Đà Lạt, để có được những sản phẩm rau an toàn có chất lượng mang lại lợi ích kinh tế cao, nhất là xuất khẩu, trong nhiều năm, ngành khoa học và công nghệ đã nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất rau an toàn, rau sạch, xây dựng thương hiệu, đăng ký công bố chất lượng sản phẩm từng bước được triển khai áp dụng. Hiện Đà Lạt có trên 300 ha rau sản xuất theo hướng rau an toàn, nhiều hợp tác

xã và các hộ dân đã công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

Để cải tạo giống chè kém năng suất, giống chè ghép đang được ứng dụng rộng rãi ở nhiều địa phương trong tỉnh. Kết quả của các dự án này là cho ra ngoài thị trường giống chè ghép phù hợp với vùng đất dốc và có khả năng chịu hạn cao thích ứng tốt với điều kiện địa hình Lâm Đồng, đặc biệt khi năng lực cung ứng nước tưới vào mùa khô tại các địa phương còn yếu. Bên cạnh đó việc lựa chọn đưa vào trồng một số giống điều lùn ở Cát Tiên, Đa Huoai... vừa có tính bổ sung thêm nguồn giống mới thay thế giống cũ đã thoái hoá, vừa cho năng suất cao hơn. Tương tự giống đậu tằm Sa nhị luân, QU đã được khảo nghiệm, chọn phù hợp trên các vùng đất khác nhau của tỉnh, cho năng suất cao, chất lượng kén tốt phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. Việc nghiên cứu chọn lọc các loại giống cây cà phê và xây dựng quy trình bón phân hợp lý đã cho năng suất cao, chất lượng tốt được các vùng trồng cà phê và bà con nông dân tiếp nhận. Nhìn chung các đề tài, dự án thuộc nhóm này được các địa phương, bà con nông dân, các nông trường, nông trại, các hợp tác xã, công ty, doanh nghiệp nông nghiệp đặc biệt quan tâm ủng hộ.

### 4/ Đối với các đề tài du lịch

Một số đề tài thuộc loại này có nội dung đánh giá tiềm năng và đề xuất các giải pháp để phát triển du lịch sinh thái của tỉnh; xây dựng hệ thống tin điện tử tỉnh Lâm Đồng đáp ứng các yêu cầu phát triển và ứng dụng thương mại điện tử trong ngành du lịch, khách sạn của tỉnh, một số đề tài có nội dung nghiên cứu đề xuất các cơ chế quản lý du lịch và các giải pháp nhằm đa dạng hoá sản phẩm du lịch tỉnh Lâm Đồng... Kết quả của đề tài giúp cho lãnh đạo địa phương, ngành du lịch có những cơ sở lý luận, tạo cơ chế chính sách phù hợp, tạo đà phát triển cho ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhà.

### 5/ Đối với các đề tài về công nghiệp - công nghệ thông tin

Một số đề tài có nội dung đánh giá trình độ công nghệ các ngành sản xuất hoặc nghiên cứu quy trình sản xuất như quy trình sản xuất rượu vang điều, đậu tây, và một số mặt hàng khác. Kết quả của đề tài là đã tạo ra được các sản phẩm được thị trường chấp nhận. Một số đề tài điều tra khảo sát nguồn nguyên liệu, hoặc quy trình chế biến, sản xuất các loại vật liệu xây dựng như: Sản xuất vật liệu không nung phục vụ các công trình xây dựng, sản xuất thử mương bê tông ly



tâm đức sản, cải tạo hệ thống thiết bị cấp nhiệt để sản xuất các mặt hàng mới như chè xanh xô, xanh Ô-long phục vụ xuất khẩu, xây dựng quy trình lên men nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm chè đen. Một số đề tài có nội dung ứng dụng công nghệ thông tin địa lý (GIS) trong quản lý đất đai đã được UBND TP Đà Lạt ứng dụng có hiệu quả. Tuy số lượng đề tài, dự án loại này chưa được nhiều nhưng bước đầu đem lại những hiệu quả thiết thực trong chế biến, tạo ra những sản phẩm mang tính đặc trưng của địa phương.

#### 6/ Đối với các đề tài khoa học, xã hội và nhân văn

Các đề tài thuộc loại này có nội dung xây dựng quy hoạch phát triển ngành hoặc có nội dung xác định những giải pháp để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn. Một số đề tài xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư vào Lâm Đồng. Kết quả của đề tài đã làm căn cứ vững chắc để Tỉnh uỷ, UBND tỉnh ban hành các nghị quyết, chủ trương về cơ chế chính sách, về thu hút vốn đầu tư.

Ngoài ra, các đề tài đã được nghiên cứu: Dự địa chỉ Lâm Đồng; Nghiên cứu các di sản văn hoá dân tộc Kơ Ho, Mạ, Chu ru; Mối quan hệ cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, nghiên cứu đề xuất giải pháp chăm sóc sức khoẻ cho vùng đồng bào dân tộc trong tỉnh; Đánh giá hiệu quả đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực của người dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng,... Kết quả các đề tài đã được sử dụng làm cơ sở cho lãnh đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển của ngành mình.

#### 7/ Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm

Đây là nhóm các đề tài, dự án có thu hồi trong một thời gian nhất định. Kết quả của đề tài, dự án là tạo ra được sản phẩm nội tiêu và xuất khẩu như: sản xuất rau an toàn trên quy mô HTX; sản xuất trà hoà tan Mát Mát, sản xuất ngói lợp đất sét nung theo công nghệ tuynen; ứng dụng công nghệ sấy hồng theo quy mô công nghiệp; nhân giống cà phê Robusta và Arabica ra đại trà, sản xuất thuốc phòng trừ bệnh hại tằm, sản xuất thử nghiệm tằm càng xanh,... các sản phẩm trên dần dần đã khẳng định được thương hiệu của mình. Đây cũng chính là nhóm các đề tài dự án mà nhiều ngành, địa phương cho là rất thiết thực và có hiệu quả cao góp phần tạo ra những sản phẩm mang tính đặc thù của địa phương phát & triển kinh tế - văn hoá - xã hội của tỉnh,...

Tóm lại, từ năm 1979 đến nay, kế hoạch khoa học, công nghệ và môi trường hàng năm đã tăng. Kết quả của các đề tài đã góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội của tỉnh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp. Với sự nỗ lực phấn đấu trong công tác quản lý nghiên cứu khoa học cũng như chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, trong 25 năm qua, hoạt động quản lý khoa học và công nghệ của ngành khoa học công nghệ nói chung và của Sở khoa học & công nghệ Lâm Đồng nói riêng đã có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào nề nếp, thực sự gắn kết các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống tại địa phương, góp phần thiết thực trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá mà địa phương Lâm Đồng đang hướng tới.



## **PHÁT TRIỂN VÀ ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU ĐẦU TƯ CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP, DỊCH VỤ**

**LÊ QUANG TƯỜNG**  
*Văn phòng Tỉnh ủy Lâm Đồng*

Các nhà kinh tế đạt giải Nobel đã chia nền kinh tế ở các nước đang phát triển thành 2 khu vực: khu vực kinh tế truyền thống (chủ yếu là sản xuất nông nghiệp) và khu vực kinh tế hiện đại (chủ yếu là sản xuất ở các khu công nghiệp, dịch vụ). Đối với khu vực kinh tế truyền thống kỹ thuật sản xuất thường lạc hậu, năng suất lao động thấp, vì vậy yêu cầu đặt ra là phải chuyển nhanh khu vực kinh tế truyền thống sang khu vực kinh tế hiện đại bằng con đường công nghiệp hóa. Đạt đạt mục tiêu đề ra cần phải xây dựng nhanh hơn nữa những khu, cụm công nghiệp, dịch vụ để thu hút đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ, đây là yếu tố cốt lõi cho sự tăng trưởng kinh tế.

Lợi ích của việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ thể hiện rõ:

- Là nơi sản xuất tập trung các cơ sở sản xuất công nghiệp, dịch vụ nên có điều kiện thuận lợi về xây dựng kết cấu hạ tầng, hợp tác sản xuất, cung ứng các dịch vụ đầu vào, đầu ra, quản lý sản xuất, kinh doanh, bảo vệ môi trường, tạo đột phá thu hút đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn;

- Là nơi chủ yếu tạo ra GDP, tạo khối lượng việc làm lớn để thu hút lao động nông nghiệp có năng suất thấp sang lao động công nghiệp, dịch vụ có năng suất cao;

- Là nơi cốt lõi để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đô thị hóa, là bộ phận để đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

Thực tiễn cho thấy, trong những năm qua ở nước ta những địa phương nào trong chiến lược phát triển kinh tế chỉ tập trung sản xuất nông nghiệp thì đời sống người dân nơi đó chậm được cải thiện. Trong khi đó, những địa phương nào chú ý đầu tư xây dựng các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ và có chính sách thu hút đầu tư thông thoáng thì ở đó tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp xây dựng, dịch vụ nhanh, tạo ra GDP và khối lượng việc làm rất lớn. Điển hình như các tỉnh

Bình Dương, Đồng Nai, Hải Dương, Vĩnh Phúc nhờ đặc biệt quan tâm đến việc phát triển các khu, cụm công nghiệp và thu hút đầu tư đã có hàm lượng giá trị công nghiệp lớn trong cơ cấu kinh tế và đã giải quyết cơ bản vấn đề lao động thiếu việc làm tại chỗ; có tình lao động tại chỗ không đủ cung ứng phải tuyển lao động tỉnh ngoài như Bình Dương, Đồng Nai,... Theo đà phát triển này nhiều tỉnh đã tuyên bố sẽ hoàn tất lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước năm 2010.

Tuy vậy, việc xây dựng các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ trong thời gian qua đã bộc lộ một số vấn đề cần xem xét, nghiên cứu. Đó là:

- Việc phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ chỉ tập trung vào các thành phố lớn, phát triển đủ loại ngành nghề (đã có dấu hiệu quá tải), trong khi các vùng nông thôn, nơi tập trung trên 80% dân số và lao động và phần lớn các nguồn tài nguyên quốc gia lại chưa được chú ý đúng mức. Mặc dù nhà nước đã có chính sách ưu đãi đầu tư vào các vùng nông thôn nhưng việc xây dựng kết cấu hạ tầng, các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ chưa có sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư. Việc khai thác, phát huy tại chỗ các nguồn tài nguyên này, làm luồng di chuyển các nguồn tài nguyên và lao động từ nông thôn đến các thành phố lớn quá ồ ạt, gây quá tải về sử dụng kết cấu hạ tầng; làm khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng ngày càng tăng...

Đã đến lúc cần điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư và cơ cấu ngành nghề trên các địa bàn. Ở những thành phố lớn và những nơi đã quá tải về xây dựng và thu hút đầu tư các khu công nghiệp theo chiều rộng, cung lao động tại chỗ không đáp ứng cầu thì nên điều chỉnh cơ cấu ngành nghề theo hướng phát triển chiều sâu, lựa chọn những ngành nghề có công nghệ cao, sử dụng ít lao động.

Mặt khác để đẩy mạnh xây dựng nhiều khu, cụm công nghiệp, dịch vụ, tăng cường thu hút đầu tư ở các địa bàn còn lại, trước hết cần xem xét chọn những nơi thuận lợi về giao thông, kết cấu hạ tầng, cung ứng

các dịch vụ, lao động, như ở các vùng ven đô thị và những nơi thuận lợi khác làm trước. Ở các vùng này bên cạnh khuyến khích phát triển đa dạng hóa ngành nghề để tăng quy mô đầu tư, cần chú ý phát triển các ngành nghề sử dụng nhiều lao động, khai thác các tài nguyên, thế mạnh tại chỗ của từng vùng. Mục tiêu nhằm thực hiện được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giải quyết việc làm, chuyển đổi nhanh cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ ngay tại các vùng nông thôn.

- Về đội ngũ cán bộ, thực tiễn chỉ ra rằng ở đâu đội ngũ cán bộ có năng lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm thì ở đó tạo ra những bước đột phá lớn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và dịch vụ. nhất là xây dựng và thu hút các nhà đầu tư vào khu, cụm công nghiệp. Ngược lại, khi đội ngũ cán bộ năng lực hạn chế thì khó bứt ra khỏi kinh tế thuần nông, kỹ thuật lạc hậu, năng suất lao động thấp, đời sống của nhân dân ít được cải thiện.

Do vậy, trước hết cần nâng cao năng lực cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các địa phương và ở các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ đáp ứng nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần có chế độ luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm sao cho ở các địa phương và các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ đều có cán bộ chủ chốt và cán bộ nghiệp vụ có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Mặt khác về đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật, hiện nay chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn ít chú ý đầu tư đào tạo nghề cho khu vực nông thôn. Cơ cấu nghề, chất lượng đào tạo nghề chưa gắn với nhu cầu sử dụng. Vì vậy, cần đẩy mạnh xã hội hóa, mở rộng việc dạy nghề ở các khu vực nông thôn; nâng cao chất lượng dạy nghề, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo theo nhu cầu thị trường lao động; gắn các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp, các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ để cân bằng cung cầu lao động kỹ thuật.

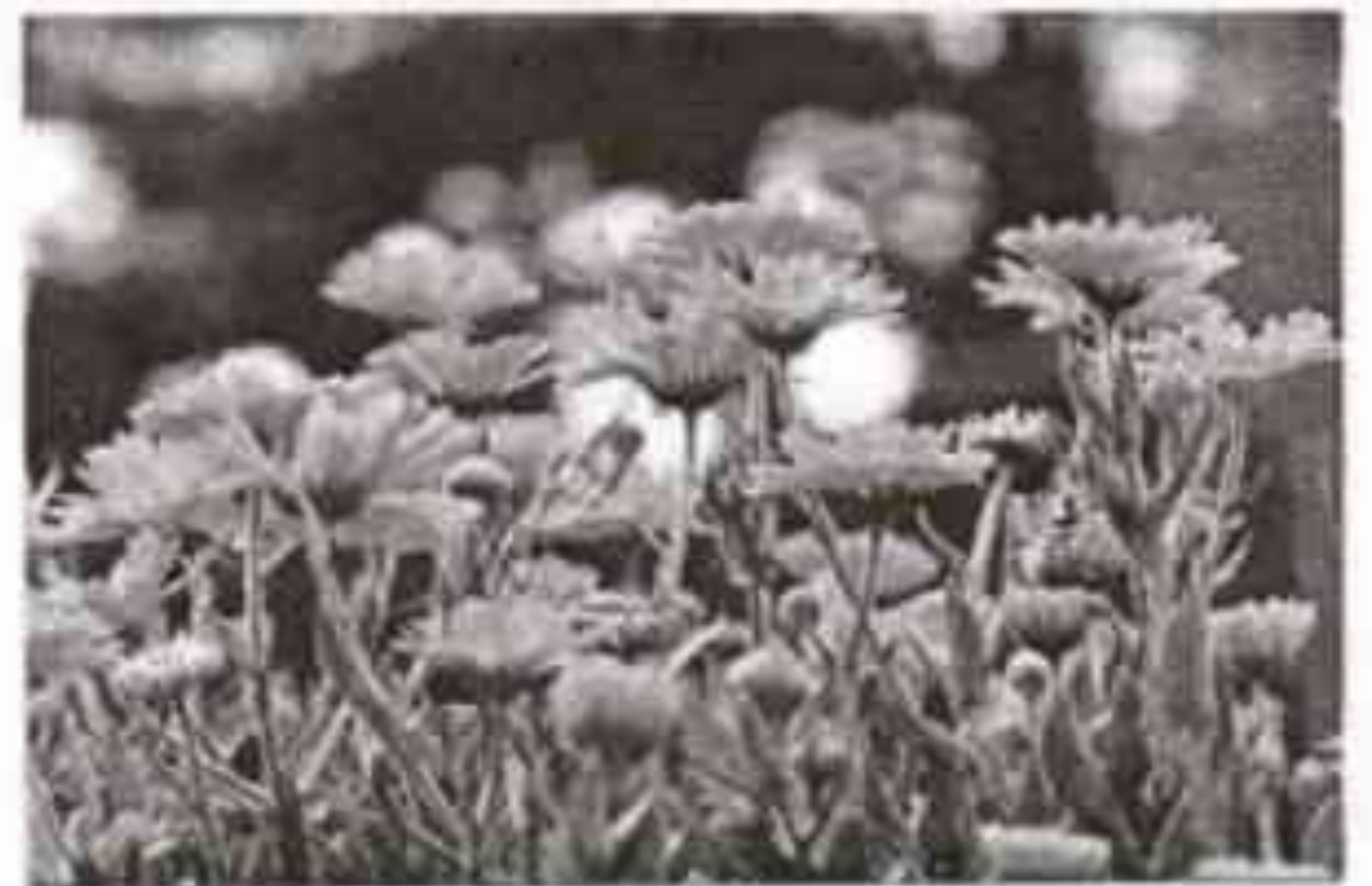
- Đối với các chính sách đền bù, giải tỏa, chuyển đổi mục đích sử dụng đất (chủ yếu là chuyển đất nông nghiệp sang mục đích khác) cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi theo hướng không thiệt cho người có quyền sử dụng đất (chủ yếu là của nông dân) để họ nhanh chóng bàn giao lại mặt bằng; xây dựng các chính sách cụ thể để người có quyền sử dụng đất có thể góp vốn hoặc cho thuê.

- Trong thời gian qua, việc đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng nhất là phát triển các khu, cụm công nghiệp và việc thu hút các nhà đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn còn hạn chế, do đó tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn còn quá chậm.

Để phấn đấu đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp, còn nhiều việc cần phải được đẩy nhanh tiến độ, trong đó 2 chỉ tiêu cơ bản nhất là tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp và dịch vụ. Cần đẩy nhanh việc chuyển lao động từ nông nghiệp (hiện nay còn trên 80%) sang công nghiệp, dịch vụ. Phấn đấu đến năm 2020 ngoài việc có cơ cấu kinh tế công nghiệp, dịch vụ là chủ yếu, phải đạt chỉ tiêu lao động chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ (các nước công nghiệp phát triển có lao động nông nghiệp dưới 10%, có nước dưới 2%).

Đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp, dịch vụ ngay tại các vùng nông thôn là một yêu cầu cấp thiết mang tính khách quan, không những giải quyết được vấn đề "phi nông nhưng không cần li hương", tránh đầu tư quá tải ở các vùng thành thị mà còn là yêu cầu nội tại nhằm đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trong đó tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là phát triển mạnh các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở các vùng nông thôn là yếu tố mang tính then chốt.

Hiện nay, do kết cấu hạ tầng ở các vùng nông thôn chưa được đầu tư thỏa đáng nên chưa có sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư vào các vùng này, Nhà nước cần có chính sách đặc biệt đủ mạnh dành riêng cho các vùng nông thôn, trước hết là về xây dựng và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp dịch vụ. Bên cạnh việc đẩy nhanh tiến trình xã hội hóa thu hút sâu rộng các thành phần kinh tế đầu tư vào vùng nông thôn, cần dành một tỷ lệ ngân sách thỏa đáng theo phương châm Nhà nước tạo chất xúc tác cùng các thành phần kinh tế đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ. Đây cũng là điều kiện góp phần thực hiện nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp, dịch vụ ngay tại chỗ, tích cực tạo công ăn việc làm ổn định cho những người dân ở khu vực này.



# SẢN XUẤT GIÁ THỂ TRỒNG HOA LAN TỪ CÁC PHỤ PHẾ PHẨM NÔNG NGHIỆP Ở LÂM ĐỒNG

NGUYỄN DUY HẠNG,  
NGUYỄN THANH NGUYÊN,  
NGUYỄN THỊ TRANG  
*Viện nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt*

Nhà ngày nay, công nghệ nuôi trồng hoa và cây cảnh đang được hoàn thiện dần và có chiều hướng phát triển mạnh mẽ. Các loại giá thể và phụ liệu phục vụ cho nhu cầu nuôi trồng hoa đang là vấn đề nổi cộm.

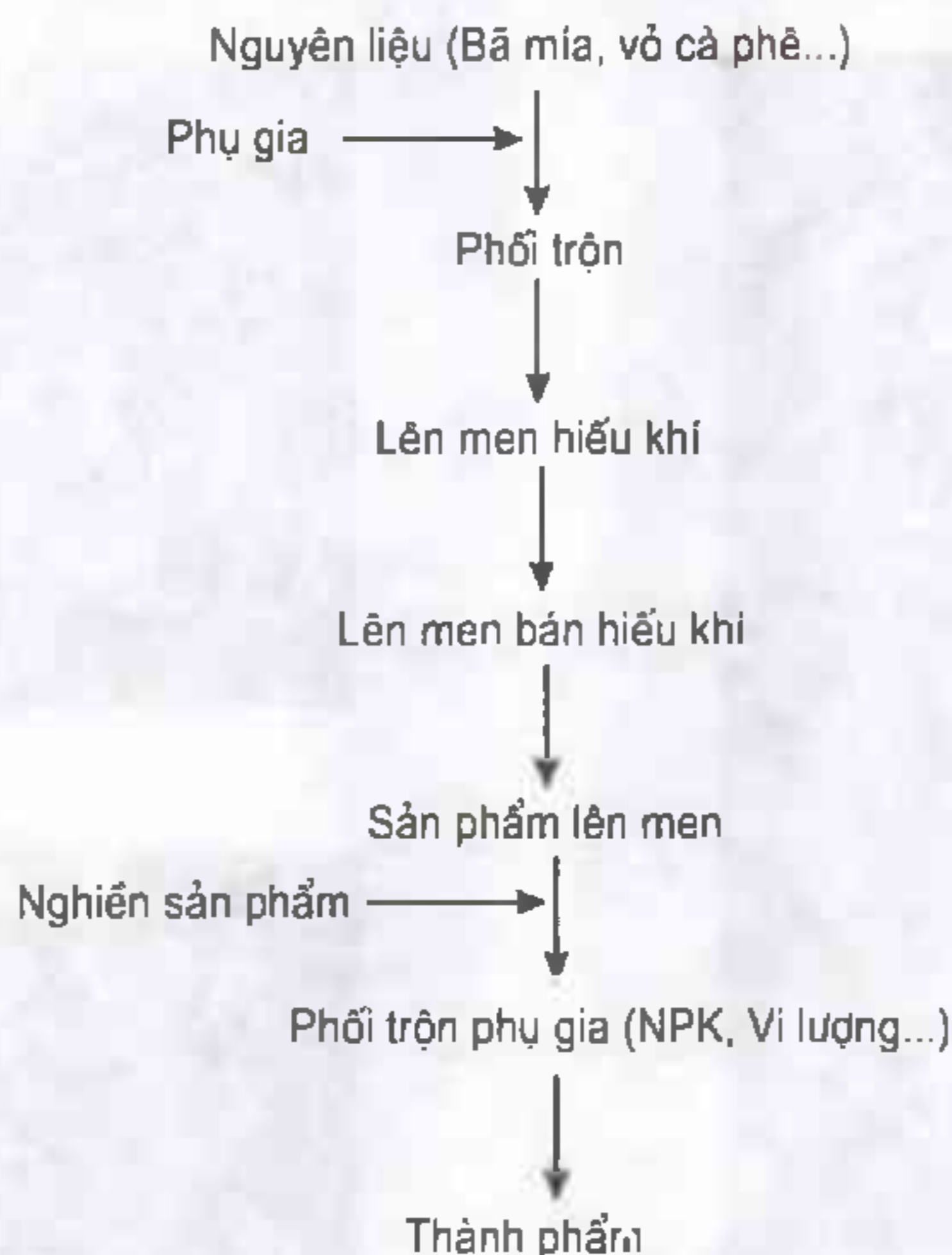
Ở Lâm Đồng, khí hậu ôn hòa là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các loại hoa lan, cây cảnh. Bên cạnh đó, nhờ ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như các biện pháp canh tác mới mà nền nông nghiệp ở đây phát triển mạnh. Các loại phế phẩm như bã mía, lõi ngô, vỏ lạc, vỏ cà phê... đều có thể tận dụng trong sản xuất phân hữu cơ nhờ các chủng vi sinh ưa nhiệt có khả năng phân giải các phụ phẩm này thành các giá thể để trồng các loại hoa, hoa lan, cây

cảnh thay thế cho các giá thể truyền thống hiện nay.

Năm 2003-2004 thông qua đề tài sản xuất giá thể trồng hoa lan từ các phụ phẩm nông nghiệp ở Lâm Đồng đã áp dụng các biện pháp xử lý, lên men các phụ phẩm này để tạo ra một dạng giá thể được dùng để nuôi trồng hoa lan và một số loại cây trồng khác rất hiệu quả. (hình 1)

Loại giá thể tổng hợp này được sản xuất từ các chất hữu cơ có nguồn gốc thực vật, hệ vi sinh vật hiếu khí và các chất khoáng đa lượng, trung - vi lượng nên rất thích hợp cho việc nuôi trồng lan và các loại hoa cây cảnh khác.

Quy trình sản xuất giá thể tổng hợp từ phụ phẩm nông nghiệp được tóm tắt như sau:



Dạng giá thể này gọi là giá thể tổng hợp ở dạng viên hoặc sợi với thành phần dinh dưỡng; chất hữu cơ 47%; nitơ tổng số 0,8%; phospho 0,7%; kali tổng số 1,0%; CaO 0,3%; MgO 0,3%; S 0,1% và thành phần

vi lượng (Zn, Mo, Mn, Cu, B,...). Ngoài ra, trong giá thể còn có các hợp chất có hoạt tính sinh học giúp cho cây trồng có tính kháng bệnh cao, một hệ vi sinh vật có ích, có khả năng ức chế một số loại nấm gây bệnh ở rễ.



Hình 1. Sử dụng các phụ phế phẩm nông nghiệp làm giá thể trồng hoa lan

Thông qua kết quả thử nghiệm, việc nuôi trồng đã thành công trên nhiều loại cây, đặc biệt là địa lan ở nhiều độ tuổi khác nhau. Giá thể này có tác dụng giúp cây địa lan sinh trưởng, phát triển mạnh với bộ rễ phát triển tốt, dễ hấp thu dinh dưỡng, độ thông thoáng và giữ nước phù hợp (Hình 2).

Do có những ưu điểm trên nên loại giá thể tổng hợp này có thể được sử dụng để trồng các loại hoa lan ở các giai đoạn sinh trưởng khác nhau. Ngoài ra, nó cũng rất thích hợp cho việc trồng nhiều loại hoa và cây cảnh khác ở quy mô công nghiệp, trong hệ thống

nhà kính với phương thức sử dụng tùy thuộc vào công nghệ nuôi trồng.

Các nghiên cứu sản xuất giá thể nuôi trồng hoa lan từ các phụ phế phẩm từ nông nghiệp đã được UBND tỉnh Lâm Đồng, Sở KH&CN, Viện nghiên cứu hạt nhân tạo điều kiện, hỗ trợ tài chính trên cơ sở các đề tài nghiên cứu khoa học và dự án sản xuất trong các năm 2002-2004. Hy vọng rằng với kết quả nghiên cứu của đề tài trong thời gian tới loại giá thể tổng hợp này sẽ được sử dụng rộng rãi trong nghề trồng hoa tại Lâm Đồng - Đà Lạt.



Hình 2: Ứng dụng giá thể tổng hợp trồng cây hoa Địa lan tại Lâm Đồng

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP TẠI LÂM ĐỒNG

## (GIAI ĐOẠN TỪ 2000-2004)

NGUYỄN THUY HOÀNG  
Phòng Thông tin và Sở hữu trí tuệ

### I. NHẬN ĐỊNH CHUNG

Tuy nhịp độ phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh Lâm Đồng không mạnh như một số các tỉnh lớn trong nước nhưng thời gian qua hoạt động SHCN đã có những bước chuyển biến mới.

Sau khi Nghị định 63/CP về SHCN được ban hành, UBND tỉnh đã có Chỉ thị 38/1998/CT-UB nhằm tăng cường các hoạt động triển khai. Tại địa phương hoạt động xác lập quyền SHCN đã bắt đầu được nhiều doanh nghiệp quan tâm hơn. Số lượt cá nhân, đơn vị đến để tìm hiểu và tiến hành các thủ tục đăng ký càng tăng dần. Việc phối hợp trong công tác kiểm tra, thanh tra giữa các cơ quan hữu trách đã có những bước hợp tác chặt chẽ, theo kế hoạch. Trong công tác phối hợp giữa Sở KH-CN và các cơ quan, đơn vị thực thi quyền đã có những hoạt động tích cực hơn: cập nhật các thông tin mới về SHCN, các VBPL mới ban hành...; trao đổi thông tin kịp thời khi có xảy ra các vụ việc liên quan đến tranh chấp khiếu nại về SHCN. Hàng năm Thanh tra Sở KH-CN phối hợp cùng các đơn vị liên quan đã tổ chức các đợt kiểm tra, thanh tra định kỳ. Đây là những hoạt động góp phần nâng cao nhận thức về SHCN cho các doanh nghiệp đồng thời cũng hạn chế bớt những vi phạm, tranh chấp có liên quan đến SHCN. Liên tục trong những năm qua, Sở KH-CN Lâm Đồng đã phối hợp tổ chức các đợt tập huấn, hội thảo về SHCN tại địa phương, đối tượng là các cơ quan hữu trách, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và dịch vụ.

Hiện nay đội ngũ chuyên trách hoạt động SHCN còn hạn chế, về nghiệp vụ chỉ có 2 chuyên trách thuộc Phòng Thông tin – SHTT thuộc Sở KH-CN; chưa hình thành một tổ chức riêng đối với mảng hoạt động này. Ở các cơ quan, đơn vị phối hợp thực thi quyền (Thanh tra Sở Khoa học & Công nghệ, Công an kinh tế, Chi cục quản lý thị trường, Tòa án, Sở tư pháp,...) số lượng trực tiếp tham gia cũng hạn chế, chưa có người chuyên trách, việc tìm hiểu thông tin chuyên sâu còn hạn chế, thiếu các hướng dẫn cụ thể và kinh nghiệm thực tế trong xử lý các vụ việc trên lĩnh vực này.

#### \*Tình hình đăng ký bảo hộ:

Về phía các doanh nghiệp, hiện nay nhiều doanh nghiệp đã quan tâm hơn đến lĩnh vực SHCN. Theo thống kê của Cục SHTT tính từ đầu năm 2001 đến nay Lâm Đồng có số lượng đơn đăng ký là 127 đơn

trong đó có 114 đơn về NHHH và 13 đơn về kiểu dáng công nghiệp.

Từ 2001 đến nay Phòng TT-SHTT đã tư vấn trên 140 lượt người có yêu cầu tìm hiểu về lĩnh vực SHCN. Trong số này có gần 50 đơn vị lập thủ tục đăng ký (chủ yếu ở các nhóm sản phẩm trà, cà phê, rượu,... ngoài ra còn có dịch vụ ăn uống, khách sạn...). Một số các đối tượng đăng ký bị bác đơn do tương tự với đối tượng đã được bảo hộ trước hoặc yêu cầu phải sửa đổi lại cho phù hợp với các quy định có liên quan (Cao Nguyên, Minh Tâm, Thành Hưng, Bông Mai). Hiện nay (đến tháng 6/2004) tổng số các doanh nghiệp ở Lâm Đồng đã được cấp đăng ký bảo hộ chính thức là 84 đối tượng, chủ yếu thuộc về NHHH, một số ít là kiểu dáng công nghiệp (KDCN) và Nhãn dịch vụ. Ngoài ra còn có 8 đối tượng là Giải pháp hữu ích đã được cấp văn bằng trong thời gian qua (chủ yếu thuộc lĩnh vực nông nghiệp).

Việc xác lập quyền SHCN tại địa phương như nêu trên tập trung chủ yếu vào đối tượng NHHH. Để tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ NHHH một số các doanh nghiệp đã thông qua các đại diện SHCH, một số doanh nghiệp khác chủ động tìm hiểu và đăng ký trực tiếp với Cục SHCN. Chính vì vậy trước đây việc theo dõi tổng hợp đối với hoạt động SHCN ở địa phương còn gặp nhiều khó khăn nhưng hiện nay hệ thống thông báo từ Cục SHTT đến với các cơ sở, địa phương đang được hoàn thiện dần. Trong những năm gần đây từng địa phương đã tập hợp được tương đối đầy đủ danh sách đăng ký bảo hộ trên địa bàn, đây cũng là điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động quản lý SHCN.

Cùng với tình hình đăng ký bảo hộ NHHH gia tăng, nhiều vấn đề đã phát sinh cần được quan tâm để có hướng giải quyết tích cực:

- Những trường hợp đăng ký mẫu nhãn tương tự với NHHH đã được bảo hộ;
- Việc sử dụng địa danh trên nhãn là nội dung đã gây nhiều mâu thuẫn và vướng mắc đối với cơ quan quản lý, cơ quan thực thi và cả đối với doanh nghiệp;
- Một số biểu hiện đăng ký NHHH với mục đích cạnh tranh không lành mạnh nhằm gây khó khăn cho các doanh nghiệp chân chính;
- Nhận thức về xây dựng & bảo vệ NHHH còn thể hiện những hạn chế nhất định liên quan đến khái niệm về đối tượng SHCN, thủ tục đăng ký, mẫu nhãn,

phạm vi bảo hộ (nhóm sản phẩm),...

Đây là tình trạng chung ở nhiều địa phương và yêu cầu đặt ra hiện nay là phải tích cực tăng cường nhận thức về SHCN đối với cộng đồng xã hội. Đối với doanh nghiệp, việc xây dựng, bảo vệ thương hiệu phải đồng thời với việc tập trung nỗ lực kinh doanh gắn kết trong tinh thần cạnh tranh lành mạnh và các hoạt động thương mại nghiêm túc; đây chính là những yêu cầu cần có ở mỗi doanh nghiệp.

#### \* Tình hình tranh chấp khiếu nại:

Trong tình hình chung về những vi phạm, tranh chấp gia tăng trong nước, tại Lâm Đồng cũng đã xảy ra nhiều vụ việc với các mức độ khác nhau, với 16 trường hợp chính thức (có liên quan đến các nhãn Quốc Thái; Thiên Thành; Hương Kim Thảo; Á Lâm; Như Ý; Vàng Đà Lạt; Ngọc Trang, việc sử dụng nhãn Honda của cơ sở Mỹ Phương, Đức Phương, Phước Thành;...). Một số đơn vị vi phạm, tranh chấp trong tỉnh đã có thể giải quyết ổn thoả (thông qua thương lượng, xử phạt vi phạm hành chính). Tuy nhiên một số vụ việc khác liên quan đến các tỉnh bạn như Bến Tre, Đồng Nai, Quảng Nam tuy đã được thụ lý giải quyết (ở cấp địa phương và cả ở trung ương) nhưng trong thời gian chờ ý kiến xác nhận của Cục SHTT cũng đã gặp nhiều khó khăn và gây thiệt hại cho cả đôi bên (như trường hợp tranh chấp kéo dài nhiều năm của trà Quốc Thái Bảo Lộc và Quốc Thái Tam Kỳ-Quảng Nam). Qua tình hình trên, các doanh nghiệp đã nhận thức được rằng đối tượng SHCN (đặc biệt đối với NHHH, KDCN, tên thương mại,...) có tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Việc quan tâm đúng đắn đến tài sản SHCN này chính là làm tăng giá trị của doanh nghiệp đồng thời cũng góp phần xây dựng một cơ cấu thị trường lành mạnh. Thực tế cho thấy những sản phẩm/hàng hoá/dịch vụ có uy tín, được người tiêu dùng ưa chuộng luôn là những đối tượng thường bị làm giả hoặc nhái tương tự ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên để xác định mức độ tương tự, xác định hành vi vi phạm để xử lý thì văn bản pháp luật hiện nay vẫn còn nhiều thiếu sót, bất lợi cho các doanh nghiệp chân chính, thậm chí có thể tạo nên những tình huống phức tạp, gây khó khăn trong công tác quản lý và thực thi quyền SHCN cả ở địa phương và các cơ quan trung ương có liên quan.

## II. NHỮNG NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG SHCN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

### 1. Những khó khăn, hạn chế trong hoạt động SHCN hiện nay

- Hiện nay hệ thống pháp luật SHTT ở VN đã và đang tiếp tục được bổ sung, điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế. Có thể nói hệ thống VBPL về SHTT gồm có: phần tương đối ổn định là phải tuân thủ các điều ước quốc tế VN đã ký kết; phần khác là phần đang được sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

- Riêng đối với NHHH là đối tượng được quan tâm đến nhiều trong hoạt động SHCN thì hiện nay VN đang chuẩn bị tham gia Hiệp ước Luật NHHH; hệ thống của VN vẫn còn thiếu những quy định mà Hiệp ước bắt buộc phải có.

- Trên thực tế việc tranh chấp, vi phạm quyền SHCN đã phát triển nhanh hơn cả nhận thức và hoạt động của các cơ quan thực thi quyền. Các quy định vai trò, trách nhiệm, sự phối hợp, phân công trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thực thi về SHCN chưa rõ ràng nên hiệu quả hoạt động còn thấp. Các hành vi sai phạm mặc dù đang có xu hướng ngày càng tăng nhưng chưa có hệ thống thực thi quyền chuyên ngành, vì vậy trong xử lý tranh chấp còn thiếu kinh nghiệm, gặp nhiều khó khăn.

### 2. Hướng tổ chức tăng cường hoạt động trong thời gian tới tại địa phương

- Đối với các cơ quan quản lý, thực thi:

+ Liên hệ và hợp tác chặt chẽ với Cục SHTT trong việc nâng cao năng lực chuyên môn, tiếp cận thông tin mới và các hoạt động khác có liên quan.

+ Tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành các văn bản cụ thể góp phần tăng cường hoạt động SHCN tại địa phương.

+ Phối hợp với các ngành trong tỉnh, đề xuất một số sản phẩm/dịch vụ là thế mạnh của địa phương nhằm có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng và bảo vệ thương hiệu.

+ Phối hợp với các cơ quan đăng ký doanh nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm của địa phương để nắm bắt tình hình sử dụng các nhãn, tên thương mại của các doanh nghiệp... Thông qua đó tiếp cận và hướng dẫn giúp các doanh nghiệp xác lập và bảo vệ quyền SHCN khi hội đủ điều kiện.

+ Phối hợp xây dựng quy trình giải quyết, xử lý các tranh chấp vi phạm theo đúng quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

+ Cập nhật đầy đủ các thông tin SHCN: các văn bản pháp luật SHCN, Công báo SHCN và những tài liệu hướng dẫn thi hành phục vụ công tác quản lý và nhu cầu của các cá nhân và doanh nghiệp.

- Đối với doanh nghiệp

+ Tạo điều kiện và hình thành các cơ sở pháp lý trong quan hệ giữa chủ sở hữu công nghiệp và các cơ quan có thẩm quyền nhằm nâng cao vai trò của chủ sở hữu công nghiệp.

+ Các cơ quan hữu trách và các tổ chức xúc tiến thương mại tích cực xây dựng chương trình phát triển thương hiệu để sớm có giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp.

+ Tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức liên quan đến SHCN và hướng dẫn doanh nghiệp trong thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHCN.



# HOẠT ĐỘNG THANH TRA KH&CN TỈNH LÂM ĐỒNG

*trong 10 năm qua (1994 - 2004)*

**T**rong quá trình 25 năm xây dựng và trưởng thành của Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tỉnh Lâm Đồng mà tiền thân là Ủy ban Khoa học tỉnh đã luôn quan tâm tới công tác thanh tra. Đến nay, lực lượng Thanh tra KH&CN đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Thanh tra là một chức năng thiết yếu của cơ quan quản lý Nhà nước, là phương tiện đảm bảo pháp chế, tăng cường kỷ cương và hiệu lực trong quản lý nhà nước. Thanh tra được hình thành và hoàn thiện cùng với sự ra đời và phát triển của Nhà nước.

Chính vì nhận thức như trên mà trong quá trình 25 năm xây dựng và phát triển của mình, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật (UBKH&KT), Ban Khoa học và Kỹ thuật; Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (KH&CN&MT) Lâm Đồng trước đây và Sở KH&CN Lâm Đồng hiện nay đã chăm lo cho hoạt động thanh tra, đặc biệt là trong những năm chuyển sang thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về KH&CN. Trong 25 năm xây dựng ngành, lực lượng thanh tra đã trải qua các giai đoạn xây dựng và phát triển.

**Giai đoạn đầu** tuy chưa có quy định của pháp luật về việc tổ chức bộ máy, quy chế, nhiệm vụ của tổ chức Thanh tra Sở, nhưng trong tổ chức Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng (thuộc Sở) đã có lực lượng Thanh tra Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng (TC-ĐL-CL)

chuyên ngành, hoạt động tốt, phối hợp cùng các đơn vị quản lý của Sở, các cơ quan hữu trách phục vụ công tác quản lý Nhà nước và xã hội.

Năm 1993, Bộ KH&CN&MT và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) đã ban hành Thông tư 1450/LB-TT, quy định chức năng thanh tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở KH&CN&MT các tỉnh, thành phố.

Trong giai đoạn này, Pháp lệnh Thanh tra, Luật Bảo vệ môi trường, Pháp lệnh Đo lường, Pháp lệnh Chất lượng hàng hoá và các phần Chuyển giao công nghệ, Sở hữu công nghiệp của Bộ Luật dân sự cùng hàng loạt nghị định, thông tư, quyết định đã được ban hành nhằm thực thi chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường. Các văn bản quy phạm pháp luật này đã thống nhất quy định tổ chức, chức danh lãnh đạo tổ chức thanh tra, chức danh thanh tra viên và thẩm quyền của họ khi thi hành công vụ; quy định chức năng, nội dung thanh tra, trình tự thủ tục tiến hành thanh tra đối với từng lĩnh vực. Đây là những căn cứ quan trọng để các tổ chức thanh tra KH&CN từ Bộ đến Sở thực hiện tốt chức năng của mình.

**Giai đoạn thứ 2:** Thực hiện Pháp lệnh Thanh tra năm 1990, theo các hướng dẫn, chỉ đạo của Bộ, Thanh tra Bộ. Sở KH&CN đã hình thành, tổ chức và củng cố lực lượng Thanh tra Sở.

Trong giai đoạn này, Thanh tra Sở đã hình thành, phối hợp cùng

Thanh tra Nhà nước tỉnh, Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục TCĐLCL, Thanh tra Cục Môi trường, bộ phận chuyên trách giải quyết khiếu nại của Cục Sở hữu Công nghiệp (nay là Cục Sở hữu trí tuệ) tổ chức, tuân thủ những tiêu chí của một bộ máy, tiêu chuẩn cán bộ,... để kiện toàn. Đến thời điểm này, các tổ chức Thanh tra Sở thống nhất đồng thời thực hiện hai chức năng: Thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật của Nhà nước về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, bảo vệ môi trường, TCĐLCL, an toàn và kiểm soát bức xạ, thực thi quyền sở hữu công nghiệp và các lĩnh vực khác thuộc sự quản lý của ngành KH&CN&MT đối với các tổ chức, cá nhân trong xã hội; và chức năng thanh tra trong nội bộ đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý của thủ trưởng cùng cấp. Đồng thời các tổ chức thanh tra nêu trên còn có nhiệm vụ giúp thủ trưởng cùng cấp giải quyết các tranh chấp, tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền do Luật Khiếu nại, Tố cáo quy định.

Từ năm 1994 đến nay thanh tra KH&CN đã triển khai tổ chức thực hiện các chức năng thanh tra. Đặc biệt sau khi Luật KH&CN được ban hành đã góp phần bổ sung hệ thống pháp luật của ngành, tạo cơ sở pháp lý để các tổ chức thanh tra tăng cường triển khai, mở rộng nội dung, phạm vi hoạt động. Các tổ chức Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục TCĐLCL, Thanh tra Cục Môi trường và Thanh tra của các Sở đã phối hợp tổ chức hoặc tiến hành độc lập hàng loạt hoạt động thanh

tra trên tất cả các lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của ngành (Đặc biệt đã có sự giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, phối hợp của các tổ chức Thanh tra các Sở với nhau, với các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ trong hệ thống của Bộ, của các đơn vị hữu quan). Sau giai đoạn tổ chức tập huấn pháp luật trong các lĩnh vực quản lý, thống nhất nghiệp vụ thanh tra, các tổ chức Thanh tra từ Bộ đến các Sở đã tổ chức nhiều hoạt động thanh tra. Đặc biệt, trong giai đoạn này, Chính phủ ban hành nhiều nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, đo lường và chất lượng hàng hoá, chuyển giao công nghệ, an toàn và kiểm soát bức xạ, sở hữu công nghiệp và chuẩn bị ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN. Các văn bản này đã và sẽ tạo cho các tổ chức thanh tra có thêm công cụ để xử lý vi phạm.

Nhiều cuộc thanh tra diện rộng theo sự chỉ đạo của Bộ KH&CN&MT, Bộ KH&CN hiện nay đã được tổ chức thực hiện trong địa bàn tỉnh, mang lại hiệu quả tốt, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước của ngành. Đó là cuộc thanh tra diện rộng tiến hành vào Quý II và III năm 1997 theo Chỉ thị số 513 của Bộ trưởng Bộ KH&CN&MT với chuyên đề bảo vệ môi trường; cuộc thanh tra năm 1998 với chuyên đề về đo lường và chất lượng hàng hoá theo Chỉ thị 263; cuộc thanh tra về sở hữu công nghiệp, kết hợp nội dung đo lường, chất lượng hàng hoá và bảo vệ môi trường năm 2000 theo Chỉ thị số 1100; cuộc thanh tra về *Đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ đối với hàng đóng gói sẵn định lượng theo khối lượng hoặc thể tích theo Chỉ thị số 18/2004/CT-BKH&CN*, Chỉ thị riêng trong ba cuộc thanh tra trên, Thanh tra KH&CN đã thanh tra trên 400 cơ sở với các quy mô khác nhau, phát hiện nhiều cơ sở

vi phạm trong các lĩnh vực bảo vệ môi trường, đo lường và chất lượng hàng hoá, sở hữu công nghiệp. Tổng số tiền phạt vi phạm hành chính nộp ngân sách là trên 1 triệu đồng.

Nhìn lại giai đoạn từ năm 1994 đến nay, bên cạnh hoạt động thanh tra Thanh tra chuyên đề diện rộng trên, hàng năm Sở đều có chương trình thanh tra riêng, phục vụ cho nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình. Trung bình mỗi năm, lực lượng thanh tra Sở KH&CN đã tiến hành thanh tra trên 150 cơ sở với các nội dung: Thanh tra việc chấp hành pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành như các hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua các chương trình, đề tài, dự án đối với tất cả các giai đoạn từ tuyển chọn, thực hiện, nghiệm thu đánh giá; các hợp đồng chuyển giao công nghệ; về đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hoá; việc tuân thủ các quy định về an toàn và kiểm soát bức xạ; thanh tra để đảm bảo trách nhiệm bảo hộ và chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Bên cạnh đó, các tổ chức Thanh tra KH&CN còn tiến hành nhiều cuộc thanh tra trong nội bộ cơ quan nhằm đảm bảo cho việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy định của cơ quan và việc thực hiện nhiệm vụ được giao, nhằm chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng trong cơ quan.

Ngoài ra, hàng năm thanh tra đã giúp cho lãnh đạo các cấp tiếp nhận và giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại, phản ánh, kiến nghị; kịp thời giải quyết không để xảy ra điểm nóng.

Từ 1994 đến nay, các tổ chức Thanh tra Sở KH&CN đã thu được nhiều kết quả, đã khẳng định chức năng không thể thiếu của hoạt động thanh tra trong quá trình thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực quản lý của

ngành. Đồng thời, đã khẳng định được vị thế của mình trong tổ chức, hoạt động quản lý của cơ quan. Đã tham mưu, đề xuất nhiều ý kiến thiết thực, góp phần xứng đáng vào kết quả chung, mang lại hiệu quả và làm tăng hiệu lực quản lý. Do những đóng góp đó, Thanh tra Sở và cán bộ Thanh tra của Sở đã được tặng thưởng các danh hiệu thi đua: tập thể CBCCC Thanh tra Sở nhiều năm liền liên tục đạt danh hiệu lao động xuất sắc; 01 Thanh tra viên được tặng Bằng khen của UBND tỉnh, nhiều thanh tra viên đã được rèn luyện và trưởng thành.

Trong quá trình 10 năm hình thành, xây dựng và trưởng thành, của Thanh tra Sở KH&CN tỉnh, thành phố, với 3 giai đoạn xây dựng và phát triển khác nhau, những thanh tra viên và công chức hoạt động trong lĩnh vực thanh tra KH&CN có quyền tự hào về sự đóng góp của mình vào thành tích chung của 25 năm xây dựng và phát triển của Sở.

Những kết quả hoạt động của tổ chức Thanh tra KH&CN có được, bên cạnh sự nỗ lực, phấn đấu, không ngại khó, không ngừng hoàn thiện tổ chức và trình độ chuyên môn của bản thân từng thanh tra viên, từng tổ chức thanh tra, phải kể đến sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Sở KH&CN, sự phối kết hợp có hiệu quả của các đơn vị trong và ngoài ngành, sự ủng hộ của các phương tiện thông tin đại chúng.

Phát huy thành tựu của 10 năm hoạt động, các thanh tra viên công tác trong ngành nguyện không ngừng rèn luyện bản lĩnh chính trị của người thanh tra viên, học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thiện nghiệp vụ thanh tra để hoàn thành tốt những nhiệm vụ ngày càng khó khăn, phức tạp hơn, góp phần xứng đáng vào sự phát triển KH&CN của tỉnh nhà.

## Mô hình sản xuất hoa...

(tiếp theo trang 26)

Rau & Hoa đã tiến hành đề tài "Nghiên cứu chọn lọc và phát triển mô hình sản xuất hoa theo hướng công nghiệp tại Đà Lạt". Mục tiêu của đề tài là trong 2-3 năm, chọn lọc và xây dựng một mô hình sản xuất hoa cắt cành có các yếu tố công nghiệp, như:

1. Áp dụng được các tiến bộ công nghệ về giống, kỹ thuật sản xuất và tiếp thị để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đồng nhất và ổn định, đạt yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng của thị hiếu tiêu dùng cao cấp trong nước và thị trường xuất khẩu;

2. Có quy mô sản xuất đủ lớn, mang tính kế hoạch hoá cao, để có khả năng đáp ứng các hợp đồng cung cấp dài hạn, ngắn hạn về chủng loại và khối lượng sản phẩm hoa.

### I. MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA ĐỀ TÀI

#### I.1. Giải pháp công nghệ hỗ trợ chủ yếu

##### I.1.1. Giải pháp công nghệ về giống

Giống tốt là yếu tố đầu tiên ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và hiệu quả đầu tư. Vì vậy, đề tài đạt vấn đề nghiên cứu xây dựng các quy trình công nghệ sản xuất giống sạch bệnh có hiệu quả cao, ứng kỹ thuật nuôi cấy mô, cho một số cây hoa chủ lực của mô hình (cẩm chướng, cúc, lay-ơn, đồng tiền). Các quy trình này nhằm ứng dụng cho mô hình để sản xuất cung cấp liên tục nguồn giống sạch bệnh cho nhu cầu sản xuất.

Đề tài đã xây dựng hoàn chỉnh quy trình sản xuất ngọn giống hoa cúc và cẩm chướng *ex vitro*, củ giống lay-ơn *in vitro*, và cây giống đồng tiền *in vitro* với hiệu suất cao. Các quy trình này đang được hoàn thiện cho quy mô sản xuất lớn và tổ chức ứng dụng để cung cấp giống cho sản xuất đại trà mà trước mắt là cho mô hình đang xây dựng.

##### I.1.2. Giải pháp kỹ thuật sản xuất hoa chất lượng cao

Việc áp dụng một quy trình sản xuất thống nhất để tạo ra khối lượng lớn sản phẩm có chất lượng cao đồng nhất và ổn định là yếu tố quan trọng để đảm bảo cơ sở sản xuất có thể đứng vững trên thị trường. Vì vậy, đề tài đã nghiên cứu xây dựng các quy trình sản xuất hoa chất lượng cao cho các loài cúc, cẩm chướng và hồng, là loại hoa chính mà hiện các thành viên của mô hình đang sản xuất để phục vụ xuất khẩu. Các quy trình này được xây dựng trên cơ sở hiệu chỉnh và chuẩn hóa các quy trình bón phân, chăm sóc và bảo vệ thực vật cho các cây trồng đối tượng trong điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và nền đất

canh tác hiện tại của các hộ nông dân tham gia mô hình. Các quy trình này đã được tổ chức tập huấn và triển khai áp dụng cho các hộ nông dân tham gia mô hình. Kết quả cho thấy năng suất và chất lượng các loại cúc, hồng, cẩm chướng được cải thiện rõ rệt.

##### I.1.3. Giải pháp công nghệ quản lý sau thu hoạch

Kết quả điều tra cho thấy hầu hết người sản xuất và kinh doanh hoa cắt cành không quan tâm hoặc chưa có ý thức về tầm quan trọng và chưa có hiểu biết tốt về quản lý sau thu hoạch đối với hoa cắt cành. Trong khi đó, quản lý sau thu hoạch tốt có ý nghĩa quyết định đến việc đảm bảo và tăng cường chất lượng hoa đến tay người tiêu dùng. Vì vậy, đề tài đã tiến hành một số nội dung về quản lý sau thu hoạch như:

+ Tập huấn và phổ biến kiến thức cơ sở về quản lý sau thu hoạch cho người sản xuất và kinh doanh hoa cắt cành, bước đầu tập trung chủ yếu cho các thành viên tham gia mô hình;

+ Nghiên cứu phát triển một số chế phẩm hoá học xử lý tăng cường chất lượng hoa sau thu hoạch;

Kết quả cho thấy đã tăng cường được một bước hiểu biết và ý thức của các thành viên về quản lý và xử lý hoa sau thu hoạch để đảm bảo chất lượng sản phẩm. Các chế phẩm xử lý hoa sau thu hoạch đã được kiểm nghiệm, thử nghiệm nhiều lần, cho kết quả rất tốt và hiện nay đang được tổ chức thử nghiệm rộng để áp dụng vào sản xuất.

#### I.2. Các giải pháp về tổ chức sản xuất và tiếp thị

##### I.2.1. Tổ chức sản xuất

Hiện trạng sản xuất nhỏ lẻ của nông dân Đà Lạt, có một số hạn chế sau:

+ Việc ứng dụng các quy trình sản xuất có các yếu tố công nghệ cao về kỹ thuật cũng như tổ chức quản lý là không khả thi do quy mô sản xuất hộ không tương xứng với nhu cầu và quy mô cần đầu tư cũng như hiệu quả cần đạt được về mặt kinh tế xã hội;

+ Không có khả năng tổ chức sản xuất hàng hoá lớn có tính công nghiệp để đáp ứng các hợp đồng cung ứng ngắn hạn, dài hạn, vì vậy khả năng cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước bị hạn chế.

Để khắc phục các yếu điểm trên, cần xây dựng một mô hình sản xuất có quy mô thích hợp, đủ lớn để đầu tư ứng dụng các yếu tố công nghệ cao về sản xuất, tiếp thị và cung ứng sản phẩm có quy mô công nghiệp và đạt hiệu quả cao tương xứng. Một mô hình như vậy phải dựa trên sự liên kết của nông dân dưới hình thức hợp tác xã hoặc hiệp hội sản xuất kinh doanh. Quy mô diện tích cần đạt bước đầu ít nhất 5-10 ha.

Đề tài đã phối hợp với Trung tâm Nông nghiệp Đà Lạt và Hội Nông dân thành phố Đà Lạt tổ chức Chi hội nông dân Sản xuất hoa theo hướng công nghiệp. Bước đầu thành lập, chi hội gồm 10 thành viên chính thức với diện tích 4,5 hecta. Ngay sau đó, một số hộ nông dân khác cũng xin tham gia, nhưng trước mắt, Chi hội chỉ kết nạp thêm 2 người để bảo đảm bước đầu xây dựng thành công mô hình. Diện tích sản xuất hiện nay của Chi hội là trên 6 ha.

Dự kiến khi sản phẩm của chi hội đã đứng vững trên thị trường và có đối tác thường xuyên trên cơ sở các hợp đồng cung ứng, chi hội sẽ tổ chức theo phương thức kế hoạch hoá và quản lý chặt chẽ từ khâu kỹ thuật sản xuất đến tiếp thị, tiêu thụ. Khả năng đầu tư, phát triển công nghệ cũng sẽ lớn mạnh cùng với nguồn vốn chung tích lũy được từ sản xuất kinh doanh.

### 1.2.2. Tiếp thị

Bước đầu đã xây dựng thương hiệu cho Chi hội là "Hoa Thung lũng Tình yêu"; tiếng Anh là "Flowers of Love Valley", logo là "FLOVALLEY". Đề tài đã hỗ trợ chi hội trong việc xây dựng logo, bao bì và tem nhãn.

Đồng thời, Ban chủ nhiệm đề tài cũng đã tích cực tìm kiếm thị trường trong nước và xuất khẩu. Bước đầu đã xuất thử một số sản phẩm cúc và cẩm chướng sang thị trường Nhật Bản, chào hàng thị trường Tp Hồ Chí Minh và miền Trung với nhãn hiệu *Flovalley*. Các đối tác Nhật Bản đã cơ bản chấp nhận chất lượng hoa của Chi hội và có kế hoạch đến Đà Lạt để tiếp xúc và đặt quan hệ liên kết lâu dài.

## II. NHỮNG TỒN TẠI VÀ KHÓ KHĂN

### II.1. Về tổ chức xây dựng mô hình

Việc tổ chức liên kết một số hộ nông dân thành một mô hình sản xuất theo hướng công nghiệp (có tổ chức chặt chẽ), trên cơ sở phương thức sản xuất nhỏ lẻ và thiếu liên kết như của nông dân Đà Lạt hiện nay là một việc khó nếu thiếu sự hỗ trợ, xúc tác từ phía Nhà nước cả về chính sách và đầu tư ban đầu. Tư tưởng tự do cá thể, ngại hợp tác nếu chưa nhìn thấy ngay quyền lợi là một trở ngại đáng kể cần phải khắc phục. Vì vậy, đề tài đã đặt vấn đề tìm kiếm thị trường xuất khẩu và hỗ trợ tiếp thị để tạo đầu ra có giá trị cao, kích thích tinh thần hợp tác cùng kiếm lợi của các thành viên. Tuy nhiên, để xuất khẩu được, trước mắt cần sự hợp tác tổ chức sản xuất để có quy mô sản xuất đủ lớn, chất lượng sản phẩm đủ cao, đáp ứng được yêu cầu của đối tác nước ngoài. Hiện tại, mặc dù Chi hội *Flovalley* đã xuất thử thành công một số lô hàng mẫu nhưng việc hợp tác tổ chức sản xuất còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp sản phẩm của các đối tác. Để hình thành được thói quen sản xuất hàng có chất lượng cao theo hợp đồng cung

cấp thường xuyên thực sự cần có thêm thời gian để nông dân tiếp cận.

Một khó khăn nữa cần phải quyết trong thời gian tới là việc xác lập cho mô hình Chi hội nông dân đã đề xuất một tư cách pháp nhân để ký kết các hợp đồng kinh tế. Việc kinh doanh, tiếp thị theo phương thức uỷ thác qua một tổ chức kinh tế khác sẽ không tăng cường sức mạnh của Chi hội cũng như không tạo được điều kiện để khuếch trương, quảng bá thương hiệu của tổ chức này.

### II.2. Về việc huy động nguồn vốn chung

Mô hình hiện nay dựa trên nguồn vốn sẵn có của các thành viên (đất, nhà lười và các phương tiện sản xuất khác). Nguồn vốn này nếu xét cả về mặt cơ sở vật chất sẽ có giá trị rất lớn (hàng chục tỷ đồng). Đây là thế mạnh của mô hình hợp tác xã kiểu mới. Tuy nhiên, để mô hình phát triển và đứng vững, không những cần xác lập tư cách pháp nhân, mà phải ban hành quy chế tổ chức chặt chẽ gắn quyền lợi của từng hộ thành viên với quyền lợi chung. Để có một tổ chức như vậy, mô hình cần có một nguồn vốn chung ban đầu để đảm bảo các hoạt động quản lý chung, quản lý sau thu hoạch, dịch vụ, tiếp thị, kinh doanh. Các hoạt động này trên thực tế rất quan trọng để có sản phẩm chất lượng cao (chất lượng kỹ thuật cũng như chất lượng chức năng), khả năng tiếp cận, mở rộng thị trường với thương hiệu mạnh và cần được đầu tư thích đáng để phát triển. Chi hội Nông dân sản xuất hoa theo hướng công nghiệp hiện nay chưa có và cần phải có một nguồn vốn chung dưới hình thức nào đó.

## III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở một số tồn tại và khó khăn vừa nêu, Ban chủ nhiệm đề tài có một số kiến nghị như sau:

1. Nhà nước cần có chính sách khuyến khích để phát triển mô hình theo hướng miễn giảm một số loại thuế liên quan đến sản xuất kinh doanh hoa trong thời gian đầu nếu thực sự Chi hội Nông dân cần chuyển đổi thành một đơn vị kinh tế có tư cách pháp nhân (hợp tác xã hoặc doanh nghiệp cổ phần);

2. Cần có dự án hỗ trợ vốn từ phía Nhà nước giúp cho mô hình để có thể đầu tư phát triển phần quản lý chung, các công nghệ quản lý sau thu hoạch, quảng bá, tiếp thị và các dịch vụ liên quan khác;

3. Trong chương trình xây dựng và phát triển hệ thống hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, tỉnh và thành phố cần chú trọng lĩnh vực sản xuất hoa cát cánh, là lĩnh vực thế mạnh giàu tiềm năng của Đà Lạt, làm tiền đề cho sự phát triển các mô hình sản xuất theo hướng công nghiệp hướng tới xuất khẩu. Sớm xây dựng một số hợp tác xã chuyên doanh hoa cát cánh mạnh có khả năng tiếp cận và đứng vững trên thị trường xuất khẩu là phương thức quảng bá tốt nhất cho thương hiệu hoa Đà Lạt.

## MỤC LỤC TẬP SAN THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG (2000-2004)

<b>BẢO VỆ THỰC VẬT</b>		Hoạt động TC-ĐL-CL năm 2001	1/2002, 27
Những điều cần biết về thuốc BVTV	2/2001, 6	Công tác TC-ĐL-CL từ sau Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII	3/2004, 26
Nguyên tắc 4 đúng trong sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh	2/2004, 23	Chất lượng gạch đất sét nung	4/2000, 31
Hướng dẫn sử dụng thuốc trừ sâu sinh học	2/2001, 10	Kiểm tra vi sinh trên thịt heo	3/2000, 19
Tình hình sử dụng thuốc BVTV trên cây chè	3/2002, 22	Cải cách hành chính với ISO-9000	3/2001, 8
Nhện đỏ hại chè	3/2002, 20	Cải cách hành chính theo mô hình một cửa và ứng dụng ISO 9001:2000 tại UBND thành phố Đà Lạt	4/2003, 6
Dịch hại nguy hiểm trên cây điều	2/2000, 25	Áp dụng ISO 9000 trong cải cách hành chính	1/2004, 7
Phòng trừ bộ nhày hại rau cải	3/2000, 18	Áp dụng ISO trong doanh nghiệp, nâng cao chất lượng và phát triển doanh nghiệp	2/2004, 14
<b>CÂY ĂN QUẢ</b>		Nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa	4/2001, 21
Đặc điểm một số giống cây ăn quả	2/2002, 6	Hội Bảo vệ người tiêu dùng Lâm Đồng	4/2001, 31
Nhện hại cam quýt và biện pháp phòng trừ	3/2003, 6	Phát triển hoạt động xã hội bảo vệ người tiêu dùng	2/2002, 10
<b>CÂY CÔNG NGHIỆP</b>		<b>CÔNG NGHIỆP</b>	
Chè Việt Nam và định hướng tiêu thụ	4/2002, 4	Tăng cường phát triển mạng lưới điện tại thành phố Đà Lạt	3/2003, 9
Thực trạng tình hình sản xuất chè ở Lâm Đồng hiện nay	2/2004, 21	Giới thiệu vài nét về dự án đầu tư khai thác bauxit tại Bảo Lâm	4/2002, 27
Một số giải pháp về kỹ thuật tinh thể đối với cây cà phê	2/2001, 15	Tổ hợp bauxit - nhôm Lâm Đồng...	30/2004, 11
Khảo nghiệm các giống chè	3/2002, 27	<b>DÂN TỘC HỌC</b>	
Kết quả nghiên cứu hai dòng chè lai tại Bảo Lộc	4/2002, 5	Lễ hội Nhỏ Lir-bong của đồng bào Kơ Ho Srê	1/2000, 7
Sản xuất chè an toàn	3/2002, 29	Văn hóa ẩm thực của người Mạ	1/2002, 19
Giống dâu lai Trung Quốc Sa Nhị Luân	3/2001, 12	Các mô hình kinh tế gia đình vùng đồng bào dân tộc	2/2000, 1
Tạo giống điều ghép	4/2001, 23	<b>DU LỊCH</b>	
Cây điều ghép giống mới	3/2000, 4	Nghiên cứu du lịch Lâm Đồng - Đà Lạt	1/2002, 2
Một số biện pháp để tăng năng suất điều	3/2000, 5	Hội thảo phát triển du lịch Đà Lạt	3/2001, 4
<b>CHĂN NUÔI</b>		Định hướng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và hội nghị - hội thảo ở Lâm Đồng (2005-2010)	3/2004, 7
Bệnh viêm đường hô hấp mãn tính ở gà	3/2002, 7	Những sự kiện du lịch	2/2000, 31
Phòng trị bệnh cho cá	1/2002, 23	10 nguyên tắc của du lịch bền vững	2/2000, 32
Tác dụng của vôi trong nuôi trồng thủy sản	4/2002, 26	Cảm nhận 10 năm Đà Lạt (1993-2003)	4/2003, 1
Phòng trừ một số bệnh phổ biến cho gia súc, gia cầm trong thời kỳ giao mùa	2/2003, 23	Phát triển du lịch sinh thái ở Lâm Đồng	1/2004, 14
Kỹ thuật nuôi tôm bán thâm canh trong ao	3/2003, 26	Một vài ý kiến liên quan đến khai niệm "môi trường du lịch"	3/2004, 21
<b>CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM</b>			
Quản lý chất lượng bằng hệ thống	2/2000, 23		
Các hệ thống quản lý chất lượng	1/2001, 28		
Năng suất, chất lượng trong kỹ nguyên tri thức	4/2001, 4		

Hội thảo đề tài khoa học "Nghiên cứu cơ chế quản lý và đa dạng hóa sản phẩm du lịch tỉnh Lâm Đồng"	3/2004, 25	<b>KHOA HỌC</b>	
<b>DƯỢC LIỆU</b>		Khoa học và sáng tạo	2/2002, 32
Linh chi	2/2000, 11	Luật khoa học, công nghệ và môi trường	3/2000, 24
Nấm linh chi và sức khỏe	3/2001, 29	Tiếp cận quản lý tri thức	4/2002, 1
Nấm vân chi dùng chữa bệnh ung thư	4/2002, 25	Những nhiệm vụ lớn về KHCN từ Hội nghị TW 6 (khóa IX)	3/2002, 1
Những vị thuốc từ ngựa mang tên ngựa	1/2002, 4	Vấn đề tổ chức quản lý đối với các kết quả nghiên cứu khoa học	4/2002, 11
Những cây thuốc có tên Rồng	1/2000, 20	Mục tiêu chương trình KHCN trọng điểm tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2001-2005	1/2002, 30
<b>ĐỊA LÝ</b>		Kết quả thực hiện đề tài, dự án KHCN lĩnh vực năm 1999	1/2000, 5
Giới thiệu đôi nét về Địa chỉ Lâm Đồng	1/2001, 30	Hiệu quả ứng dụng của các đề tài, dự án KH giai đoạn 1996-2000	4/2000, 1
Địa chỉ Lâm Đồng	1/2002, 2	Danh mục các đề tài KHCN&MT năm 2000	2/2000, 30
Tim hiểu về âm lịch, dương lịch và năm nhuận	1/2001, 9	Danh mục các đề tài, dự án KHCN năm 2001	2/2001, 22
Quy trình thiết lập bản đồ số từ bản đồ giấy	1/2001, 22	Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KHCN năm 2000	4/2001, 4
Khảo sát địa chất khu vực nút đất cục bộ tại thôn Đa Ra Hoa	2/2002, 28	Tình hình nghiên cứu và áp dụng kết quả một số dự án, đề tài KHCN năm 2000	3/2002, 3
<b>HOA</b>		Chính sách tài chính chủ yếu để phát triển KHCN trong hội nhập kinh tế quốc tế	2/2003, 1
Tình hình sản xuất hoa	1/2001, 13	Định hướng kế hoạch KHCN năm 2004-2005	3/2003, 1
Sản xuất và tiêu thụ hoa	2/2002, 8	Tình hình thực hiện các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm tỉnh Lâm Đồng trong các năm 2001-2003	4/2003, 9
Nhân nhanh giống hoa Arum...	1/2000, 14	Tình hình thực hiện đề tài KHCN năm 2002	2/2003, 4
Hoa cẩm thạch	1/2000, 22	Danh mục các đề tài, dự án KHCN năm 2003	2/2003, 7
Nhân nhanh giống hoa hồng môn	4/2000, 22	Danh mục đề tài, dự án KHCN năm 2004	1/2004, 25
Kết quả điều tra thu thập các loài lan	1/2001, 18	Hoạt động sở hữu công nghiệp tại Lâm Đồng	2/2003, 18
Lai tạo giống lan địa phương	1/2001, 13	Giới thiệu những nội dung liên quan đến quá trình hội nhập của Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	3/2003, 24
Làm cách nào để mai nở đúng Tết	1/2002, 9	Kết quả hội thi sáng tạo KHCN tỉnh Lâm Đồng lần thứ nhất	2/2004, 27
Khi trồng hoa áp dụng kỹ thuật cao	2/2003, 20	Thế hệ hội thi sáng tạo KHCN tỉnh Lâm Đồng lần thứ hai	2/2004, 30
Hướng tới một ngành sản xuất hoa có tính công nghiệp công nghệ cao	4/2003, 16	Thực hiện nhiệm vụ KHCN&MT trên địa bàn huyện	2/2002, 4
Ngày xuân bàn thêm về cây Mai anh đào	1/2004, 3	5 năm gắn kết hoạt động nghiên cứu và chuyển giao KH, CN	3/2003, 4
Chương trình phát triển hoa và cây xanh thành phố Đà Lạt	2/2004, 7	Đưa khoa học, công nghệ gắn với phát triển kinh tế - xã hội	1/2004, 2
<b>KHẢO CỔ HỌC</b>		Hướng đến việc phát triển thị trường công nghệ Việt Nam	3/2003, 10
Thánh địa Cát Tiên	3/2003, 23	Công viên công nghệ và vườn ươm tạo doanh nghiệp	4/2003, 28
<b>KHÍ HẬU</b>		Tim hiểu các khu công nghệ cao	1/2004, 12
Mùa mưa ở Lâm Đồng	3/2001, 27		
Hiện tượng sương mù	2/2001, 24		
En so và diễn biến của bão	3/2002, 9		
Ảnh hưởng của Enso đối với thời tiết khu vực Tây Nguyên	4/2002, 23		
Những nguyên nhân chính gây nên tình hình khô hạn	2/2002, 23		
Khảo sát hiện tượng dông ở Tây Nguyên	2/2003, 27		
Lũ quét ở Tây Nguyên, nguyên nhân và biện pháp phòng chống	3/2003, 21		

Công nghệ nano - tiềm năng và hướng phát triển	1/2004, 23	Kết quả xây dựng tổ chức và hoạt động của LHH tỉnh	4/2001, 2
Bàn về quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh, thành phố	4/2003, 3	Đại hội đại biểu Liên hiệp các hội KH&KT tỉnh Lâm Đồng lần thứ II	1/2002, 18
Hợp tác phát triển KH&CN giữa TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Lâm Đồng	3/2004, 27	Một số hoạt động của Hội sinh vật cảnh Lâm Đồng	3/2004, 14
Thông tin KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa	2/2002, 21	<b>MÔI TRƯỜNG</b>	
Nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu KHXH và nhân văn ở Lâm Đồng	4/2003, 26	Hiện trạng môi trường tỉnh Lâm Đồng	2/2000, 4; 3/2002, 5
Vài nét về chương trình đóm lửa ở Trung Quốc	2/2004, 24	Quản lý môi trường tỉnh Lâm Đồng năm 1999	2/2000, 9
<b>KINH TẾ</b>		Thông tin môi trường năm 2002	4/2002, 26
Một vài suy nghĩ về phát triển kinh tế - xã hội Lâm Đồng	2/2004, 1	Ngày môi trường thế giới	2/2001, 16
Phát triển kinh tế trang trại với bảo vệ môi trường sinh thái	2/2002, 15	Hãy cho trái đất một cơ hội	2/2002, 1
Phân tích mô hình trang trại phát triển bền vững	4/2000, 5	Dự án Cải thiện điều kiện vệ sinh thành phố Đà Lạt	1/2002, 6
Tăng cường đầu tư...	4/2001, 11	Chất lượng nước hồ Xuân Hương	3/2002, 18
Kinh tế mạng - Bước đột phá trong thế kỷ XXI	2/2003, 12	Xử lý thoát nước thải đô thị Đà Lạt	3/2001, 6
Ngành dầu tắm tơ Việt Nam hướng đến năm 2010	2/2004, 12	Lựa chọn bãi chôn lấp rác thải tại Lâm Đồng	4/2002, 8
Tình hình phát triển kinh tế trang trại ở Lâm Đồng	3/2004, 29	Xử lý rác tại thị xã Bảo Lộc	3/2002, 21
Chỉ số phát triển con người - kết quả nghiên cứu, đo đạc tính toán bước đầu ở tỉnh Lâm Đồng	3/2004, 23	Chất thải rắn ở Lâm Đồng	2/2000, 8
<b>LÂM NGHIỆP</b>		Thanh tra các đơn vị đã có giấy phép bảo vệ môi trường	4/2001, 32
Hiện trạng rừng...	4/200, 7	Bảo vệ đa dạng sinh học Lâm Đồng - những điều bất cập	3/2003, 18
Mùa khô và nạn cháy rừng	4/2001, 27	Tác động của các hồ chứa ở Tây Nguyên đối với môi trường	4/2003, 25
Biện pháp kỹ thuật phòng chống cháy rừng thông	2/2000, 7	<b>NÔNG NGHIỆP</b>	
Điều tra sâu bệnh hại cây rừng	4/2000, 24	Nông nghiệp trắng là gì?	2/2003, 24
Kỹ thuật trồng cây dó trầm và khả năng phát triển tại Lâm Đồng	4/2002, 15	Đà Lạt, vùng nông nghiệp công nghệ cao	3/2003, 2
Một số định hướng cho công tác phòng cháy rừng mùa khô 2003-2004 ở Lâm Đồng	1/2004, 10	Lâm Đồng - chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao	2/2004, 5
<b>LỊCH SỬ</b>		Định hướng phát triển nông nghiệp bền vững ở Lâm Đồng (2004-2010)	3/2004, 4
Sự kiện Đà Lạt	3/2000, 1	Bảo quản nông sản và thực phẩm	3/2001, 14
ABC Đà Lạt từ số	1/2000	Hãy đến cùng chương trình IPM	3/2002, 19
Nhớ về bác sĩ Yersin	4/2003, 5	Tuyên ngôn quốc tế về sản xuất sạch hơn	2/2000, 29
Tạp san thông tin KHCN Lâm Đồng, kho tư liệu quý về thành phố Đà Lạt	4/2003, 22	Tiềm năng phát triển cây dâu tây tại Lâm Đồng	4/2002, 15
Người Đà Lạt làm phần mềm tại TP. Hồ Chí Minh	4/2003, 24	Phục tráng giống dâu tây	2/2000, 19
<b>LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT</b>		Khuyến nông với công tác ứng dụng giống cây trồng mới ở Lâm Đồng	2/2003, 22
10 chương trình hành động của LH Hội LD	2/2001, 11	Kỹ thuật trồng khoai tây mùa mưa	3/2002, 25
Hoạt động của một số hội thành viên	4/2001, 24	Đặc điểm một số giống lúa có triển vọng	3/2000, 8
Phát huy hiệu quả hoạt động của Liên hiệp Hội Lâm Đồng	4/2001, 1	Lúa lai	4/2000, 11
		Nấm bào ngư	1/2000, 1
		Nghiên cứu nuôi trồng thành công nấm bào ngư (nấm sò vua)	3/2003, 28

Cây keo đậu Philippin sử dụng làm trụ tiêu	3/2001, 23	Mộng Sinh	1/2000, 16
Kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch tre kinh doanh măng	4/2001, 25; 1/2002, 21	Ngô Tú	1/2002, 16
<b>RAU</b>		Nguyễn Xuân Du	1/2002, 16
Những đổi mới trong sản xuất rau tại Đà Lạt	2/2001, 13	Nguyễn Tấn On	4/2003, 17
Các nguyên tắc trong sản xuất rau sạch	4/2002, 10	Nguyễn Vĩnh	2/2004, 16
Quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn	4/2002, 21	Phạm Quốc Ca	2/2000, 16
Kết quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất rau an toàn tại Đà Lạt	1/2000, 2	Phạm Thuấn	1/2002, 17
Quản lý chất lượng sản phẩm rau an toàn - giải pháp thích hợp cho ngành rau Đà Lạt - Lâm Đồng	3/2004, 1	Phạm Vĩnh	3/2001, 16
Cải bắp, cải bông	1/2001, 20	Phan Hữu Giản	4/2000, 16
Chế biến rau cải thảo	4/2000, 26	Thanh Dương Hồng	4/2001, 16
Làm gì với bệnh thối nhũn bắp cải	2/2003, 30	Thu Lâm (Trần Ngọc Trác)	1/2002, 17
<b>SINH HỌC</b>		Trần Ngọc Trác	2/2003, 16
Công nghệ sinh học	2/2001, 26	Trần Sỹ Thú	3/2000, 16
Bảo vệ đa dạng sinh học Tây Nguyên	2/2001, 4	Trương Quỳnh	1/2002, 17
Thông điệp bảo vệ đa dạng sinh học vùng Tây Nguyên	3/2000, 3	Trương Trổ	1/2001, 16; 1/2004, 16
Sinh vật lạ	2/2001, 2	Uông Thái Biểu	2/2002, 16
Hấm biogaz	4/2000, 28	Vũ Thuộc	4/2002, 16
Mô hình hầm biogaz	3/2002, 31	Vũ Dậu	1/2004, 16
Tim hiệu khủng long	1/2000, 24	<b>Y TẾ</b>	
Tim hiệu về rắn	1/2001, 4	Những đề tài nghiên cứu KH của ngành y tế Lâm Đồng năm 2004	3/2004, 31
<b>TIN HỌC</b>		Vắc xin - những tiến bộ về phòng bệnh	4/2000, 18
Hội tin học Lâm Đồng	4/2001, 9	Nhiễm virus viêm gan B	4/2004, 29
Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước tỉnh Lâm Đồng	3/2002, 11	Siêu âm chẩn đoán trong thời kỳ tiền sản	2/2001, 20
Dự án phát triển CNTT và công nghệ phần mềm	3/2001, 29	Phương pháp chụp cắt lớp điện toán	3/2001, 21
Định hướng phát triển CNTT...	1/2001, 11	Đi bộ	2/2002, 30
Thương mại điện tử	4/2001, 14	Ảnh hưởng của uống chè đến sức khỏe con người	4/2002, 28
CD-ROM Lâm Đồng - Đà Lạt, những tư liệu khảo cứu	3/2001, 32	Chế phẩm phòng và trị suy dinh dưỡng cho trẻ em từ bột nhộng tằm	2/2000, 13
Xây dựng mạng thông tin điện tử Intranet Lâm Đồng	4/2000, 9	Bệnh khớp	3/2000, 22
Giới thiệu mạng intranet Lâm Đồng	1/2001, 31	Phòng ngừa và điều trị một số bệnh của rắn	1/2001, 6
Lâm Đồng ứng dụng CNTT trong nhà trường, định hướng đến 2005	4/2003, 18	Năm Thân nói chuyện Khỉ	1/2004, 5
Website Lâm Đồng trên internet	4/2003, 20	Chè đắng	1/2004, 20
<b>THƠ</b>		Đậu nành với sức khỏe	2/2004, 25
Bạch Phương Lan	2/2001, 18	Tác dụng chữa bệnh diệu kỳ của rau diếp cá	3/2004, 30
Kim Ngọc	3/2002, 16		
Lê Đình Trọng	3/2003, 6		
Lê Bá Cảnh	3/2004, 16		





## TIN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ - TIN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ - TIN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

\* **Triển khai việc thực hiện Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ, hạt nhân**, Sở khoa học và công nghệ đã tiến hành kiểm tra toàn bộ cơ sở sử dụng các thiết bị X-quang trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ ngày 19/10/2004 đến ngày 30/10/2004. Kết quả cụ thể như sau:

Lâm Đồng hiện có 23 cơ sở X-quang đang hoạt động (15 cơ sở do Nhà nước quản lý, trong đó có 1 cơ sở của Học viện lục quân; 8 cơ sở của tư nhân) chủ yếu trong lĩnh vực y tế. Trong đó, mới chỉ có 6 cơ sở của tư nhân được cấp phép và thực hiện đúng Pháp lệnh an toàn và kiểm soát bức xạ. Những cơ sở còn lại còn thiếu thủ tục, hồ sơ, nội quy, tiêu chuẩn an toàn,...

Đa số các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang cũ, không có kiểm định chất lượng thiết bị theo định kỳ, phòng chụp không đủ diện tích theo quy định, mức độ che chắn tại cơ sở không phù hợp với tiêu chuẩn. Do đó, khả năng rò rỉ tia bức xạ vượt mức cho phép rất lớn. Theo báo cáo, suất liều đo được tại các cơ sở đều vượt mức giới hạn cho phép nhiều lần như: Trung tâm y tế huyện Lâm Hà, Đức Trọng, Di Linh, Đơn Dương, Phân viện Bệnh viện y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch tại Bảo Lộc,... Cá biệt, có nơi suất liều còn vượt quá mức giới hạn cho phép hơn 100 lần (Trung tâm y tế huyện Đa Huoai). Bên cạnh đó, đối với nhân viên làm việc trực tiếp chưa được trang bị liều kế cá nhân cũng như sổ theo dõi liều kế cá nhân, nên rất khó kiểm soát được mức độ an toàn.

Việc vượt mức suất liều cho phép này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe của bệnh nhân cũng như của nhân viên y tế làm việc trực tiếp.

Qua kiểm tra, Sở KHCN đã nhắc nhở các đơn vị phải thực hiện nghiêm chỉnh công tác quản lý an toàn bức xạ và có một số kiến nghị:

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến và cập nhật kiến thức trong lĩnh vực an toàn bức xạ cho nhân viên quản lý và nhân viên bức xạ tại các cơ sở;

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra đối với các cơ sở bức xạ, kiên quyết xử phạt những cơ sở không thực hiện đúng các quy định pháp luật về an toàn bức xạ;

- Tăng cường sự chỉ đạo của Sở y tế đối với các cơ sở X-quang trên toàn tỉnh, nhất là tại các bệnh viện và trung tâm y tế huyện;

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở KHCN và y tế, qua đó thành lập tổ công tác liên ngành phối hợp thẩm định, cấp giấy phép, thanh kiểm tra;

- Cần có sự chỉ đạo của UBND tỉnh trong quản lý

cơ sở X-quang của Trung ương do Học viện lục quân quản lý.

\* **Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 15 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân và 59 năm ngày thành lập Lực lượng vũ trang Quân khu 7**, Đảng ủy, Ban chấp hành quân sự tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng trong tỉnh đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, của lực lượng vũ trang tỉnh và Quân khu (tổ chức cuộc thi tìm hiểu "Sáng mãi phẩm chất bộ đội cụ Hồ"; liên hoan kịch ngắn, kịch vui của lực lượng vũ trang trong tỉnh; thi phim truyền hình do Quân khu tổ chức,...).

Đây là một hoạt động chính trị xã hội mang ý nghĩa lớn nhằm nêu cao truyền thống dựng và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Qua đó nâng cao nhận thức về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

\* **Hướng dẫn hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm trong chế biến chè**

Ngày 30/11/2004 Chi cục Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng thuộc Sở Khoa học & Công nghệ Lâm Đồng đã tổ chức lớp tập huấn "Hướng dẫn hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm trong chế biến chè" tại Hội trường Ủy ban nhân dân Thị xã Bảo Lộc. Tham gia lớp tập huấn có đại diện của 23 doanh nghiệp, cơ sở chế biến chè tại địa bàn Bảo Lộc, Di Linh, Bảo Lâm. Nội dung lớp tập huấn giới thiệu về hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm cho các doanh nghiệp sản xuất chè; xây dựng và tổ chức phòng thí nghiệm; kiểm tra sản phẩm tại các công đoạn và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng chè trong quá trình chế biến. Đây là một trong những hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp, giúp nắm vững các kiến thức căn bản liên quan đến công tác nâng cao chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh của mặt hàng chè - một trong những mặt hàng thế mạnh của tỉnh Lâm Đồng.

\* **Lớp tập huấn nghiệp vụ về KH-CN tại Lâm Đồng**

Thực hiện kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về KH-CN cho các cán bộ quản lý, cán bộ KH-CN của Tỉnh trong tuần lễ từ 8 đến 15/12/2004 Sở KH-CN Lâm Đồng đã phối hợp với Trường nghiệp vụ quản lý của Bộ KH-CN tổ chức 2 lớp chuyên đề (Lớp bồi dưỡng kiến thức về sở hữu trí tuệ & Lớp phương pháp luận tư duy sáng tạo). Tham dự các lớp chuyên đề có khoảng 80 học viên là các cán bộ, chuyên viên của các sở, ban, ngành trong tỉnh. Ngoài các báo cáo viên

đến từ Trường nghiệp vụ quản lý của Bộ KH-CN, đặc biệt còn có sự hiện diện của Ông Nguyễn Đình Lương (nguyên là trợ lý Bộ trưởng Bộ Thương mại; Trưởng đoàn đàm phán thương mại VN-Hoa Kỳ) với 2 buổi trình bày về vấn đề hội nhập liên quan đến Hiệp định thương mại Việt Mỹ. Các nội dung được giới thiệu trong 2 lớp tập huấn được báo cáo viên giới thiệu và khái quát một cách có hệ thống giúp học viên hiểu rõ hơn. Đối với lớp “phương pháp luận tư duy sáng tạo”, các báo cáo viên đã cung cấp nhiều thông tin mới, bổ ích; đây là các yếu tố cần thiết trong quá trình phân tích, đánh giá nhiều mặt của vấn đề để giúp cán bộ quản lý, cán bộ khoa học có những quyết định đúng đắn.

**\* Mười công nghệ sẽ làm thay đổi thế giới (do Tạp chí công nghệ của Viện công nghệ Massachusetts-Mỹ nhận dạng trong hàng loạt công trình nghiên cứu đang được tiến hành trên thế giới)**

**1. Mạng cảm biến liên hệ bằng sóng vô tuyến:** trong tương lai mạng này có thể giúp giám sát môi trường thiên nhiên, phương tiện máy móc và cả con người. Mạng này bao gồm những “hạt bụi” (Mote) được trang bị bộ xử lý, bộ nhớ,... và hệ điều hành TinyOS (Tiny Operating System). Các nhóm nghiên cứu đang cố gắng kích thước cơ cấu trong khoảng 1mm<sup>3</sup> để có thể thâm nhập và thiết lập được hàng nghìn, hàng triệu cảm biến hỗ trợ cho việc giám sát và phòng vệ các đối tượng có liên quan.

**2. Liệu pháp tạo mô không cần giải phẫu:** Đây là liệu pháp tập trung vào việc tạo sụn và xương trong việc thay thế các khớp (tiêm vào khớp hỗn hợp gồm các polyme, tế bào, các chất kích thích sinh trưởng. Nghiên cứu cho thấy có thể phát triển khả năng công nghệ này trên các loại mô khác. Đây là vấn đề phức tạp nhất của kỹ thuật mô, hướng nghiên cứu phát triển tế bào gốc (Stem cell), sử dụng những tín hiệu đặc thù để điều khiển tế bào phát triển.

**3. Tế bào quang điện chế tạo từ vật liệu nano:** việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ nano để làm ra tế bào quang điện giúp giảm giá thành sản xuất và mở ra triển vọng phát triển rộng rãi điện mặt trời. Kết quả bước đầu cho thấy nhiều triển vọng và đang tiếp tục được nghiên cứu để nâng cao các tính năng có liên quan (tăng cường độ hấp thụ ánh sáng và độ dẫn điện,...).

**4. Cơ điện tử:** đây là lĩnh vực kết hợp hệ thống cơ khí truyền thông với các cấu phần điện tử mới, các bộ cảm biến và phần mềm thông tin để điều khiển. Cách đây không lâu cơ điện tử chỉ được ứng dụng chủ yếu ở máy bay, các thiết bị công nghiệp có độ chính xác cao, máy ảnh, máy sao chụp. Hiện nay các nhóm nghiên cứu đang tập trung hướng vào việc ứng dụng đối với ô tô, máy kéo giúp tăng phần chính xác và khắc phục nhanh những hỏng hóc tức thời.

**5. Tính toán mạng (Grid Computing):** đây là hệ

thống đang được tiến hành nghiên cứu, có khả năng tính toán nhanh nhất trên trái đất, với các lĩnh vực ứng dụng rộng rãi từ kỹ thuật di truyền đến vật lý hạt cơ bản, phòng chống động đất,... Hệ thống này áp dụng công cụ Globus Toolkit theo hướng phát triển công cụ giao thức mạng nguồn mở thành một tiêu chuẩn chủ đạo.

**6. Chụp ảnh phân tử:** có thể dẫn đến khả năng phát hiện sớm các căn bệnh ở người, giúp việc thực hiện các liệu pháp điều trị hiệu quả hơn. Đây là sự kết hợp một loạt những kỹ thuật cao cho phép các nhà nghiên cứu có thể quan sát các gen, protein và các phân tử khác trong cơ thể.

**7. In litô nano:** đây là kỹ thuật in để tạo ra những đặc điểm nano trên các sản phẩm (như các linh kiện quang học trong truyền thông hay các vi mạch gen trong chẩn đoán bệnh). Khả năng này cho thấy cùng với kỹ thuật in litô thương mại tiên tiến nhất có thể chế tạo các vi mạch cơ bản nhiều lớp, các vi mạch phức tạp cho các bộ vi xử lý và bộ nhớ.

**8. Bảo hiểm phần mềm:** Công cụ này cho phép các nhà lập trình có thể lập mô hình, thử nghiệm và tranh luận trước khi viết phần mềm. Cách tiếp cận này giúp cải thiện, đơn giản quy trình lập trình đồng thời còn giúp nâng cao chất lượng phần mềm. Cách tiếp cận này liên quan đến khái niệm gọi là bóc tách (abstraction) hướng sự chú ý của các nhà lập trình đến nhiều tình huống bộc lộ sự cố có thể xảy ra hơn so với việc kiểm tra phần mềm đặc trưng trong giai đoạn thử nghiệm; công cụ này giúp bảo đảm rằng phần mềm sẽ luôn hoạt động một cách đúng đắn..

**9. Glycomics:** đây là lĩnh vực nghiên cứu glycomic, loại thuốc có thể tác động tốt đến sức khỏe, loại trừ được một loạt các bệnh (từ thấp khớp đến việc lây lan các tế bào ung thư,...). Nghiên cứu cho thấy vai trò tác động tích cực của đường đối với cơ thể thông qua quá trình glycosylation (giúp ổn định và xác định chức năng của các protein). Gen trong cơ thể tác động mã hoá một loạt các protein, nhưng đường có thể làm biến đổi nhiều trong số các protein đó. Để xác định rõ các cấu trúc này là việc làm hết sức nan giải. Viện y học quốc gia Mỹ đang tài trợ một côngsocsium về glycomics chức năng để thúc đẩy lĩnh vực này phát triển nhanh.

**10. Mã hoá lượng tử:** đây là lĩnh vực nghiên cứu mang lại khả năng củng cố sự bảo mật trong liên lạc điện tử. Công nghệ mã hoá điện tử dựa trên cơ sở vật lý lượng tử, ứng dụng ở phạm vi kích thước nguyên tử. Bất kỳ một cố gắng nào nhằm nắm bắt tín hiệu đều được phát hiện khi đó có thể truyền các khoá mã mới để bảo mật thông tin. Nhóm nghiên cứu cũng dự báo rằng trong các thập kỷ tới, thương mại điện tử & chính phủ điện tử chỉ phát triển đảm bảo khi truyền thông lượng tử được phổ biến rộng rãi bởi vì hầu hết tương lai của công nghệ phụ thuộc vào ngành khoa học bảo mật.

# **NHỮNG HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ QUÝ IV/2004**



Chủ tịch tỉnh Lâm Đồng Huỳnh Đức Hòa  
đến thăm và làm việc tại Sở KH&CN Lâm Đồng



Sở KH&CN kết hợp với Sở Du lịch Thương mại  
khảo sát khu du lịch mới tại Hồ Tiên



Hội nghị hợp tác KH & CN giữa Sở KH&CN Lâm Đồng và Trường Đại học Đà Lạt  
(21/10/2004)



Sở KH&CN Lâm Đồng kết hợp với Trường nghiệp vụ quản lý tổ chức lớp  
bồi dưỡng kiến thức về Sở hữu trí tuệ  
(tháng 12/2004)





*Vườn rau Đà Lạt*